

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG**  
**CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM**  
**VINAFOOD II**

**TỔ CHỨC BÁN ĐẦU GIÁ**

**Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

Website: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3837 0026 Fax: (028) 3836 5898

Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ**

**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM**

Địa chỉ: 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 8116 Fax: (028) 3820 0508

Website: [www.vcbs.com.vn](http://www.vcbs.com.vn)

*Tp.Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2018*

**NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC  
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA  
CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC  
MIỀN NAM**

Bản công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam

Với tư cách là Tổ chức công bố thông tin và Tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, Tổng công ty Lương thực miền Nam xin lưu ý rằng các nhà đầu tư nên dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. Tổng công ty Lương thực miền Nam chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Các nhà đầu tư không nên dựa vào bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không được trình bày hoặc đưa ra trong các tài liệu liệt kê dưới đây. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư có nghi ngờ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến tư vấn của các tổ chức tư vấn độc lập.

Tổng công ty Lương thực miền Nam hiện thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức bán bớt một phần vốn nhà nước từ đó giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước xuống 51% sau cổ phần hóa.

Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Lương thực miền Nam hiện nay theo quy định của pháp luật. Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Tổng công ty Lương thực miền Nam, góp phần hình thành Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần và quy định của pháp luật.



Số lượng cổ phần chào bán:	114.831.000 cổ phần, chiếm 22,97% vốn điều lệ
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	10.100 đồng/cổ phần
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam
Tổ chức bán đấu giá cổ phần:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ .....</b>	<b>6</b>
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	10
1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần .....	10
2. Tổ chức phát hành.....	10
3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước .....	10
4. Các tuyên bố có tính chất tương lai .....	11
<b>PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>13</b>
1. Giới thiệu về doanh nghiệp .....	13
2. Ngành nghề kinh doanh.....	16
3. Về cơ cấu tổ chức .....	16
4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty.....	19
5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	23
6. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động.....	26
6.1. Thực trạng về lao động .....	26
6.2. Phương án sử dụng lao động.....	27
7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	31
7.1. Giá trị tài sản tại thời điểm 31/03/2015 .....	31
7.2. Các vấn đề cần lưu ý.....	43
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp .....	64
8.1. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2015 .....	64
8.2. Tình hình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất .....	65
8.3. Nhà cửa vật kiến trúc tại thời điểm 31/03/2015.....	79
8.4. Máy móc thiết bị tại thời điểm 31/03/2015.....	79
8.5. Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/03/2015.....	80
8.6. Thiết bị, dụng cụ quản lý tại thời điểm 31/03/2015.....	81
8.7. Tài sản cố định khác .....	82
8.8. Tài sản cố định vô hình.....	82
9. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm trước cổ phần hóa.....	84

9.1. Sản lượng mua vào, bán ra, kim ngạch xuất - nhập khẩu, doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2013 – 2016.....	84
9.2. Nguyên vật liệu.....	85
9.3. Chi phí.....	86
9.4. Doanh thu.....	87
9.5. Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	88
9.6. Năng lực sản xuất chế biến và khả năng cung ứng.....	95
9.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	105
9.8. Hoạt động bán hàng và marketing.....	105
9.9. Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).....	108
9.10. Nhãn hiệu thương mại.....	108
9.11. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước.....	108
9.12. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	108
9.13. Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa.....	108
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	109
11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá:.....	110
11.1. Mục tiêu, định hướng và tầm nhìn chiến lược.....	110
11.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2017 - 2020.....	113
11.3. Các chỉ tiêu chính của Công ty sau cổ phần hóa.....	117
11.4. Giải pháp thực hiện.....	124
<b>PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>132</b>
1. Mục tiêu cổ phần hóa.....	132
2. Yêu cầu cổ phần hóa.....	132
3. Hình thức cổ phần hóa.....	132
4. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	133
5. Hình thức pháp lý.....	133
6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Công ty.....	133
6.1. Quyền hạn của Công ty.....	133
6.2. Nghĩa vụ của Tổng Công ty.....	133
7. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	134
8. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa.....	134

9.	Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp thành viên giai đoạn 2016 – 2020 .....	137
9.1.	Các doanh nghiệp đã thoái vốn và tiếp tục tái cơ cấu sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần (Vốn của Tổng công ty đầu tư theo số của Kê toán nhà nước xác định lại): .....	138
9.2.	Danh sách đơn vị thành viên của Tổng công ty sau cổ phần hóa: .....	140
10.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....	142
10.1.	Vốn điều lệ .....	142
10.2.	Cơ cấu vốn điều lệ .....	142
<b>PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN .....</b>		<b>143</b>
1.	Rủi ro về kinh tế .....	143
2.	Rủi ro về luật pháp .....	144
3.	Rủi ro của đợt chào bán .....	144
4.	Rủi ro khác .....	144
<b>PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>		<b>144</b>
<b>I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN .....</b>		<b>144</b>
1.	Đối tượng mua cổ phần .....	144
2.	Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường .....	145
3.	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược .....	145
3.1.	Tiêu chí nhà đầu tư chiến lược .....	145
3.2.	Phương thức và quy mô chào bán .....	146
4.	Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên .....	146
5.	Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn Tổng công ty .....	147
6.	Phương án xử lý cổ phần không bán hết .....	147
7.	Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán .....	148
<b>PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>		<b>148</b>
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa .....	148
2.	Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam .....	148
3.	Tổ chức tư vấn triển khai tổ chức bán đấu giá .....	148
<b>KẾT LUẬN .....</b>		<b>148</b>
Các phụ lục đính kèm		

**PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ****I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2015/NĐ-CP);
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định 1909/QĐ-TTg ngày 20/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty lương thực Miền Nam giai đoạn 2012 -2015;
- Nghị định số 10/2014 ngày 13/02/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 -2020;
- Thông tư 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Văn bản số 2453a ngày 07/04/2016 của Văn phòng chính phủ về việc doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước về SCIC;
- Văn bản số 2244/TTg-ĐMDN ngày 10/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Quyết định 5417/QĐ-BNN-QLDN ngày 18/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Văn bản số 10131/BNN-QLDN ngày 18/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Quyết định số 360/QĐBNN-QLDN ngày 28/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;



- Quyết định số 501/QĐBNN-QLDN ngày 09/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Văn bản số 8569/BNN-QLDN ngày 19/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giải thể Công ty TNHH Lương thực Sài Gòn;
- Văn bản số 9849/VPCP – ĐMDN ngày 25/11/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc giải thể Công ty TNHH Lương thực Sài Gòn;
- Văn bản số 10563/BNN-QLDN ngày 28/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giải thể Công ty TNHH Lương thực Sài Gòn;
- Văn bản số 3905/VPCP – ĐMDN ngày 28/05/2015 về kế hoạch, tiến độ cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Quyết định số 2925/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/07/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự toán chi phí cổ phần hóa và Kế hoạch lựa chọn nhà tư vấn để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang và các quyết định liên quan khác có liên quan;
- Quyết định số 12/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh và các quyết định liên quan khác có liên quan;
- Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Văn bản số 5369/BNN-QLDN ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Văn bản số 1685/TTg-ĐMDN ngày 26/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
- Văn bản số 8115/VPCP-ĐMDN ngày 27/09/2016 của Văn phòng chính phủ về việc phương án cổ phần hóa Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
- Văn bản số 8283/BNN-QLDN ngày 30/09/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Lương thực Miền Nam;

- Văn bản số 09/VPCP-ĐMDN ngày 03/01/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tỷ lệ cổ phần nhà nước nắm giữ khi cổ phần hóa Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
- Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Tờ trình số 7603/TTr-BNN-QLDN ngày 07/9/2016 về việc đề nghị phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng công ty Lương thực miền Nam, Tờ trình số 9100/TTr-BNN-QLDN ngày 27/10/2016 về việc điều chỉnh tỷ lệ cổ phần nhà nước nắm giữ khi cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng công ty Lương thực miền Nam của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Báo cáo kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ – Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam, kèm theo Văn bản số 148/KTNN-TH ngày 03/3/2017 của Kiểm toán nhà nước;
- Thông báo kết luận số 2710/TB-BNN-QLDN ngày 31/3/2017 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ – Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Văn bản số 6547/VPCP-ĐMDN ngày 23/6/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc gia hạn thời gian bán cổ phần lần đầu của Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Văn bản số 5458/BNN-QLDN ngày 03/7/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc khẩn trương xây dựng Phương án cổ phần hóa;
- Quyết định số 2917/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Quyết định số 2133/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2017 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng Công ty Lương thực miền Nam.
- Quyết định số 402/QĐ-BNN-QLDN ngày 01/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược; xác định giá bán cổ phần tối thiểu để đàm phán với nhà đầu tư chiến lược; lựa

chọn Sở Giao dịch chứng khoán khi bán cổ phần lần đầu thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam.

## **II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**

### **1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần**

#### **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : Ho Chi Minh City Stock Exchange  
Trụ sở : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 3821 7713  
Fax : (028) 3821 7452  
Website : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

### **2. Tổ chức phát hành**

#### **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM**

Tên tiếng Anh : Vietnam Southern Food Cooperation  
Tên viết tắt : Vinafood II  
Trụ sở : 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 3837 0026  
Fax : (028) 3836 5898  
Website : [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

### **3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước**

#### **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : Vietcombank Securities Ltd – HCM City Branch  
Tên viết tắt : VCBS  
Địa chỉ : 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 3820 8116  
Fax : (028) 3820 0508

Website : [www.vcbs.com.vn](http://www.vcbs.com.vn)

#### **4. Các tuyên bố có tính chất tương lai**

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của Tổng công ty Lương thực miền Nam về tương lai. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Mô hình tổ chức hoạt động sau cổ phần hóa;
- Cơ cấu vốn điều lệ;
- Kế hoạch chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa;

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa; sự hợp tác, quan hệ của Vinafood II với nhà đầu tư chiến lược và khả năng của nhà đầu tư chiến lược trong việc hỗ trợ Vinafor phát triển hoạt động kinh doanh, thực hiện các cải cách về quản trị doanh nghiệp; kế hoạch và giải pháp thực hiện của Vinafor cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp, Vinafood II sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai.

Mặc dù Vinafood II tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng Vinafood II không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chắc chắn xảy ra.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, Vinafood II không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

### **III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Tổng công ty/VINAFOOD II: Tổng công ty Lương thực miền Nam
- ISO: International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia

- MTV: Một thành viên
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- TMCP: Thương mại cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TP: Thành phố
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND: Ủy ban nhân dân
- VCBS: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- WTO: World Trade Organization – Tổ chức Thương mại thế giới

## PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

### 1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
- Tên viết tắt: Tổng Công ty Lương thực Miền Nam
- Tên tiếng Anh: Vietnam Southern Food Corporation
- Tên giao dịch: VINAFOOD II
- Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3837 0026 Fax: (028) 3836 5898
- Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)
- Email: [vanphong@vsfc.com.vn](mailto:vanphong@vsfc.com.vn)
- Logo:



### Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam (VINAFOOD II) tiền thân là Tổng công ty lúa gạo Miền Nam được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 130/LTTP ngày 18/8/1976 của Bộ Lương thực và Thực phẩm;
- Tháng 7/1978: Tổng công ty lúa gạo Miền Nam được đổi tên thành Tổng công ty Lương thực miền Nam (Quyết định số 1606/LTTP-LĐ ngày 20/7/1978 của Bộ Lương thực và Thực phẩm);
- Tháng 9/1986: Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty Lương thực khu vực II (Quyết định số 493 QĐ/TC ngày 09/9/1986 của Bộ Lương thực);
- Tháng 11/1987: Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quyết định thành lập Tổng công ty Lương thực Trung ương (Vinafood) (Quyết định số 210/HĐBT ngày 07/11/1987) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trên cơ sở tổ chức lại các Tổng công ty Lương thực khu vực I, II, Miền Trung, XNK lương thực, Công ty Vật tư bao bì II và các xí nghiệp xay xát gạo và bột mì. Lúc này Tổng công ty trở thành Cơ quan đại diện Tổng công ty Lương thực Trung ương đặt tại Thành

phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 417/NN-CNTP ngày 30/11/1987 của Bộ Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm);

- Tháng 01/1990: Thành lập lại Tổng công ty Lương thực Trung ương II (VINAFOOD II) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (Quyết định số 19 NN-TCCB/QĐ ngày 18/01/1990 của Bộ NN- Công nghiệp thực phẩm);
- Tháng 5/1995: Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Tổng công ty Lương thực miền Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng công ty Lương thực Trung ương II, Công ty Lương thực Trung ương III và các đơn vị kinh doanh lương thực từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào (Quyết định số 311/QĐ/TTg ngày 24/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ). Tổng công ty còn được gọi là Tổng công ty 91 (hạng đặc biệt) vì được thành lập theo mô hình thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh tại Quyết định số 91-TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ;
- Tháng 7/2003: Tổng công ty bắt đầu thực hiện công cuộc sắp xếp, chuyển đổi DNNN và thí điểm tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con của Chính phủ (Quyết định số 136/2003/QĐ-TTg ngày 10/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ);
- Tháng 12/2005: Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 333/2005/QĐ-TTg ngày 14/12/2005 về việc thành lập Tổng công ty Lương thực miền Nam tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; Quyết định số 125/2006/QĐ-TTg ngày 30/5/2006 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng công ty đã đăng ký kinh doanh, khắc dấu lại và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình mới kể từ 08/02/2007;
- Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu; Tổng công ty Lương thực miền Nam thực hiện chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; và kể từ ngày 30/3/2011 cho đến nay Tổng công ty chính thức đăng ký hoạt động theo mô hình mới với tên gọi là: Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Ngày 20/12/2012, Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 1909/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn 2012-2015 để tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính;
- Tính đến ngày 31/03/2015, Tổng công ty Lương thực miền Nam gồm 14 đơn vị thuộc khối mẹ và 01 đơn vị Văn phòng Tổng công ty, 14 Công ty con (03 Công ty TNHH, 11 Công ty cổ phần chi phối), 17 công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với

gần 7.300 cán bộ, công nhân viên. Tổng công ty Lương thực miền Nam có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho chứa trái dài từ Đà Nẵng đến Cà Mau, đặc biệt tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, nơi sản xuất hầu hết số lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam;

- Cùng với sự tăng cường về quy mô, cơ cấu, Tổng công ty Lương thực miền Nam cũng hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề như: chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực, nông sản với sản phẩm chính là lúa gạo. Ngoài ra còn có các mặt hàng khác như thực phẩm chế biến, lúa mì, bột mì, bao bì, cá cơm và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
- Trong gần 40 năm qua, Tổng công ty Lương thực miền Nam đã có những bước phát triển vượt bậc về nhiều mặt, trở thành một trong những Doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo lớn trên thế giới với mức chế biến và xuất khẩu bình quân hàng năm đạt khoảng 2,8 – 3,0 triệu tấn gạo, kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 tỷ USD, doanh số trên 30.000 tỷ đồng đã góp phần quan trọng vào việc tiêu thụ lương thực hàng hóa cho nông dân; đầu tư tăng năng lực sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường nội địa, bình ổn giá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- Hiện Tổng công ty Lương thực miền Nam đang tổ chức và hoạt động theo Điều lệ do Chính phủ phê chuẩn tại Nghị định số 10/2014/NĐ-CP ngày 13/02/2014 (có hiệu lực từ ngày 01/4/2014);
- Giấy CNĐKKD số 4106000338 ngày 20/11/2009 đổi lại là: 0300613198;  
Đăng ký lần đầu: 08/02/2007 tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở KH vàĐT Thành phố HCM (chuyển sang mô hình Công ty mẹ- Công ty con)  
Đăng ký thay đổi lần thứ 1: 02/04/2008 (bổ sung ngành nghề)  
Đăng ký thay đổi lần thứ 2: 04/3/2009 (thêm 2 địa điểm KD)  
Đăng ký thay đổi lần 3: 07/07/2009 (thêm 2 địa điểm KD)  
Đăng ký thay đổi lần 4: 20/11/2009 (Bổ sung ngành nghề)  
Đăng ký thay đổi lần 5: 30/3/2011 (chuyển sang mô hình Công ty TNHH 1TV)  
Đăng ký thay đổi lần 6: 18/02/2014 (thay đổi người ĐDPL và mã hóa ngành)  
Đăng ký thay đổi lần 7: 23/5/2014 (thay đổi người ĐDPL)  
Đăng ký thay đổi lần 8: 09/01/2015 (thay đổi ngành nghề kinh doanh theo Điều lệ tại Nghị định 10/2014/NĐ-CP ngày 13/02/2014 của Chính phủ)  
Đăng ký thay đổi lần 9: 05/01/2016 (thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 5233/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông



thôn về việc di dời trụ sở làm việc của Tổng công ty Lương thực miền Nam). Địa chỉ cũ: 42 Chu Mạnh Trinh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ mới: 333 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đăng ký thay đổi lần thứ 10: 26/10/2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật



Hình ảnh trụ sở chính tại: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Q.1, TP. HCM.

## **2. Ngành nghề kinh doanh**

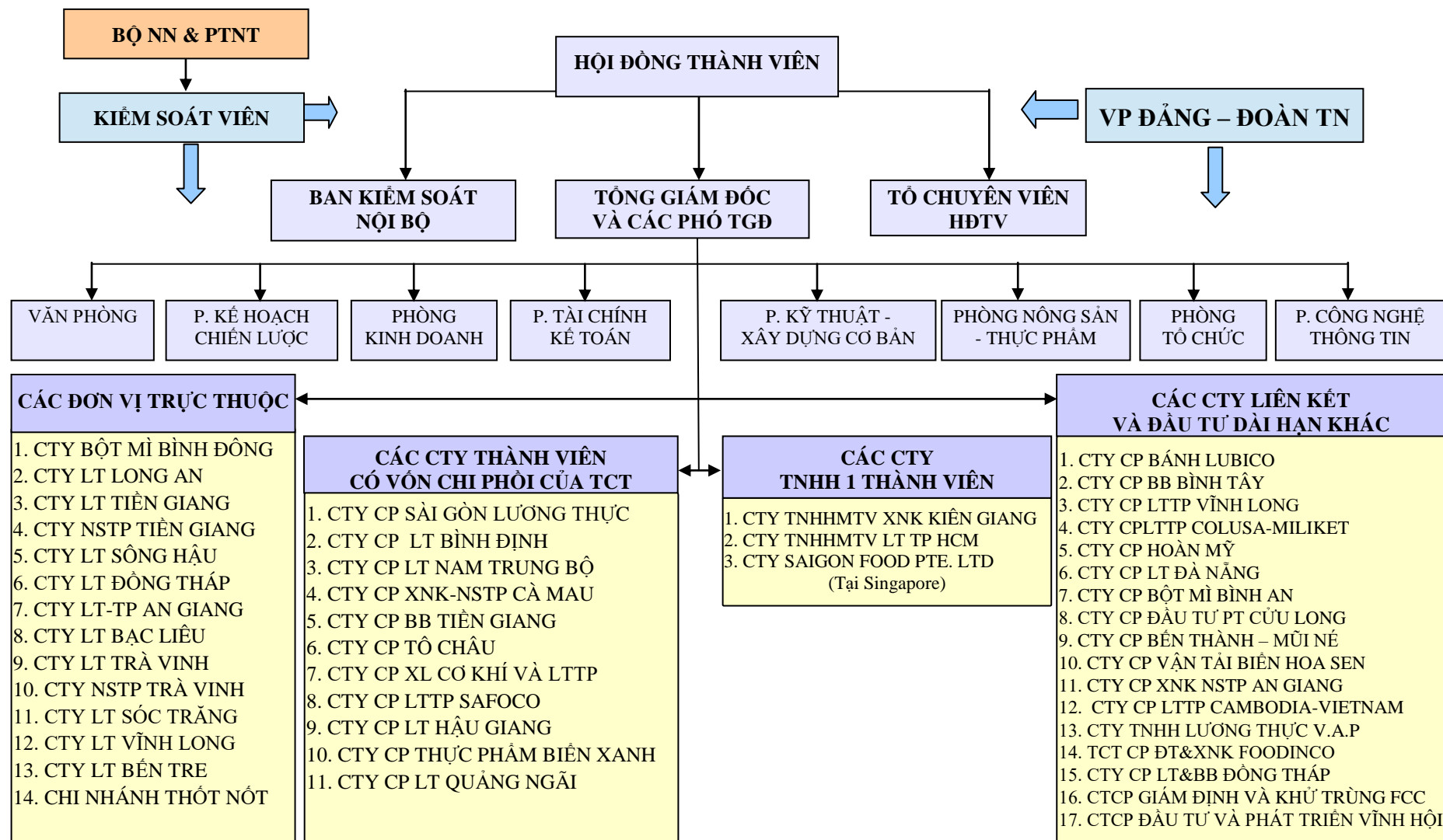
Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0300613198 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 08/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10: ngày 26 tháng 10 năm 2017, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty như sau: Thu mua, bảo quản, chế biến, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản. Xuất khẩu, nhập khẩu lương thực, nông sản;

### **Ngành nghề có liên quan đến kinh doanh chính:**

Chế biến thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Sản xuất kinh doanh bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì; sản xuất và kinh doanh bánh tráng; quản lý khai thác cảng biển Trà Nóc, bến - cảng nội thủy, giao nhận, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển; bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện ích; kinh doanh dịch vụ trồng trọt, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch và xử lý hạt giống để nhân giống; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

## **3. Về cơ cấu tổ chức**

VINAFOOD II có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm: Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám Đốc, Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát nội bộ, bộ máy giúp việc, các doanh nghiệp thành viên và các đơn vị trực thuộc.

**Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Lương thực Miền Nam**


Nguồn: VINAFOOD II

### **Hội đồng thành viên**

- Hội đồng thành viên Tổng công ty là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại Tổng công ty; Hội đồng thành viên có 05 (năm) thành viên, gồm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật. Chủ tịch Hội đồng thành viên là thành viên chuyên trách, không kiêm nhiệm Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của Tổng công ty; Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 (năm) năm. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

### **Kiểm soát viên**

- Kiểm soát viên của Tổng công ty do chủ sở hữu Tổng công ty (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm tối đa 03 kiểm soát viên chuyên trách hoặc không chuyên trách, trong đó có 01 kiểm soát viên phụ trách chung hoạt động chuyên trách.
- Kiểm soát viên có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty.

### **Tổng Giám đốc**

- Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Tổng giám đốc do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác theo đề nghị của Hội đồng thành viên. Tổng giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại.

### **Phó Tổng giám đốc**

- Tổng công ty có 04 (bốn) Phó Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- Các Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

### **Kế Toán trưởng**

- Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc, với thời hạn không quá 05 (năm) năm.
- Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty, giúp Tổng công ty giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
- Tuy nhiên, tại thời điểm 31/03/2015, Tổng công ty không có chức danh Kế toán trưởng mà chỉ có Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

### **Kiểm soát nội bộ**

- Ban Kiểm soát nội bộ do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, trực thuộc Hội đồng thành viên. Ban Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Hội đồng thành viên trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành của Tổng công ty; Kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

### **Bộ máy giúp việc:** Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ

- Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của Tổng giám đốc; Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty theo lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.

## **4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty**

### **4.1. Công ty mẹ của Tổng Công ty**

Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.

### **4.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc, Công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty:**

Danh sách các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty tại thời điểm 31/03/2015

**Bảng 1: Danh sách đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm 31/03/2015**

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Loại hình DN	Tỷ lệ vốn NN (%)
<b>I</b>	<b>CÔNG TY MẸ</b>			
1	Cơ quan Văn phòng Tổng công ty	42 Chu Mạnh Trinh, Q1, P. Bến Nghé, Tp. HCM	TNHH MTV	100
2	Công ty Bột mì Bình Đông	277A Bến Bình Đông, Quận 8, Tp. HCM	Chi nhánh Tổng công ty	100
3	Công ty Lương thực Long An	10 Cử Luyện, Phường 5, Tx. Tân An, Long An	Chi nhánh Tổng công ty	100
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	256 KP2, Phường 10, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	Chi nhánh Tổng công ty	100
5	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	Áp Bình Hòa, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, Tiền Giang	Chi nhánh Tổng công ty	100
6	Công ty Lương thực Bến Tre	26 Hùng Vương, Phường 1, Tp. Bến Tre, Bến Tre	Chi nhánh Tổng công ty	100
7	Công ty Lương thực Vĩnh Long	23 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Tp. Vĩnh Long, Vĩnh Long	Chi nhánh Tổng công ty	100
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	102 Trần Phú, Tx. Trà Vinh, Trà Vinh	Chi nhánh Tổng công ty	100
9	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Áp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tx. Trà Vinh, Trà Vinh	Chi nhánh Tổng công ty	100
10	Công ty Lương thực Sông Hậu	KCN Trà Nóc, Cần Thơ	Chi nhánh Tổng công ty	100
11	Công ty Lương thực Sóc Trăng	76 Lê Duẩn, Khóm 1, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Chi nhánh Tổng công ty	100
12	Công ty Lương thực Bạc Liêu	A13/150 Võ Thị Sáu, Tp. Bạc Liêu, Bạc Liêu	Chi nhánh Tổng công ty	100
13	Công ty Lương thực Đồng Tháp	531 Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp	Chi nhánh Tổng công ty	100
14	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	6 Nguyễn Du, Tp. Long Xuyên, An Giang	Chi nhánh Tổng công ty	100
15	Chi nhánh Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Thốt Nốt	Khu vực Thới Hòa 1, Phường Thới thuận, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ	Chi nhánh Tổng công ty	100

<b>II CÁC CÔNG TY TNHH MTV</b>				
1	Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	57 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, Tp. HCM	TNHH MTV	100
2	Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang	85 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	TNHH MTV	100
3	Công ty SAIGON FOOD PTE. LTD. (Công ty TNHH Lương thực Sài Gòn)	6 Temasek Boulevard, 29 <sup>th</sup> Floor, Suntec Tower Four, Singapore	TNHH MTV	100
<b>III CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN CHI PHỐI</b>				
1	Công ty CP Sài Gòn Lương thực	265 Điện Biên Phủ, Quận 3, Tp. HCM	Cổ phần	51,00
2	Công ty CP lương thực Nam Trung Bộ	76 Trần Hưng Đạo, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Cổ phần	66,27
3	Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco	7/13 Kha Vạn Cân, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, tp. HCM	Cổ phần	51,30
4	Công ty CP Bao bì Tiền Giang	KP Trung Lương, P. 10, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	Cổ phần	60,00
5	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm Cà Mau	969 Lý Thường Kiệt, Tp. Cà Mau	Cổ phần	62,05
6	Công ty CP Tô Châu	1553 Quốc lộ 30. P11, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp	Cổ phần	65,40
7	Công ty CP Lương thực Bình Định	557 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	Cổ phần	51,00
8	Công ty CP Xây lắp cơ khí & Lương thực Thực phẩm	29 Nguyễn Thị Bảy, P6, TXTA, Long An	Cổ phần	60,00
9	Công ty CP Lương thực Hậu Giang	869 Trần Hưng Đạo, P7, TX Vị Thanh, Hậu Giang	Cổ phần	53,28
10	Công ty CP Thực phẩm Biển Xanh	Khóm 1, Thị trấn Duyên Hải, Trà Vinh	Cổ phần	63,47
11	Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi	96 Ngô Quyền, P. Nguyễn Nghiêm, Tp. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Cổ phần	51,00
<b>IV CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC</b>				
1	Công ty CP Bao bì Bình Tây	413 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp. HCM	Cổ phần	31,80
2	Công ty CP Bánh Lubico	50G Bến Phú Định, P. 16,	Cổ phần	20,38



		Q8, Tp. HCM		
3	Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket	1230 Kha Vạn Cân, P. Linh Trung, Thủ Đức, Tp. HCM	Cổ phần	30,72
4	Công ty CP lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	38 Đường 2/9, TX Vĩnh Long, Vĩnh Long	Cổ phần	40,00
5	Công ty CP Hoàn Mỹ	2C Lê Quý Đôn, Q3, Tp. HCM	Cổ phần	30,00
6	Công ty CP Bến Thành – Mũi Né	KP 4, phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Cổ phần	35,17
7	Công ty CP Lương thực Đà Nẵng	16 Lý Thường Kiệt, Tp. Đà Nẵng	Cổ phần	29,91
8	Công ty CP Vận tải biển Hoa Sen	108 Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp. HCM	Cổ phần	47,21
9	Công ty CP lương thực Thực phẩm Cambodia – Vietnam (CAVIFOODS)	30 Pasteur, Tp. Phnom Penh – Campuchia	Cổ phần	37,00
10	Công ty TNHH Lương thực V.A.P	Phường 2, TX. Kiến Tường, Long An	Cổ phần	45,00
11	Công ty CP Đầu tư Phát triển Cửu Long	561 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ phần	25,00
12	Công ty CP XNK nông sản thực phẩm An Giang (Afiex)	25/40 Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang	Cổ phần	20,52
13	Công ty CP Bột mì Bình An	2623 Phạm Thế Hiển, phường 7, Hồ Chí Minh	Cổ phần	19,92
14	Tổng công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO	Đường số 2, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.	Cổ phần	14,86
15	Công ty CP Lương thực & Bao bì Đồng Tháp	Quốc lộ 30, Tổ 11, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	Cổ phần	19,72
16	Công ty CP Giám định và KT FCC	45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Cổ phần	6,00
17	Công ty Cổ phần Đầu tư và PT Vĩnh Hội	01-05 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	Cổ phần	8,80

## 5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Các mặt hàng kinh doanh chủ yếu là: gạo, bột ngọt, nước tương, mì, nui, bánh kẹo, v.v... Tổng công ty Lương thực miền Nam, với chức năng, nhiệm vụ của mình, tích cực tham gia vào công tác bình ổn giá lương thực, phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân với hệ thống 88 Cửa hàng tiện ích từ Đà Nẵng trở vào Cà Mau. Trong đó, tại TP. Hồ Chí Minh có hơn 47 cửa



hàng và trung tâm phân phối.

Bên cạnh sản phẩm mì ăn liền truyền thống, sản phẩm của ngành hàng Lương thực thực phẩm chế biến của Tổng công ty Lương thực miền Nam đa dạng và phong phú với các mặt hàng khác như: Miến, Bún, Phở, Hủ tiếu, cháo ăn liền..., và các mặt hàng gia vị như: Nước tương, tương ớt, bột canh, nước chấm thực vật... Đặc biệt các loại sản phẩm này được sản xuất với nhiều hương vị khác nhau, đã hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu về khẩu vị thị hiếu, tạo điều kiện phục vụ tốt hơn cho người tiêu dùng hiện tại và tiềm năng trong tương lai.



Thị trường Lương thực thực phẩm chế biến của Tổng công ty Lương thực miền Nam chủ yếu là thị trường nội địa, chiếm tỷ lệ trên 80%-90% tổng sản lượng bán ra. Mạng lưới phân phối rộng khắp trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam, với trên 400 nhà phân phối và đại lý trên toàn quốc. Các



sản phẩm đều có mặt ở hầu hết các siêu thị lớn trong cả nước như Big C, Metro, Co.op Mart, Citimart, Maximart... Ngoài ra, những sản phẩm này cũng đã được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như: Mỹ, Philippines, Malaysia, Singapore, Đài Loan, Hong Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Lào, Campuchia, vv...



### Hình ảnh chuỗi các cửa hàng bán lẻ

Bao bì thuộc ngành hàng phụ trợ cho xuất khẩu gạo và gạo tiêu thụ nội địa của Tổng công ty. Đối với ngành hàng này thị trường tiêu thụ luôn ổn định, các công ty luôn chủ động mua và dự trữ nguyên liệu đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tổ chức sản xuất nhiều chủng loại bao, cung cấp kịp thời, đảm bảo đúng số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng cho khách hàng. Sản lượng bán ra hàng năm đạt gần 50.000.000 cái, doanh thu trên 170 tỷ đồng/năm.

### Một số sản phẩm gạo bán buôn của Tổng công ty

#### Gạo Thơm Bông Bưởi



Công Ty Lương Thực  
Sông Hậu

#### Bao Gạo thông dụng



Công Ty Lương Thực  
Sông Hậu

#### Gạo Thơm



Công Ty Lương Thực  
Sông Hậu

#### Gạo CS 2000



Công Ty Lương Thực  
Sông Hậu

#### Gạo Trắng



Công ty Lương thực  
Tiền Giang

#### Gạo Thiên Nga



Công ty Lương thực  
Tiền Giang

#### Gạo Nàng Thơm Chợ Đào



Công ty Lương thực  
Tiền Giang

#### Gạo Tài Nguyên



Công ty Lương thực  
Tiền Giang

**Gạo Tài nguyên**



Công ty Lương thực Bạc Liêu

**Gạo Một bụi đỏ Hồng dân**



Công ty Lương thực Bạc Liêu

**Gạo Hương dứa**



Công ty Lương thực Bến tre

**Gạo thơm Ramsar**



Công ty Lương thực Đồng tháp

**Gạo Nếp**

**Nếp Dẻo**



Công Ty Lương Thực Sông Hậu

**Nếp Xanh**



Công Ty Lương Thực Sông Hậu

**Bột mì**

**Bột mì Cành Mai**



Công ty Cổ phần Bột mì Bình An – Vinabomi

**Bột mì Hoa Mai**



Công ty Cổ phần Bột mì Bình An – Vinabomi

**Bột mì Hoa Tulip**



Công ty Cổ phần Bột mì Bình An – Vinabomi

**Bột mì Chùm Nho**



Công ty Cổ phần Bột mì Bình An – Vinabomi

**Bột mì thuyền buồm xanh**



Công ty Bột mì Bình Đông

**Bột mì thuyền buồm vàng**



Công ty Bột mì Bình Đông

**Bột mì thuyền buồm nâu**



Công ty Bột mì Bình Đông

**Bột mì nhãn hiệu hương dương**



Công ty Bột mì Bình Đông

## 6. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động

### 6.1. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày 31/03/2015, Tổng số lao động có tên trong danh sách bảng lương của Công ty mẹ - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam là 3.111 người, trong đó:

**Bảng 2: Tình hình lao động của VINAFOOD II**

Stt	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>	3.111	100,00
1	Nam	2.160	69,43
2	Nữ	951	30,57
<b>II</b>	<b>Phân loại theo hợp đồng lao động</b>	3.111	100,00
1	Lao động quản lý do Nhà nước bổ nhiệm	61	1,96
2	Lao động ký hợp đồng lao động	3.050	98,04
2.1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	2.021	64,96
2.2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	1.029	33,08
<b>III</b>	<b>Phân loại theo trình độ</b>	3.111	100,00
1	Trình độ trên đại học	37	1,19
2	Trình độ đại học	959	30,83
3	Trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	680	21,86
4	Trình độ công nhân kỹ thuật	893	28,70
5	Trình độ lao động phổ thông	542	17,42

Nguồn: VINAFOOD II

### Đánh giá chung

Căn cứ vào số liệu trên và ngành nghề hoạt động cho thấy VINAFOOD II đang có nguồn nhân lực chất lượng tương đối tốt. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học trên 30%. Điểm mạnh của nguồn nhân lực ở VINAFOOD II như sau:

- Có kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức về ngành, các nhân sự chủ chốt định kỳ hàng năm được tham gia các khóa đào tạo về chuyên môn.
- Đội ngũ lao động hiện tại có cơ cấu tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận), về kinh nghiệm (những người làm việc lâu năm).
- Hầu hết CBCNV đều gắn bó, tâm huyết và tự hào với truyền thống của ngành và của Tổng công ty, có ý thức chấp hành tốt điều lệ, nội quy và quy chế làm việc tại Tổng công ty.

- Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:
  - ✓ Năm 2012: 5.237.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2013: 3.945.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2014: 4.447.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2015: 5.781.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2016: 5.594.000 đồng/1 người/1 tháng

### **Chính sách nhân sự**

Tổng công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định và quy hoạch. Đến nay, VINAFOOD II đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ lao động có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động, chủ động quản lý và điều hành.

Đánh giá tiềm năng nhân lực VINAFOOD II ở mức độ khá và chính sách nhân sự của Tổng công ty hiện nay là hữu hiệu.

## **6.2. Phương án sử dụng lao động**

### **6.2.1. Kế hoạch sắp xếp lao động**

Phương án lao động tại Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (14/06/2016): 2.525 người.
- Số lao động đã nghỉ hưu và nghỉ theo Bộ luật Lao động đến thời điểm xây dựng phương án CPH là: 408 người.
- Tổng số lao động sẽ tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần: 1.908 người
- Số lao động không bố trí được việc làm (dôi dư): 209 người.
  - *Dôi dư thực hiện theo Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: 177 người*

*Bao gồm:*

- *Nghỉ hưu trước tuổi : 104 người*
- *Được tuyển dụng trước 21/04/1998 phải chấm dứt HĐLĐ: 73 người.*
- *Dôi dư thực hiện theo Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ-CP (được tuyển dụng sau 21/04/1998 phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm): 32 người.*

**Bảng 3: Kế hoạch sắp xếp lao động của Tổng công ty**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng (người)</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>	<b>2.525</b>
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên)	13
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn	1.925
3	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	495
4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng (có tham gia bảo hiểm xã hội)	44
5	Lao động tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động (quản lý, điều hành tại đơn vị phụ thuộc Tổng công ty)	48
<b>II</b>	<b>Số lao động đã nghỉ hưu và nghỉ theo Bộ luật Lao động đến thời điểm xây dựng phương án CPH</b>	<b>408</b>
<b>III</b>	<b>Số lao động không bố trí được việc làm (dôi dư)</b>	<b>209</b>
1	Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <i>Nghỉ hưu trước tuổi</i></li> <li>▪ <i>Được tuyển dụng trước 21/04/1998 phải chấm dứt HĐLĐ.</i></li> </ul>	177 104 73
2	Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	32
<b>III</b>	<b>Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>	<b>1.908</b>
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn (gồm cả thử việc)	1.903
2	Số lao động nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội:	01
	a) Ốm đau	01
	b) Thai sản	0
	c) Tai nạn lao động, nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động:	04
	a) Nghĩa vụ quân sự	0

b) Nghĩa vụ công dân khác	0
c) Bị tạm giam, tạm giữ	04

Nguồn: *VINAFOOD II*

## **6.2.2. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng**

### **6.2.2.1. Lao động trước khi sắp xếp**

Tổng số lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (14/06/2016): 2.525 người, trong đó nữ: 727 người.

Trong đó:

- |   |             |
|---|-------------|
| a) Số lao động đang làm việc theo Hợp đồng lao động:      | 2.476 người |
| b) Số lao động đang ngừng việc:                           | 18 người    |
| c) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ BHXH:          | 17 người    |
| d) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương:          | 09 người    |
| e) Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: | 05 người    |

### **6.2.2.2. Phương án sử dụng lao động**

- a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: 1.908 người, trong đó nữ: 579 người.

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 1.908 người.
  - Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 0 người.
  - Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người.
- b) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 408 người.
- c) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 177 người, trong đó nữ: 38 người.

Trong đó:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 104 người.
  - Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 người.
  - Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 73 người.
- d) Số lao động được tuyển dụng lần cuối từ ngày 21/4/1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 32 người, trong đó nữ: 11 người.

**6.2.2.3. Kinh phí dự kiến (thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP và Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH)****Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 17.163.730.741 đồng**

Trong đó:

- Thực hiện nghỉ hưu trước độ tuổi quy định: 7.743.743.743 đồng
- Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 đồng
- Thực hiện tuyển dụng lần cuối trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 8.986.603.382 đồng
- Thực hiện tuyển dụng lần cuối từ ngày 21/4/1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 433.383.616 đồng

**Nguồn kinh phí thực hiện:****Tổng chi phí dự kiến thực hiện chính sách: 17.163.730.741 đồng**

Trong đó:

- Nguồn: từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 63/2015/NĐ-CP) 16.730.347.125 đồng
- Nguồn: từ chi phí sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty 433.383.616 đồng (khoản 2 Điều 8 Nghị định 63/2015/NĐ-CP)

Căn cứ Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: *"Sau khi có quyết định phê duyệt sắp xếp lại công ty, công ty rà soát lại danh sách, dự kiến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ đối với người lao động dôi dư, hoàn thiện lại phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư; công khai phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư trong thời gian 05 ngày làm việc để người lao động kiểm tra, đối chiếu; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư"*.

Tổng công ty lương thực miền Nam sẽ rà soát lại lao động, xác định thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ chính sách đối với lao động dôi dư; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định lại phương án sử dụng lao động; công khai cho người lao động theo quy định (tối thiểu 5 ngày làm việc) để người lao động kiểm tra, đối chiếu trước khi hoàn thiện lại phương án sắp xếp lại lao động, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

**6.2.3. Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2017-2019****Bảng 4: Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2017 - 2019**

<b>T T</b>	<b>Nội dung đào tạo</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>	<b>Thời gian dự kiến</b>
1	Nghiệp vụ tài chính	30	5.000.000 đ/người	150.000.000	2017
2	Nghiệp vụ lao động tiền lương	30	5.000.000 đ/người	150.000.000	2017-2018
3	Quản lý sản xuất chi phí thấp	60	5.000.000 đ/người	300.000.000	2018-2019
4	Xây dựng vùng nguyên liệu	30	5.000.000 đ/người	150.000.000	2017-2018
5	Xây dựng thương hiệu	30	3.000.000 đ/người	90.000.000	2018-2019
6	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	30	3.000.000 đ/người	90.000.000	2018-2019
7	Nghiệp vụ công nghệ thông tin	30	5.000.000 đ/người	150.000.000	2017-2018
	<b>Tổng cộng</b>	<b>240</b>		<b>1.080.000.000</b>	

**7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp****7.1. Giá trị tài sản tại thời điểm 31/03/2015**

a) Theo VVFC xác định:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) thực hiện.
- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam tại thời điểm ngày 31/03/2015.
- Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Ngày 14/06/2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN, theo đó tại thời điểm 31/03/2015, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam như sau:

- **Giá trị thực tế của Công ty mẹ: 14.277.102.767.407 đồng**





- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ: 4.980.279.603.923 đồng**

Trong đó bao gồm:

- Giá trị thực tế phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang là 254.234.093.713 đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH MTV Lương thực Tp.Hồ Chí Minh là 294.414.304.737 đồng.

**Bảng 5: Tổng hợp kết quả đánh giá Công ty**
*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại (theo VVFC)	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>12.789.789.368.528</b>	<b>14.277.102.767.407</b>	<b>623.362.999.090</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>3.797.975.478.389</b>	<b>4.622.540.117.145</b>	<b>346.453.482.177</b>
1. Tài sản cố định	1.786.677.341.978	2.243.855.575.255	457.178.233.276
a. Tài sản cố định hữu hình	1.782.519.010.826	2.239.686.740.242	457.167.729.416
b. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	4.158.331.153	4.168.835.013	10.503.860
2. Bất động sản đầu tư	16.432.055.632	23.896.367.233	7.464.311.601
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	893.172.167.375	1.250.831.919.810	-120.451.404.143
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	467.799.159.758	467.799.159.758	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	81.566.624.919	83.828.966.363	2.262.341.444
7. Các khoản phải thu dài hạn	552.090.177.073	552.090.177.073	0
8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	157.901.654	157.901.654	0
9. Tài sản dài hạn khác	80.050.000	80.050.000	0
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>8.222.160.359.844</b>	<b>8.627.944.868.591</b>	<b>19.945.265.536</b>
1. Tiền	408.979.485.212	408.979.251.231	-233.981
a. Tiền mặt tồn quỹ	43.927.076.111	43.927.075.884	-227
b. Tiền gửi ngân hàng	365.052.409.101	365.052.175.347	-233.754



c. Tiền đang chuyển	0	0	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	0
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.720.043.257.413	2.047.225.391.235	21.600.000
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	5.795.479.811.982	5.861.564.469.141	6.585.514.805
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	296.057.805.237	308.575.756.984	13.338.384.712
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>	<b>0</b>	<b>55.662.714.776</b>	<b>55.662.714.776</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>769.653.530.294</b>	<b>970.955.066.895</b>	<b>201.301.536.601</b>
<b>B. Tài sản không cần dung</b>	<b>121.340.217</b>	<b>11.827.888.494</b>	<b>0</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>121.340.217</b>	<b>121.340.217</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định (GTCL)	121.340.217	121.340.217	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>11.706.548.277</b>	<b>0</b>
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	0	11.706.548.277	0
2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>2.683.888.349</b>	<b>2.683.888.349</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định (GTCL) và đầu tư dài hạn	2.683.888.349	2.683.888.349	0
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)</b>	<b>1.146.302.083</b>	<b>1.146.302.083</b>	<b>0</b>



<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)</b>	<b>12.793.740.899.177</b>	<b>14.292.760.846.333</b>	<b>623.362.999.090</b>
<b>Trong đó:</b>			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>12.789.789.368.528</b>	<b>14.277.102.767.407</b>	<b>623.362.999.090</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>9.193.902.283.484</b>	<b>9.296.823.163.484</b>	<b>102.920.880.000</b>
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	102.920.880.000	102.920.880.000
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}</b>	<b>3.595.887.085.044</b>	<b>4.980.279.603.923</b>	<b>520.442.119.090</b>

Nguồn: Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/06/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam.

**b) Theo kiểm toán nhà nước xác định lại:**

Thực hiện Văn bản số 1685/TTg-ĐMDN ngày 26/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Lương thực miền Nam và Văn bản số 8283/BNN-QLDN ngày 30/09/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

So với Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/06/2016, giá trị doanh nghiệp được điều chỉnh tăng 400.202.140.648 đồng. Do Kiểm toán nhà nước điều chỉnh giá trị Doanh nghiệp, nguyên nhân chủ yếu do thay đổi chính sách và thời điểm xác định, cụ thể các khoản chính:

Đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 290.257.060.172 đồng (trong đó có 287.185.440.172 đồng điều chỉnh lại theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP, do tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Nghị định 116/2015/NĐ-CP chưa có hiệu lực thi hành), thay đổi phương pháp đánh giá nhà kho tăng 29.208.207.647 đồng, chưa xử lý đối với khoản phải trả trích trước 62.792.219.882 đồng và chưa xử lý khoản giữ hộ Ban thanh lý Công ty Liên doanh sản xuất gạo Việt Mỹ 4.450.686.067 đồng, vv ...

Quyết định số 2917/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo đó tại thời điểm 31/03/2015, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam được điều chỉnh như sau:

- **Giá trị thực tế của Công ty mẹ: 14.610.062.002.106 đồng**
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ: 5.380.481.744.571 đồng**

Trong đó bao gồm:

- Giá trị thực tế phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại thời điểm 31/3/2015 là 254.234.093.713 đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH MTV Lương thực Tp.Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/3/2015 là 294.414.304.737 đồng.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015 của Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam được điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ – Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam theo Văn bản số 148/KTNN-CN VI ngày 03/3/2017 của

Kiểm toán nhà nước và Thông báo kết luận số 2710/TB-BNN-QLDN ngày 31/03/2017 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng công ty Lương thực miền Nam.

c) Sau khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 thì giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần còn lại 02 công ty cụ thể:

**\* Tại Công ty Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 30/6/2016 là 293.547.855.294 đồng. Phần chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần với vốn điều lệ thời điểm là 254.300.000.000 đồng thay đổi tăng 39.247.855.294 đồng.

- Giá trị phần vốn góp thực tế của chủ sở hữu tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần (01/07/2016) là 254.300.000.000 đồng. Khoản phải thu từ bán bớt phần phần vốn nhà nước khi bàn giao vốn là 80.243.948.794 đồng.

- Cổ phần nhà nước nắm giữ sau thời điểm Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 21.184.800 cổ phần, tương ứng 211.848.000.000 đồng, chiếm 83,31% vốn điều lệ (theo Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 21/6/2016 của Tổng công ty Lương thực miền Nam).

**\* Tại Công ty TNHH MTV Lương thực Hồ Chí Minh**

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước (đã xử lý chênh lệch giảm) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/08/2016. là 255.137.632.580 đồng. Phần chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần với vốn điều lệ thời điểm là 294.500.000.000 đồng thay đổi giảm -39.362.367.420 đồng

- Phần chênh lệch giảm vốn Nhà nước: 39.362.367.420 đồng, xử lý theo đúng quy định pháp luật là thông qua Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần vì phương án này là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 7, điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính; vẫn đảm bảo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước tại Mục III Phụ lục I Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; và thuộc thẩm quyền quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản phải thu từ bán bớt phần vốn nhà nước là 117.422.929.928 đồng.

- Cổ phần nhà nước nắm giữ sau thời điểm Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 15.250.900 cổ phần, tương ứng 152.509.000.000 đồng, chiếm 59,775% vốn điều lệ (có thay đổi tỷ lệ 65,15% theo Quyết định số 74/QĐ-HĐTV ngày 09/8/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam).

Các phần thu do bán bớt phần vốn tại 2 Công ty TNHH cổ phần hoá nêu trên được chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp do Tổng công ty quản lý theo quy định.

Sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam (Tờ trình số 6578/TTr-QLDN ngày 09/8/2017), trong thời gian chờ Chính phủ phê duyệt đã phát hiện vụ việc mới phát sinh tại Công ty Lương thực Trà Vinh (là đơn vị hạch toán phụ thuộc của



Công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Nam) bị thất thoát hàng hóa tồn kho thiếu 83.313,9 tấn lúa gạo các loại, tương đương với giá trị 662.164.913.589 đồng, Cơ quan điều tra – Bộ Công an đang xác định mức độ thiệt hại, làm rõ trách nhiệm của các cá nhân có liên quan để có kết luận chính thức.

Các vấn đề tài chính (kể cả xử lý thất thoát tại Công ty Lương thực Trà Vinh), Tổng công ty Lương thực miền Nam sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc quyết toán vốn nhà nước lần 2 (giai đoạn chính thức chuyển thành công ty cổ phần) theo đúng quy định hiện hành (như ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản số 1312/BTC-TCDN ngày 17/11/2017 về việc thất thoát tài sản tại Công ty Lương thực Trà Vinh).

**Bảng 6: Tổng hợp kết quả đánh giá điều chỉnh của Tổng Công ty**
*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại của VVFC	Số điều chỉnh theo KTNN	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>12.789.789.368.528</b>	<b>14.277.102.767.407</b>	<b>14.610.062.002.106</b>	<b>332.959.234.699</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>3.797.975.478.389</b>	<b>4.622.540.117.145</b>	<b>4.954.504.609.751</b>	<b>331.964.492.606</b>
1. Tài sản cố định	1.786.677.341.978	2.243.855.575.255	2.273.966.160.338	30.110.585.083
a. Tài sản cố định hữu hình	1.782.519.010.826	2.239.686.740.242	2.269.797.325.325	30.110.585.083
b. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0	0
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	4.158.331.153	4.168.835.013	4.168.835.013	0
2. Bất động sản đầu tư	16.432.055.632	23.896.367.233	23.896.367.233	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	893.172.167.375	1.250.831.919.810	1.541.088.979.982	290.257.060.172
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	467.799.159.758	467.799.159.758	467.799.159.758	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	81.566.624.919	83.828.966.363	97.270.046.883	13.441.080.520





7. Các khoản phải thu dài hạn	552.090.177.073	552.090.177.073	550.245.943.904	-1.844.233.169
8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	157.901.654	157.901.654	157.901.654	0
9. Tài sản dài hạn khác	80.050.000	80.050.000	80.050.000	0
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>8.222.160.359.844</b>	<b>8.627.944.868.591</b>	<b>8.640.026.521.238</b>	<b>12.081.652.647</b>
1. Tiền	408.979.485.212	408.979.251.231	408.979.251.231	0
a. Tiền mặt tồn quỹ	43.927.076.111	43.927.075.884	43.927.075.884	0
b. Tiền gửi ngân hàng	365.052.409.101	365.052.175.347	365.052.175.347	0
c. Tiền đang chuyển	0	0	0	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	0
3. Các khoản phải thu	1.720.043.257.413	2.047.225.391.235	2.059.063.623.242	11.838.232.007
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	5.795.479.811.982	5.861.564.469.141	5.861.807.889.781	243.420.640
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	296.057.805.237	308.575.756.984	308.575.756.984	0
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0	0
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>	<b>0</b>	<b>55.662.714.776</b>	<b>57.777.174.277</b>	<b>2.114.459.501</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>769.653.530.294</b>	<b>970.955.066.895</b>	<b>957.753.696.840</b>	<b>-13.201.370.055</b>
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	<b>121.340.217</b>	<b>11.827.888.494</b>	<b>121.340.217</b>	<b>-11.706.548.277</b>



<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>121.340.217</b>	<b>121.340.217</b>	<b>121.340.217</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định (GTCL)	121.340.217	121.340.217	121.340.217	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0	0
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>11.706.548.277</b>	<b>0</b>	<b>-11.706.548.277</b>
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	0	11.706.548.277	0	-11.706.548.277
2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0	0
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>2.683.888.349</b>	<b>2.683.888.349</b>	<b>2.683.888.349</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định (GTCL) và đầu tư dài hạn	2.683.888.349	2.683.888.349	2.683.888.349	0
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)</b>	<b>1.146.302.083</b>	<b>1.146.302.083</b>	<b>1.146.302.083</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)</b>	<b>12.793.740.899.177</b>	<b>14.292.760.846.333</b>	<b>14.614.013.532.755</b>	<b>321.252.686.422</b>
<b>Trong đó:</b>				



<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>12.789.789.368.528</b>	<b>14.277.102.767.407</b>	<b>14.610.062.002.106</b>	<b>332.959.234.699</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả (đã trừ Quỹ KTPL)</b>	<b>9.193.902.283.484</b>	<b>9.296.823.163.484</b>	<b>9.229.580.257.535</b>	<b>-67.242.905.949</b>
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	102.920.880.000	102.920.880.000	0
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}</b>	<b>3.595.887.085.044</b>	<b>4.980.279.603.923</b>	<b>5.380.481.744.571</b>	<b>400.202.140.648</b>

*Nguồn: Quyết định số 2917/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

## 7.2. Các vấn đề cần lưu ý

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp nói trên có thể bị ảnh hưởng bởi các vấn đề sau:

### 7.2.1. Đối với đất đai:

Tổng công ty đã có phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa gửi UBND các tỉnh/thành phố, tuy nhiên đến thời điểm tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp mới có 10/15 tỉnh có công văn trả lời chính thức về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa (gồm UBND tỉnh Lâm Đồng, Bến Tre, Bình Định, Cần Thơ, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu), các địa phương còn lại chỉ có công văn trả lời về việc sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các cơ sở nhà đất thuộc giao đất có thu tiền sử dụng đất và bán tài sản và chuyển nhượng QSDĐ, trong quá trình xác định GTDN lần 1, đơn vị tư vấn chỉ tạm tính giá trị sổ sách vào GTDN. Ngày 06/10/2016 Tổng công ty đã có văn bản gửi 7 tỉnh, bao gồm: Tỉnh Tiền Giang (Văn bản 2377/TCT/KT-XDCB), TP Cần Thơ (Văn bản 2374/TCT/KT-XDCB), Vĩnh Long (Văn bản 2375/TCT/KT-XDCB), Bến Tre (Văn bản 2378/TCT/KT-XDCB), Trà Vinh (Văn bản 2373/TCT/KT-XDCB), Sóc Trăng (Văn bản 2372/TCT/KT-XDCB) và Bạc Liêu (Văn bản 2376/TCT/KT-XDCB) đề nghị xác định giá đất đối với các cơ sở nhà đất thuộc giao đất có thu tiền sử dụng đất và bán tài sản và chuyển nhượng QSDĐ, để làm cơ sở điều chỉnh GTDN lần 2.

Tính đến nay 31/12/2017 các tỉnh đã có văn bản xác định giá đất: tỉnh Trà Vinh (Văn bản 4487/UBND-NN ngày 20/12/2016), tỉnh Bến Tre (Văn bản số 6004/UBND-TCĐT ngày 10/11/2016), tỉnh Sóc Trăng (Văn bản 1750/UBND-KT ngày 14/11/2016), tỉnh Vĩnh Long (Văn bản 1085/QĐ-UBND ngày 22/05/2017) và tỉnh Tiền Giang (Văn bản 2894/QĐ-UBND ngày 03/10/2017).

Có 02 tỉnh chưa có ý kiến về giá đất, cụ thể:

- Đối với tỉnh Bạc Liêu: UBND tỉnh Bạc Liêu có văn bản số 4287/UBND-KT ngày 25/12/2016 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng công ty Lương thực miền Nam, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Tổng công ty tiến hành thuê tư vấn thẩm định giá trình UBND tỉnh Bạc Liêu xem xét phê duyệt giá đất. Đến nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có văn bản chỉ đạo Tổng công ty, nên Tổng công ty chưa tiến hành thuê tư vấn thẩm định giá đất các cơ sở tại Bạc Liêu.
- Thành phố Cần Thơ: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ có văn bản 3942/STNMT-KHTC ngày 13/12/2016 gửi Tổng công ty Lương thực miền Nam có cơ sở nhà, đất Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Thốt Nốt 2 sẽ thực hiện đấu giá sau cổ phần hóa, do đó việc xác định giá đất cụ thể sẽ được xác định khi đấu giá quyền

sử dụng đất. Tuy nhiên hiện nay do văn bản 342/TTg-V.I ngày 07/03/2017 của Chính phủ đề nghị tạm dừng thủ tục mua bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên Tổng công ty chưa thể tiến hành được.

Đối với các cơ sở nhà đất chưa có ý kiến của UBND tỉnh/ thành phố về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa thì tạm xác định theo hình thức thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Sau khi UBND tỉnh/ thành phố có ý kiến về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa và giá đất thì sẽ thực hiện xác định bổ sung giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp đối với những cơ sở nhà đất được chấp thuận theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất và các cơ sở nhà, đất được địa phương và Bộ Tài chính chấp thuận bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nhưng chưa bán được). Việc xác định bổ sung được thực hiện vào thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015, Tổng công ty Lương thực miền Nam đang quản lý 146 cơ sở nhà đất với tổng diện tích là 3.405.950,7 m<sup>2</sup> (Phụ lục L1 của phương án cổ phần hóa) tại 15 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đến thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa Tổng công ty có 14 cơ sở nhà đất và một thửa có diện tích 697 m<sup>2</sup> của Xí nghiệp bánh tráng với một phần diện tích 2.247,2 m<sup>2</sup> tại nhà máy xay xát Mỹ Phước - Công ty Lương thực Tiền Giang với tổng diện tích là 1.266.552,5m<sup>2</sup> (Phụ lục L2 của phương án cổ phần hóa) đã được Tổng công ty chuyển nhượng và chuyển giao cho địa phương quản lý và sử dụng, địa phương thu hồi sử dụng theo quy hoạch.

Tính đến thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, trong số 132 cơ sở nhà đất (174 thửa) Tổng công ty tiếp tục quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa tại 13 tỉnh/ thành phố, đã có Văn bản trả lời chính thức của UBND tỉnh/ thành phố về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa đối với 115/132 cơ sở nhà, đất (157/174 thửa) tại 12/13 tỉnh/ thành phố, chưa có Văn bản trả lời 17/132 cơ sở (17/174 thửa) tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trong số 115 cơ sở nhà đất (157 thửa) đã có ý kiến của UBND tỉnh, có 21/115 cơ sở nhà, đất (40/157 thửa) được UBND các tỉnh chấp thuận giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thống nhất bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tổng diện tích 172.813,9 m<sup>2</sup> có giá trị còn lại trên sổ sách là 69.055.777.983 đồng (Phụ lục L3 của phương án cổ phần hóa). Tại thời điểm thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, các cơ sở nhà, đất này mới được tạm tính theo giá trị sổ sách vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp mà chưa được định giá đầy đủ giá trị quyền sử dụng đất theo quy định. Các cơ sở nhà, đất này sẽ thực hiện xác định bổ sung giá trị quyền sử dụng đất theo đúng quy định vào giá trị doanh nghiệp ở thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.

### **7.2.2. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp và giá trị doanh nghiệp**

Vốn nhà nước tại doanh nghiệp và giá trị doanh nghiệp có thể bị thay đổi khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 (đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần) thì giá trị doanh nghiệp có thể giảm do các nguyên nhân:

a) Do xác định lại giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo Nghị định 116/2015/NĐ-CP có thể điều chỉnh giảm giá trị doanh nghiệp khoảng 287.185.440.172 đồng.

b) Đã bán bớt phần vốn tại 02 đơn vị cổ phần hoá là 144.929.398.450 đồng, cụ thể: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (254.234.093.713 đồng - 211.848.000.000 đồng) và Công ty TNHH MTV Lương thực Tp.Hồ Chí Minh (294.414.304.737 đồng - 191.871.000.000 đồng).

Do đó, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa = 5.380.481.744.571 - (294.414.304.737-191.871.000.000) - (254.234.093.713-211.848.000.000) - 287.185.440.172 = 4.948.366.905.949 đồng. Việc điều chỉnh giá trị thực tế phần vốn tại Công ty mẹ sẽ được điều chỉnh tại thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.

c) Ngoài ra, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được đánh giá lại tăng từ 3.595,88 tỷ đồng (theo giá trị sổ sách) tăng lên 5.380,48 tỷ đồng. Chủ yếu là các khoản điều chỉnh tăng do sự khác biệt về quan điểm chọn thời điểm áp dụng quy định nhà nước, một số vấn đề sẽ được đơn vị xử lý trong giai đoạn 2, nhưng Kiểm toán nhà nước đưa vào xử lý tăng trong giai đoạn 1 với giá trị 4 khoản điều chỉnh giảm tối thiểu là 392,639 tỷ đồng (được nêu tại Văn bản số 38/TCT-HĐTV ngày 27/3/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam) và nguy cơ có thể giảm giá trị vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 2, liên quan đến khoản nợ tồn đọng phải thu Công ty CP Tập Đoàn Thịnh Phát KonTum còn nợ Công ty Lương thực Vĩnh Long số tiền là: 77.481.437.313 đồng, nhưng theo Kết luận của Bản án số 03/2017/HSST ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thì Công ty Lương thực Vĩnh Long nợ ngược lại Công ty CP Tập Đoàn Thịnh Phát KonTum số tiền là: 264.698.000 đồng. Tổng công ty đang kháng cáo bản án này. Các khoản công nợ, tổn thất đang được cơ quan pháp luật xử lý và chưa có kết luận về nguyên nhân khách quan, chủ quan.

d) Các khoản thuế và tiền thu được từ bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp vào kho bạc nhà nước, v.v...

### **7.2.3. Đối với các khoản phải thu, phải trả:**

Tỷ lệ đối chiếu công nợ: tại thời điểm lập Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp thì tỷ lệ công nợ phải thu chưa đối chiếu là 23,4%, nợ phải trả chưa đối chiếu là 0,3%.

Trong kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty Lương thực miền Nam còn số nợ phải thu tồn đọng với tổng số tiền 1.042.900.202.260 đồng, chi tiết như sau:

STT	Đối tượng nợ/Khách hàng	Công nợ phải thu (Đồng)
-----	-------------------------	-------------------------

<b>A1</b>	<b>Nợ phải thu (đang trong quá trình xem xét của cơ quan điều tra liên quan đến Cty TNHH XNK TM Võ Thị Thu Hà, Cty CP Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum, Cty CP LT Hậu Giang)</b>	<b>437.000.796.953</b>
1.1	Văn phòng Tổng công ty	28.000.000.000
1.2	Công ty Lương thực Vĩnh Long	226.648.285.845
1.3	Công ty Lương thực Bạc Liêu	69.268.575.876
1.4	Công ty Lương thực Sóc Trăng	43.423.519.169
1.5	Công ty LTTP An Giang	2.893.900.125
1.6	Công ty Lương thực Đồng Tháp	66.766.515.938
<b>A2</b>	<b>Nợ phải thu (đã có bản án, đang trong quá trình thi hành án)</b>	<b>31.322.555.258</b>
2.1	Công ty Bột mì Bình Đông	96.923.032
2.2	Công ty LTTP An Giang	21.996.106.124
2.3	Công ty NSTP Trà Vinh	9.229.526.102
<b>A3</b>	<b>Nợ phải thu (đã khởi kiện, đang chờ xét xử)</b>	<b>9.435.882.393</b>
3.1	Công ty Lương thực Long An	243.171.500
3.2	Công ty Lương thực Vĩnh Long	2.218.806.514
3.3	Công ty Lương thực Sóc Trăng	5.957.565.050
3.4	Công ty NSTP Trà Vinh	1.016.339.329
<b>A4</b>	<b>Nợ phải thu (đang tập hợp hồ sơ để khởi kiện)</b>	<b>62.000.000</b>
4.1	Công ty Bột mì Bình Đông	62.000.000
<b>A5</b>	<b>Khách nợ đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế/rời khỏi nơi cư trú/khách nợ không còn tài sản để thi hành án</b>	<b>13.602.021.199</b>
5.1	Văn phòng Tổng công ty	121.811.704
5.2	Công ty NSTP Trà Vinh	1.206.865.283
5.3	Công ty Lương thực Tiền Giang	3.122.377.000
5.4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	9.050.967.212
5.5	Công ty Lương thực Sóc Trăng	100.000.000

<b>A6</b>	<b>Nợ phải thu (Cuba)</b>	<b>551.476.946.457*</b>
I	Văn phòng Tổng công ty	551.476.946.457
	<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.042.900.202.260</b>

(\*): Đối với khoản công nợ phải thu Cuba: Đây là khoản nợ tồn đọng phải thu bán gạo trả chậm cho Cuba phát sinh trong giai đoạn 1993-1996 với số tiền là 551.476.946.457 đồng (tương đương 25.614.349,58USD) đã được ngân sách Nhà nước ứng vốn thanh toán. Hiện nay khoản công nợ này vẫn được Tổng công ty theo dõi trên báo cáo tài chính hàng năm dưới dạng phải thu Cuba và phải trả ngân sách nhà nước. Tổng công ty Lương thực miền Nam đã có văn bản số 1315/TCT-TCKT ngày 17/5/2016 đề nghị loại trừ khoản công nợ phải thu, phải trả trên ra khỏi giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm 31/3/2015 và theo dõi tại tài khoản ngoại bảng của Bảng cân đối kế toán khoản nợ tồn đọng này. Nội dung xử lý này sẽ được thực hiện theo ý kiến quyết định của cơ quan có thẩm quyền vào thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.

**(\*)**: **A1: Đối với các khoản nợ phải thu (đang trong quá trình xem xét của cơ quan điều tra liên quan đến Cty TNHH XNK TM Võ Thị Thu Hà, Cty CP Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum, Cty CP LT Hậu Giang)**

**- Văn phòng TCT phải thu Công ty CP Lương thực Hậu Giang, số tiền: 28.000.000.000 đồng:**

Đây là khoản nợ liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay của Tổng công ty đối với Cty CP LT Hậu Giang (là công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Tổng công ty). Khoản nợ này nằm trong vụ án giữa Cty CP LT Hậu Giang với Công ty TNHH XNK TM Võ Thị Thu Hà và các Công ty con. Hiện tại vụ án đã được cơ quan Viện kiểm sát ra cáo trạng ngày 11/07/2017, đang chờ ngày xét xử.

**- Công ty Lương thực Vĩnh Long phải thu các đối tượng với tổng số tiền: 226.648.285.845 đồng, bao gồm:**

+ Phải thu Cty TNHH XNK TM Võ Thị Thu Hà: số tiền 83.918.018.232 đồng (liên quan đến 10 hợp đồng mua bán).

+ Phải thu Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc: số tiền 52.539.330.300 đồng (liên quan đến 09 hợp đồng mua bán).

+ Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Bình Lợi: số tiền 12.709.500.000 đồng (liên quan đến 02 hợp đồng mua bán).

+ Phải thu Công ty CP TĐ Thịnh Phát Kon Tum: số tiền 77.481.437.313 đồng (liên quan đến 04 hợp đồng mua bán).



Đây là các khoản nợ phát sinh do mua gạo, ứng trước tiền hàng, khách hàng không giao hàng theo qui định. Công ty Lương thực Vĩnh Long đã khởi kiện các công ty trên ra tòa, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đang điều tra làm rõ. Kết quả thu hồi nợ phụ thuộc phán quyết của cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

**- Công ty Lương thực Bạc Liêu phải thu các đối tượng với số tiền 69.268.575.876 đồng, bao gồm:**

**+ Phải Cty TNHH Võ Thị Thu Hà: số tiền 9.541.618.126 đồng**

Đây là khoản nợ phát sinh do bán gạo, khách hàng không thanh toán dứt, nợ dây dưa, khó đòi. Cty đã khởi kiện ra tòa, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đang điều tra làm rõ. Kết quả thu hồi nợ phụ thuộc phán quyết của cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

**+ Phải thu Công ty CP Lương thực Hậu Giang: số tiền 59.726.957.750 đồng.**

Nợ phát sinh do ứng trước tiền mua gạo, khách hàng không giao hàng đủ theo thỏa thuận, nợ dây dưa kéo dài. Cty đã khởi kiện Cty CP LT Hậu Giang ra tòa.

**- Công ty Lương thực Sóc Trăng phải thu các đối tượng với số tiền: 43.423.519.169 đồng, bao gồm:**

**+ Phải thu Công ty TNHH XNK Võ Thị Thu Hà: số tiền 26.124.950.419 đồng.**

Nợ phát sinh do bán gạo, Công ty đã khởi kiện ra tòa. Ngày 07/7/2016, Công ty Thu Hà có CV số 31/2016/VTTH cam kết tất toán các khoản nợ đang có bản án thi hành ở phòng THA quận Phú Nhuận.

**+ Phải thu Công ty CP Lương Thực Hậu Giang: số tiền 17.298.568.750 đồng.**

Nợ phát sinh do mua bán gạo. Cty đã khởi kiện ra TAND TP. Sóc Trăng. Hiện nay hồ sơ đã chuyển qua Chi cục THA DS TP Vị Thanh, Hậu Giang. THA đang xác minh điều kiện THA.

**- Công ty LTTP An Giang phải thu Cty TNHH MTV Hoà Tân Lộc số tiền 2.893.900.125 đồng**

Nợ phát sinh do bán gạo, Cty đã khởi kiện Cty TNHH Hoà Tân Lộc ra TAND huyện Lấp Vò. Ngày 30/12/2015, TAND huyện Lấp Vò đã mở phiên xử sơ thẩm và ra phán quyết Cty Hoà Tân Lộc phải trả tiền cho Cty.

**- Công ty Lương thực Đồng Tháp phải thu các đối tượng số tiền: 66.766.515.938 đồng, bao gồm:**

**+ Phải thu Công ty TNHH XNK TM Võ Thị Thu Hà: 27.175.890.938 đồng**

Nợ phát sinh do mua bán gạo. Công ty đã khởi kiện ra tòa, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đang điều tra. Đã có quyết định THA của Chi cục THA quận Phú Nhuận. Kết quả thu hồi nợ phụ thuộc vào phán quyết của Tòa án.

**+ Phải thu Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc: 26.090.625.000 đồng.**

Nợ phát sinh do mua bán gạo, Công ty đã khởi kiện Công ty Thu Hà, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đang điều tra. Đã có quyết định THA của Chi cục THA quận Phú Nhuận. Hiện tại đơn vị đang chờ các thủ tục tiếp theo của Cơ quan thi hành án. Kết quả thu hồi nợ phụ thuộc vào phán quyết của Tòa án.

**+ Phải thu Công ty CP Lương thực Hậu Giang: 13.500.000.000 đồng.**

Nợ phát sinh do ứng tiền mua gạo, nhưng khách hàng không giao hàng, nợ dây dưa, khó đòi. Công ty đã khởi kiện Công ty CP LT Hậu Giang. Ngày 30/6/2016, Cục THA DS tỉnh Hậu Giang có QĐ số 21/QĐCTHA về việc chưa có điều kiện THA đối với Cty LT Hậu Giang (chưa có thông tin tài sản, thu nhập của Cty LT Hậu Giang)

**(\*): A2. Nợ phải thu (đã có bản án, đang trong quá trình thi hành án)****- Công ty Bột mì Bình Đông phải thu DNTN Đại Tân số tiền 96.923.032 đồng.**

Nợ phát sinh do bán bột mì, khách hàng không thanh toán dứt, nợ tồn đọng khó đòi. Cty đã khởi kiện DNTN Đại Tân và đã có Quyết định của Tòa án về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 128/QĐ CNSTT, ngày 27/10/2008. Ngày 27/12/2016, Thi hành án dân sự quận Cái Răng- TP. Cần Thơ có văn bản xác nhận “hiện tại DNTN Đại Tân không còn tài sản thi hành án”.

**- Công ty LTTP An Giang phải thu các đối tượng số tiền: 21.996.106.124 đồng, bao gồm:****+ Phải thu Hộ nuôi cá Nguyễn Thanh Hùng số tiền 1.200.000.000 đồng**

Nợ phát sinh do bán thức ăn gia súc, khách hàng không thanh toán dứt, nợ tồn đọng khó đòi. Cty đã khởi kiện ra TA huyện Chợ Mới. Ngày 07/5/2013, chi cục THA tỉnh An Giang ra quyết định THA theo đơn yêu cầu. Ngày 26/9/2013, Cục THA ra quyết định trả lại đơn yêu cầu THA do bị đơn không có tài sản.

**+ Phải thu Cty CP Thương mại Thủy Sản Á Châu số tiền 20.796.106.124 đồng:**

Nợ phát sinh do bán cá tra nguyên liệu, khách hàng không thanh toán dứt, nợ tồn đọng khó đòi. Cty đã khởi kiện ra tòa án. Cục THA tỉnh An Giang thụ lý, cưỡng chế kê biên tài sản (11 lô đất) để trả nợ cho Cty. Đến nay, THA bán đấu giá thành công các lô đất, Cty thu hồi được 14.433.791.993 đồng. Số nợ còn lại, công ty đang tiếp tục rà soát và tìm kiếm tài sản của khách hàng nợ để cung cấp cho cơ quan Thi hành án.

**- Công ty NSTP Trà Vinh phải thu các đối tượng số tiền: 9.229.526.102 đồng, bao gồm:****+ Phải thu DNTN Trang trại Đồng Tâm: số tiền 2.526.596.065 đồng.**

Đây là khoản nợ liên quan đến bán thức ăn thủy sản. Công ty đã khởi kiện ra tòa. DNTN Đồng Tâm hiện đã bị xóa tên, không còn tồn tại trong sổ đăng ký doanh nghiệp và trong hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia theo giấy xác nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh số 121/ĐKKD ngày 30/6/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long. Ngày 15/01/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định số 215/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề - Sóc Trăng đang thực hiện kê biên tài sản. Hiện tại, công ty đang tiếp tục rà soát và tìm kiếm tài sản của khách hàng nợ để cung cấp cho cơ quan Thi hành án.

**+ Phải thu Võ Văn Lập: số tiền 678.755.366 đồng.**

Đây là khoản nợ liên quan đến bán thức ăn thủy sản. Công ty đã khởi kiện ra tòa. Ngày 29/7/2014, Tòa án Nhân Dân TP Trà Vinh đã ra Quyết định số 32/2014/QĐST-KDTM buộc ông Lập phải trả toàn bộ số tiền nợ cho công ty và Quyết định thi hành án số 27/QĐ-CCTHA ngày 6/10/2014 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án thành phố Trà Vinh. Ngày 24/12/2014 Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã ra quyết định số 02/QĐ-CCTHA về việc trả lại đơn yêu cầu thi hành án.

**+ Phải thu Nguyễn Thế Vinh: số tiền 164.437.000 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Ngày 10/02/2015, Chi cục thi hành án thành phố Trà Vinh đã ra quyết định số 583/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo yêu cầu theo bản án số 14/QĐST-KDTM ngày 03/12/2014 tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

**+ Phải thu Võ Văn Tùng: số tiền 822.545.456 đồng.**

Đây là khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Ngày 20/01/2016, Chi cục thi hành án dân sự TP Vĩnh Long đã ra quyết định số 37/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu.

**+ Phải thu Phạm Văn Tú: số tiền 1.392.499.021 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Ngày 05/01/2015, Chi cục thi hành án huyện Mang Thít tỉnh Vĩnh Long đã ra quyết định số 247/QĐ-CCTHA về việc quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu theo bản án số 33/2014/QĐST -KDTM ngày 11/8/2014 của tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

**+ Phải thu Công ty TNHH TM DV Uy Lợi: số tiền 1.580.440.000 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa. Ngày 20/01/2016, Chi cục thi hành án dân sự Quận 7 đã ra quyết định số: 942/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu; Ngày 01/02/2016 Chi cục THADS Quận 7 và UBND Phường Tân Phong, Quận 7 đã ra biên bản xác minh điều kiện thi hành án Công ty TNHH TMDV Uy Lợi hiện Công ty này đã không còn hoạt động và chuyển đi đâu không rõ.

**+ Phải thu Nguyễn Văn Mới: số tiền 178.316.407 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa. Ngày 15/6/2015, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã ra quyết định số 34/2015/QĐST-KDTM về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc ông Mới phải trả toàn bộ số tiền nợ cho công ty.

**+ Phải thu Nguyễn Thế Đình: số tiền 1.607.692.660 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Tòa án quyết định buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty. Ngày 24/03/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đã ra quyết định số 01/QĐ-CCTHADS về việc tạm hoãn xuất cảnh và quyết định số 27/QĐ-CC THADS ngày 25/4/2016 về việc chưa đủ điều kiện thi hành án.

**+ Phải thu Lê Minh Chiến: số tiền 151.197.113 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Tòa án quyết định buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty. Ngày 23/12/2014 Chi cục thi hành án dân sự Quận Ô Môn đã ra quyết định số 433/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu. Ngày 22/6/2015 Chi cục thi hành án dân sự Quận Ô Môn đã ra quyết định số 51/QĐ-CCTHA về việc trả lại đơn yêu cầu thi hành án.

**+ Phải thu Phan Văn Dũng: số tiền 127.047.014 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Tòa án quyết định buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho Công ty. Ngày 12/10/2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đã ra quyết định số 18/QĐ-CCTHA ngày về việc thi hành án theo đơn yêu cầu tại bản án số 36/2015/QĐST-KDTM của tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

**(\*): A3. Nợ phải thu đã khởi kiện, đang chờ xét xử:****- Công ty Lương thực Long An: 243.171.500 đồng, bao gồm:****+ Phải thu Công ty TNHH Phương Huệ: số tiền 243.171.500 đồng.**

Đây là khoản nợ tiền mua gạo, hai bên đã hoàn tất việc giao hàng và thanh toán tiền hàng. Tuy nhiên do có điều chỉnh giảm thuế GTGT theo TT 219/TT-BTC. Cty đã nhiều lần gửi VB đôn đốc khách hàng trả nợ nhưng khách hàng chưa trả. Hiện tại, Tòa án ND tỉnh Sóc Trăng đã ra QĐ số 03/2016/QĐST-PS mở thủ tục phá sản cho Cty Phương Huệ.

**- Công ty Lương thực Vĩnh Long phải thu các đối tượng số tiền: 2.218.806.514 đồng, bao gồm:****+ Phải thu Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ: số tiền 1.588.806.514 đồng.**

Khoản nợ do mua bán gạo. Công ty đã tiến hành khởi kiện ra TAND Q3- TP.HCM. Ngày 28/12/2016, đã có Quyết định thi hành án số 417/QĐ- CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3- TP.HCM.

**+ Phải thu DNTN Hòa Thuận: số tiền 630.000.000 đồng.**

Nợ phát sinh do mua bán bắp hạt. Cty đã tiến hành khởi kiện và tòa án đang thụ lý vụ án. Ngày 11/05/2017 Chi Cục thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai có Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS cưỡng chế kê biên QSD đất và tài sản gắn liền với đất của DNTN Hòa Thuận để thi hành án.

**- Công ty Lương thực Sóc Trăng phải thu Công ty TNHH Phương Huệ: số tiền 5.957.565.050 đồng.**

Nợ phát sinh do ứng trước tiền mua hàng và tiền thuế theo TT 219/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngày 16/6/2015 Cty đã khởi kiện khách nợ ra TAND TP Sóc Trăng. Hiện nay Tòa án ND Sóc Trăng đã ra QĐ số 03/2016/QĐST-PS mở thủ tục phá sản cho Cty Phương Huệ.

**- Công ty NSTP Trà Vinh phải thu các đối tượng số tiền 1.016.339.329 đồng, bao gồm:**

**+ Phải thu Nguyễn Văn Nốp: số tiền 340.256.500 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã gửi đơn khởi kiện ra Tòa Án nhân dân Thành phố Trà Vinh. Ngày 23/5/2017 Chi cục thi hành án dân sự Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định số 696/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo đơn yêu cầu. Hiện tại Công ty đang tiếp tục rà soát khách hàng nợ này để cung cấp thông tin cho cơ quan Thi hành án.

**+ Phải thu Nguyễn Văn Khiêm: số tiền 91.990.000 đồng.**

Đây là khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản bán lẻ theo hóa đơn 0971 ngày 26/11/2012. Công ty đã khởi kiện ra Tòa Án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Đã có Quyết định của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Trần Đề - tỉnh Sóc Trăng số 14/QĐ-CCTHA ngày 29/06/2015 v/v trả lại đơn yêu cầu THA . Ngày 30/12/2015 Công ty tiếp tục gửi đơn yêu cầu thi hành án đề nghị chi cục thi hành án huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thi hành bản án số 38/2014/QĐST-KDTM ngày 22/08/2014.

**+ Phải thu Hợp Tác Xã SX và KD Giống Thủy Sản Lộc Hòa: số tiền 182.903.533 đồng.**

Khoản nợ tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP Trà Vinh. Nhưng vụ án đã bị đình chỉ do vắng mặt bị đơn nhiều lần. Ngày 10/6/2016 UBND huyện Long Hồ có CV số 67/TCHT xác nhận đơn vị này không còn hoạt động, không còn khả năng thanh toán nợ và đã dời khỏi nơi cư trú, không liên lạc được.

**+ Phải thu Công ty TNHH Thủy Hải Sản SG MeKong: số tiền 261.021.360 đồng.**

Khoản nợ tiền lãi trả chậm bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện theo Cty này ra TAND tỉnh Trà Vinh. Ngày 10/5/2016, TAND đã quyết định số 01/2016/QĐ-PSST về việc tuyên bố phá sản Cty TNHH Thủy hải sản Sài Gòn MeKong.

**+ Phải thu Lưu Văn Út Hiền: số tiền 140.167.936 đồng.**

Khoản nợ lãi tiền bán thức ăn thủy sản, Công ty đã khởi kiện ra tòa. Ngày 05/5/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè đã ra quyết định số 1685/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo đơn yêu cầu. Hiện tại khách hàng này đã chết.

**(\*): A4. Nợ phải thu đang tập hợp hồ sơ để khởi kiện**

**- Công ty Bột mì Bình Đông phải thu DNTN TM Đại Thành số tiền 62.000.000 đồng:**

Nợ phát sinh do bán bột mì, Cty quyết định khởi kiện ông Sanh và tìm kiếm luật sư khởi kiện, tuy nhiên, luật sư trả lời không thể khởi kiện ông Sanh được vì doanh nghiệp đã giải thể. Sở KHĐT TP.HCM có văn bản số 12629/PĐKKD-KT ngày 08/10/2015 và văn bản số 12629/PĐKKD-KT về việc DNTN Đại Thành đã giải thể ngày 12/6/2014.

**(\*): A5. Khách nợ đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế/rời khỏi nơi cư trú/khách nợ không còn tài sản để thi hành án.**

**- Văn phòng TCT phải thu các đối tượng số tiền: 121.811.704 đồng, bao gồm:**

**+ Phải thu Doanh nghiệp tư nhân Phú Cường, số tiền: 52.997.947 đồng.**

Nợ phát sinh liên quan đến phí ủy thác giao nhận. Tổng công ty đã nhiều lần đơn đốc thu hồi nhưng khách nợ chưa thanh toán. Theo thông tin tra cứu từ trang Web của Tổng cục thuế, DNTN Phú Cường “đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.”

**+ Phải thu Công ty TNHH Thành Phát, số tiền: 68.813.757 đồng**

Nợ phát sinh liên quan đến phí ủy thác giao nhận. Theo Văn bản số 394/CT-KTT2 của Cục thuế tỉnh Tiền Giang: khách nợ đã ngừng hoạt động từ tháng 01/2014 nhưng chưa làm thủ tục đóng mã số thuế.

**- Công ty NSTP Trà Vinh phải thu các đối tượng số tiền: 1.206.865.283 đồng, bao gồm:**

**+ Phải thu Nguyễn Văn Thành: số tiền 410.715.403 đồng.**

Nợ phát sinh do bán thức ăn thủy sản. Cty đã gửi đơn khởi kiện ra Tòa Án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Hiện Tòa án Tiểu Cần đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang Tòa án nhân dân Thành phố Trà Vinh xử lý theo quy định. Ngày 29/06/2017, Tòa án nhân

dân Thành phố Trà Vinh đã ra thông báo số 09/TT-TA về việc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

**+ Phải thu Andalossia Company: số tiền 28.482,4 USD tương ứng 639.429.880 đồng.**

Đây là khoản tiền nợ cá Fillet đông lạnh xuất khẩu. Ngày 22/8/2015, Công ty đã liên hệ nhờ sự giúp đỡ của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xác nhận tình trạng hoạt động của Công ty này. Hiệp hội cá tra Việt Nam đã có công văn số: 33/HHCTVN.15-VP về việc xác minh tình hình hoạt động của Công ty nhập khẩu cá tra (Từ T1/2015 đến nay không có thực hiện giao dịch với các doanh nghiệp xuất khẩu tại khu vực ĐBSCL).

**+ Phải thu Xưởng cơ khí Lợi Thành: số tiền 156.720.000 đồng.**

Đây là khoản nợ nhận bàn giao từ Công ty Lương thực Trà Vinh về ứng trước tiền hàng gói thầu: Bảng tải thuộc Dự án Nhà máy SX thức ăn Thủy sản Trà Vinh theo hợp đồng số 25/HĐKT-2008 ngày 30/05/2008. Hiện đơn vị này đã có thông báo của Chi Cục Thuế TP Sa Đéc – tỉnh Đồng Tháp về đóng mã số thuế và không còn hoạt động.

**- Công ty Lương thực Tiền Giang phải thu DNTN Hồng Gấm: 3.122.377.000 đồng**

Nợ phát sinh do ứng trước tiền mua hàng, khách hàng không giao hàng, nợ tồn đọng khó thu hồi. Cty đã khởi kiện ra TAND TP Mỹ Tho. Chi cục THA dân sự TP Mỹ Tho đã ra quyết định THA, nhưng hiện tại chưa THA được do DNTN Hồng Gấm không đủ điều kiện THA. Hiện đã xử phúc thẩm tại TAND tỉnh Tiền Giang.

**- Công ty LT Bạc Liêu phải thu số tiền: 9.050.967.212 đồng, bao gồm:**

**+ Phải thu Công ty TNHH TM XNK Hiệp Tài: số tiền 9.017.732.212 đồng**

Đây là khoản nợ liên quan đến mua bán gạo, Công ty đã khởi kiện ra tòa. Chi cục Thi hành án Tp Cao Lãnh đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án số 18/QĐ-CCTHA ký ngày 13/01/2015. Trong quyết định có nội dung : Người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án kể từ ngày phát hiện người phải thi hành án có điều kiện thi hành. Hiện Công ty không đủ điều kiện để xác minh tài sản của người phải thi hành án.

**+ Phải thu UBND Xã Ninh Quới A: số tiền 5.500.000 đồng.**

Đây là khoản nợ liên quan đến tiền ứng lúa giống cho nông dân. Ngày 25/5/2015 UBND xã Ninh Quới có Cv số 15/CV-UBND xác nhận “Hai hộ trên vì hoàn cảnh khó khăn nên bỏ đi TPHCM làm thuê nên không liên hệ được, đặc biệt tài sản của hai hộ trên không còn nữa”

**+ Phải thu Công ty CP Thực phẩm Việt Nam: số tiền 27.735.000 đồng.**

Nợ phát sinh do ứng trước tiền mua hàng. Hiện Khách nợ đã bỏ trốn. Ngày 30/12/2015 Cục thuế tỉnh Bình Dương đã gửi CV số 15137/CT-KTT2 thông báo Công ty CP Thực Phẩm Việt Nam đã bỏ trốn và còn nợ thuế nhà nước là 5.039.155.970 đồng.

**- Công ty Lương thực Sóc Trăng phải thu DNTN Thành Phước: số tiền 100.000.000 đồng.**

Nợ phát sinh do ứng trước tiền mua gạo, khách hàng huỷ hợp đồng và chuyển trả lại tiền không đủ. Nợ kéo dài trên 05 năm. Khách nợ đã ngừng hoạt động và đi khỏi nơi cư trú. Ngày 02/02/2015, Cty có CV số 19/LTST-TCKT về việc xin xác nhận DN ngừng hoạt động. Ngày 03/02/2015, Chi cục Thuế huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang đã xác nhận đình chỉ sử dụng hóa đơn của DNTN Thành Phước kể từ ngày 30/8/2012.

Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng nêu trên, Tổng công ty Lương thực miền Nam đang xin cơ chế đặc thù để xử lý theo hướng xin loại ra khỏi kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tuy nhiên hiện chưa được cơ quan có thẩm quyền trả lời. Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ được ghi nhận và xử lý vào thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.

**(\*): A6: Ngoài ra, tính đến thời điểm lập phương án, Tổng công ty phát sinh thêm nợ phải thu khó đòi mới tại các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ, cụ thể như sau:**

Nợ phải thu của Công ty Lương thực Long An: phát sinh tăng phải thu Công ty TNHH Lương thực VAP là 11.049.991.330 đồng.

Đây là khoản Công ty Lương thực Long An phải thu Công ty TNHH Lương thực V.A.P theo hợp đồng mua bán số 28/HĐML-VAP/2015 ngày 20/11/2015.

Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Lương thực V.A.P tại Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường. Tòa án thị xã Kiến Tường đã xét xử và ra Bản án sơ thẩm số 04.2016/ST-KDTM ngày 08/09/2016 buộc Công ty TNHH Lương thực V.A.P có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền còn nợ là 11.049.991.330 VND.

Tuy nhiên, Công ty TNHH Lương thực V.A.P không đồng ý và kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 07/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xét xử và ra bản án phúc thẩm số 21/2016/KDTM-PT ngày 07/11/2016 buộc Công ty TNHH Lương thực V.A.P có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền còn nợ là 11.049.991.330 VND. Công ty Lương thực Long An đã gửi đơn đề nghị thi hành án đến Thi hành án dân sự Thị xã Kiến Tường đề nghị thi hành bản án trên. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ngày 12/5/2017, Cục Thi hành án tỉnh Long An đã thực hiện kê biên định giá tài sản của Công ty TNHH Lương thực V.A.P để làm thủ tục thi hành án. Ngày 17/07/2017, Công ty Lương thực Long An nhận được công văn số 01/2017/TB-TLPS ngày 30/06/2017 của Tòa án tỉnh Long An thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Công ty TNHH Lương thực



V.A.P. Công ty Lương thực Long An đang chờ Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết hồ sơ phá sản của Công ty TNHH Lương Thực V.A.P.

- Nợ phải thu của Công ty Lương thực Bạc Liêu: phát sinh tăng phải thu là 14.714.094.322 đồng, đã xử lý thu hồi được 965.592.066 đồng. Trong đó những khoản nợ phải thu có giá trị lớn gồm:
- + Công ty Sea Horse là 3.707.704.500 đồng: Đây là nợ phát sinh của 2 hợp đồng bán gạo. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng khách hàng đã có thông báo cho Công ty rằng gạo 5% tẩm có chứa chất bảo vệ thực vật (notice of FDA Action) nên không thanh toán tiền cho Công ty, từ đó 2 bên đang thương lượng xử lý số hàng này (theo 03 phương án: Tiêu hủy lô hàng tại Mỹ; Chuyển lô hàng trở về Việt Nam; Bán lô hàng cho Mexico để lô hàng được chuyển đi nơi khác trước khi có kết quả kiểm định lần 2); sau đó Công ty thống nhất phương án 3 là Bán lô hàng cho Mexico. Công ty đã nhiều lần gửi email yêu cầu xác nhận công nợ nhưng đơn vị trên vẫn chưa trả lời Công ty Lương thực Bạc Liêu đã nộp đơn tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam CN TP. Hồ Chí Minh đã nhận đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của Công ty Lương thực Bạc Liêu vào ngày 19/09/2016 và ngày 07/03/2017 Công ty đã chuyển tiền nộp án phí cho Trọng tài Quốc tế Việt Nam với số tiền 197.459.000 đồng. Ngày 05/7/2017 Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam CN TP. Hồ Chí Minh có giấy triệu tập vào ngày 04/8/2017 sẽ đưa vụ việc ra giải quyết.
- + Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín: phát sinh tăng 7.183.695.622 đồng, đã xử lý, thu hồi được 10.000.000 đồng. Công ty Lương thực Bạc Liêu đã ký 02 hợp đồng mua 3.000 tấn và 2.000 tấn gạo lúc Japonica. Tổng cộng Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín còn nợ Công ty 7.173.695.622 đồng (1.671.381.552 + 1.517.475.550 + 175.000.000 + 3.809.838.520). Đến nay, Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín vẫn chưa hoàn trả số nợ trên, Tổng công ty đã ủy quyền cho ông Trần Quốc Thống - Quyền giám đốc Công ty tiến hành khởi kiện và Công ty đã khởi kiện Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín tại Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ và đang chờ Tòa án xét xử. Công ty đã nộp đơn khởi kiện Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín tại Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ. Ngày 09/11/2016, Tòa án nhân dân Quận Thốt Nốt Tp. Cần Thơ có quyết định số 39/2016/QĐST-KDTM về quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín ông Nguyễn Văn Chử có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Lương thực Bạc Liêu thuộc Tổng Công ty Lương thực miền Nam số tiền nợ theo hợp đồng mua bán gồm các khoản sau: tiền nợ gốc là 1.671.381.552 đồng, tiền phạt do giao trễ hàng là 1.527.475.550 đồng, tiền chênh lệch mua hàng khác cao hơn giá hợp đồng 02-15 là 232.000.000 đồng cùng với tiền lãi là 227.787.877 đồng tính đến ngày 20/06/2016 (Lãi suất thỏa thuận 7%/năm). Tổng cộng các khoản phải thanh toán là 3.658.644.979 đồng và phải chịu tiếp tục chịu lãi 7%/năm tính từ ngày 21/06/2016 đến khi tất toán nợ cho Công ty

Lương thực Bạc Liêu. Ngày 03/02/2017 Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã có quyết định số 01/2017/QAST-KDTM với nội dung: Bị đơn ông Nguyễn Văn Chử - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Chử Tín có trách nhiệm trả cho Công ty Lương thực Bạc Liêu tổng số tiền 3.997.963.520 đồng. Đồng thời bị đơn phải trả cho Công ty Lương thực Bạc Liêu tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ 3.997.963.520 đồng theo mức lãi suất 7,5%/năm, kể từ ngày 24/01/2017 đến khi bị đơn thanh toán xong hết số nợ trên. Ngày 01/6/2017 Chi cục thi hành án quận Thốt Nốt có buổi giải quyết và sẽ tiếp tục xác minh tài sản của bị đơn. Công ty đang đeo bám để thu hồi nợ.

- + Công ty Cổ phần Lương thực Lúa Vàng là 3.400.000.000 đồng: Công ty Lương thực Bạc Liêu đã ký hợp đồng mua 500 tấn gạo ST 21-5%. Sau khi ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lương thực Lúa Vàng đã giao hàng từng phần đến ngày 25/06/2015 đã giao được 150 tấn thì không giao tiếp nữa. Công ty Lương thực Bạc Liêu đã khởi kiện Công ty Cổ phần Lương thực Lúa Vàng tại Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ. Ngày 09/09/2016 Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Bị đơn Công ty Cổ phần Lương thực Lúa Vàng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Lương thực miền Nam số tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng và nợ lãi 339.150.000 đồng, tổng cộng 3.739.150.000 đồng theo hợp đồng kinh tế số 11-15 ngày 07.04.2015 sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Công ty đang yêu cầu cơ quan Thi hành án quận Thốt Nốt thi hành theo quyết định trên để thu hồi nợ.
- Công ty Lương thực Bến Tre phát sinh nợ phải thu tồn đọng 11.082.111.085 đồng, cụ thể như sau:
  - + Khách hàng Tong Thai Seng Marketing Pte Ltd. số tiền 316.025.600 đồng.
  - + Công ty Lương thực Bến Tre xuất bán cho khách hàng 22 tấn gạo “VIETNAM BASMATI” ngày 18/9/2015 theo hợp đồng số 18/TTS/15 ký ngày 24/8/2015 với giá trị 14.080,00 USD tương đương 316.025.600 đồng, phương thức thanh toán D/A sau 07 ngày tàu cập bến cảng người mua. Ngày 21/9/2015, lượng hàng trên đã đến cảng Singapore, khách hàng đã nhận hàng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Công ty đã nhiều lần gửi email cho khách hàng để đòi tiền nhưng khách hàng không trả lời cũng không thanh toán. Công ty đã chuẩn bị hồ sơ và nhờ tư vấn pháp luật để khởi kiện.
  - + Khách hàng Univen Pte Ltd Singapore số tiền 10.766.085.485 đồng, quý 2/2017 đã thu hồi được 225.942.600 đồng, số còn nợ là 10.540.142.885 đồng

Công ty Lương thực Bến Tre xuất bán cho khách hàng 500 tấn gạo Hàm Châu 15% tằm ngày 27/3/2016 theo hợp đồng số 01/PT-UN/16 ký ngày 23/3/2016 và 750 tấn gạo Hàm Châu 15% tằm ngày 05/4/2016 theo hợp đồng số 03/BT-UN/16 ký ngày 25/3/2016 với tổng

giá trị của 2 hợp đồng là 513.750 USD tương đương 11.433.506.250 đồng. Phương thức thanh toán của 2 lô hàng xuất khẩu trên là phương thức L/C trả chậm trong 45 ngày. Tới thời hạn thanh toán, ngân hàng bên mua từ chối thanh toán do Công ty không cung cấp được 2 chứng từ quy định trong L/C dẫn đến L/C bất hợp lệ. Công ty đã mời khách hàng sang Việt Nam làm việc thỏa thuận việc thanh toán và khách hàng đã sang làm việc với Công ty vào ngày 29/6/2016, tại buổi làm việc khách hàng cam kết sẽ bù 3 USD/tấn cho 2 lô hàng trên và thanh toán bằng phương thức TTr chia làm 5 đợt, dứt điểm thời hạn đến cuối tháng 9/2016. Đến ngày 08/7/2016, khách hàng đã thanh toán 30.000 USD tương đương 667.885.446 đồng. Ngày 12/7/2017 Công ty đã nộp hồ sơ - theo văn bản ủy quyền số: 123/TCT- GUQ ngày 6/7/2017- tại VIAC, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty NSTP Tiền Giang có phát sinh tranh chấp khoản phải trả cho Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ lạnh Á Châu (ARICO) giá trị phần chênh lệch tỷ giá 2.190.433.557 đồng của gói thầu Hệ thống thiết bị lạnh và được phê duyệt quyết toán dự án theo Quyết định số 49/QĐ-HĐTV ngày 17/6/2016, có nêu "Giá trị phần chênh lệch tỷ giá 2.190.433.557 đồng của gói thầu Hệ thống thiết bị lạnh sẽ được Tổng Công ty phê duyệt quyết toán bổ sung khi được chấp thuận của cấp có thẩm quyền đồng ý cho thanh toán. Giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ đạo các phòng chức năng Tổng công ty cùng Công ty NSTP Tiền Giang có văn bản xin ý kiến cấp có thẩm quyền về giá trị phần chênh lệch này". Vấn đề này mặc dù, Tổng công ty đã tập trung giải quyết qua nhiều cuộc họp, thời gian kéo dài mà đến nay vẫn chưa kết thúc. Vì vậy, Tổng công ty cũng đang chuẩn bị hồ sơ ứng phó với vụ khiếu kiện nếu có xảy ra. Do đó, theo đánh giá của Tổng công ty nếu như phía ARICO khởi kiện thì ngoài việc bất lợi cho Tổng công ty trong hợp đồng thiết bị lạnh do Tổng công ty không thực hiện đúng như hợp đồng mà 02 bên đã ký, thì việc Tổng Công ty có khả năng bị xử phạt do thời gian chậm trễ giao mặt bằng cho bên B để lắp đặt thiết bị đã xảy ra là không thể tránh khỏi.

- Công ty Lương thực Trà Vinh:

Sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam (Tờ trình số 6578/TTr-QLDN ngày 09/8/2017), trong thời gian chờ Chính phủ phê duyệt đã phát hiện vụ việc mới phát sinh tại Công ty Lương thực Trà Vinh (là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Nam) bị thất thoát hàng hóa tồn kho thiếu 83.313,9 tấn lúa gạo các loại, tương đương với giá trị 662.164.913.589 đồng, số tiền tổn thất nêu trên không ảnh hưởng đến kết quả xác định giá trị doanh nghiệp do Cơ quan điều tra – Bộ Công an đang xác định mức độ thiệt hại, làm rõ trách nhiệm của các cá nhân có liên quan để có kết luận chính thức.

Các vấn đề tài chính (kể cả xử lý thất thoát tại Công ty Lương thực Trà Vinh), Tổng công ty Lương thực miền Nam sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc quyết

toán vốn nhà nước lần 2 (giai đoạn chính thức chuyển thành công ty cổ phần) theo đúng quy định hiện hành (như ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản số 1312/BTC-TCĐN ngày 17/11/2017 về việc thất thoát tài sản tại Công ty Lương thực Trà Vinh).

#### **7.2.4. Đối với danh mục tài sản không cần dùng, chờ thanh lý tại thời điểm 31/03/2015 chưa đủ điều kiện loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp**

Theo quy định tại:

- Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: “Đối với những tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm chủ động xử lý theo chế độ quản lý tài chính hiện hành (thanh lý, nhượng bán). Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp mà doanh nghiệp chưa kịp xử lý, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa xem xét, quyết định loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp và thực hiện chuyển giao cho các cơ quan khác”.
- Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: “**Các tài sản không được phép loại trừ** bao gồm: Đối với tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm cả các công trình ngầm, đường xá nội bộ, tường rào, sân, bãi nội bộ) mà doanh nghiệp có sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp; **các tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới đầu tư đưa vào sử dụng trong thời hạn 05 (năm) năm hoặc có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán từ 50% nguyên giá của tài sản trở lên.** Doanh nghiệp phải tiếp tục quản lý, theo dõi và xử lý dứt điểm theo chế độ quản lý tài chính hiện hành đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần”.

Căn cứ theo quy định trên Tổng công ty Lương thực miền Nam có một số tài sản không cần dùng, chờ thanh lý không đủ điều kiện để xử lý theo cơ chế hiện hành, cần có cơ chế đặc thù xử lý các tài sản trên để Tổng công ty loại trừ các danh mục tài sản này ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa và cho phép chuyển giao cho Công ty mua bán nợ như sau:

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)	Đã khấu hao (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
<b>A</b>	<b>Hai đơn vị thủy sản đề nghị xin cơ chế đặc thù</b>	<b>603.957.771.570</b>	<b>127.687.248.728</b>	<b>476.270.522.842</b>
<b>I</b>	<b>Công ty NSTP Trà Vinh</b>	<b>178.469.181.350</b>	<b>56.255.699.753</b>	<b>122.213.481.597</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	90.140.257.043	18.820.756.934	71.319.500.109
2	Máy móc thiết bị	73.622.770.989	31.665.475.167	41.957.295.822
3	Phương tiện vận tải	7.627.493.832	4.925.034.024	2.702.459.808
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	148.791.180	104.703.843	44.087.337

5	TSCĐ khác	6.929.868.306	739.729.785	6.190.138.521
<b>II</b>	<b>Công ty NSTP Tiền Giang</b>	<b>425.488.590.220</b>	<b>71.431.548.975</b>	<b>354.057.041.245</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	298.955.606.588	32.637.747.356	266.317.859.232
2	Máy móc thiết bị	92.402.719.215	27.837.754.696	64.564.964.519
3	Phương tiện vận tải	7.077.417.090	3.901.959.488	3.175.457.602
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	35.600.000	4.862.035	30.737.965
5	TSCĐ khác	27.017.247.327	7.049.225.400	19.968.021.927
<b>B</b>	<b>Tài sản xin cơ chế đặc thù của các đơn vị khác</b>	<b>54.569.514.596</b>	<b>23.268.499.253</b>	<b>31.301.015.343</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>658.527.286.166</b>	<b>150.955.747.981</b>	<b>507.571.538.185</b>

Trong đó chi tiết như sau:

❖ Với mục tiêu đa dạng hoá ngành nghề, Tổng công ty Lương thực miền Nam đã đầu tư 02 cụm dự án thủy sản tại tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay, trong đó:

- a. Dự án Cụm Công nghiệp Lương thực và Thủy sản Cổ Lịch do Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang quản lý bao gồm:
  - Dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Cổ Lịch và Văn phòng Công ty tại Tiền Giang
  - Dự án Kho Lương thực Cổ Lịch tại Tiền Giang
  - Dự án Nhà máy chế biến và bảo quản thủy sản, thực phẩm tại Tiền Giang
  - Dự án Vùng nuôi trồng thủy sản Cồn Đông Giang tại tỉnh Đồng Tháp
- b. Các dự án đầu tư tại tỉnh Trà Vinh do Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh quản lý bao gồm:
  - Dự án Nhà máy chế biến thủy sản Cầu Quan
  - Dự án Phân xưởng chế biến phụ phẩm cá da trơn 70 tấn nguyên liệu /ngày
  - Dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Tiểu Càn
  - Dự án Nhà ở tập thể công nhân

Mục tiêu của dự án: sản xuất và kinh doanh xuất khẩu sản phẩm từ cá tra theo mô hình khép kín từ ương giống - nuôi trồng - chế biến thức ăn - sản xuất chế biến thành phẩm.

Từ năm 2009 do ảnh hưởng khủng hoảng của nền kinh tế thế giới nên ngành thủy sản gặp quá nhiều khó khăn nhất là ngành cá tra xuất khẩu. Doanh nghiệp không huy động vốn do chính sách thắt chặt tín dụng; giá cả giảm liên tục, nhu cầu tiêu thụ tại thị trường EU và Mỹ ở mức thấp đã khiến phần lớn doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của cả nước hoạt động cầm chừng hoặc dừng hoạt động vì thua lỗ nặng. Công ty được thành lập và đi vào hoạt động trong giai đoạn này nên gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến hiệu quả kinh doanh nhiều năm liền bị thua lỗ.

**Tuy nhiên, tới Quý 4/2017 Tổng công ty đã thống nhất khôi phục lại hoạt động nuôi trồng, kinh doanh, chế biến thủy sản; chủ trương được sự ủng hộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các đơn vị thủy sản đang lập phương án và từng bước củng cố khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh.**

❖ Ngoài ra, danh mục tài sản không cần dùng chờ thanh lý nhưng chưa đủ điều kiện loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp của các đơn vị khác thuộc Tổng công ty bao gồm:

Vật tư thừa khi nâng cấp của Công ty Bột mì Bình Đông; Nhà xưởng, thiết bị thuộc Xí nghiệp bánh tráng xuất khẩu của Công ty Lương thực Tiền Giang; Khung tháp máy thủy sản - Dây chuyền sản xuất thức ăn thủy sản của Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang; Dây chuyền sản xuất bánh mì của Công ty Lương thực Sông Hậu; Thiết bị sản xuất bánh mì và xe ô tô tải hiệu JAC 1,050 tấn của Công ty Lương thực Vĩnh Long; Nhà 158 Võ Thị Sáu, P.8, TP Bạc Liêu; Nhà máy CB gạo XK Trung Nhứt (Nhà xưởng và máy móc thiết bị); Cơ sở sản xuất bánh mì Bạc Liêu (Nhà); Nhà máy Phước Long (đất, Quyền sử dụng đất tại ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long (3.207,9 m<sup>2</sup>); Quyền sử dụng đất tại huyện Đông Hải tỉnh Bạc Liêu (176,3 m<sup>2</sup>) của Công ty Lương thực Bạc Liêu; Phần hệ thống xử lý chất thải lò giết mổ; Hệ thống xử lý nước cấp; Tháp nước và hệ thống dẫn nước (thuộc Nhà máy giết mổ An Bình Tây, Bến Tre); Thiết bị sản xuất bánh mì thuộc Cửa hàng Lương thực thực phẩm 26, Hùng Vương, Phường 1, TP.Bến Tre của Công ty Lương thực Bến Tre.

Các danh mục tài sản này gồm các vật tư thừa trong kho không có nhu cầu sử dụng; máy móc, thiết bị hư hỏng cũ kỹ lạc hậu và một số dây chuyền sản xuất bánh mì hoạt động không hiệu quả bán khó thu hồi vốn, các tài sản nhà cửa vật kiến trúc cũ kỹ xuống cấp, không có nhu cầu sử dụng hoặc tài sản cần tháo dỡ giao trả đất cho địa phương có quy mô nhỏ giá trị không cao.

**Danh mục tài sản chờ thanh lý (đang thực hiện các thủ tục thanh lý, chuyển nhượng tài sản):**

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản</b>	<b>Nguyên giá (đồng)</b>	<b>Đã khấu hao (đồng)</b>	<b>Giá trị còn lại (đồng)</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	47.912.212.163	32.381.772.341	15.530.439.822
2	Máy móc thiết bị	30.912.611.912	18.843.259.836	12.069.352.076
3	Phương tiện vận tải	2.931.566.890	2.695.088.217	236.478.673
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.438.324.491	2.223.694.393	214.630.098
5	TSCĐ khác	24.670.096.590	5.510.859.569	19.159.237.021
	<b>Tổng cộng</b>	<b>108.864.812.046</b>	<b>61.654.674.356</b>	<b>47.210.137.690</b>

Cầu bốc hàng (Xí nghiệp 2), Hội trường (Xí nghiệp 1); Tài sản trên đất tại cơ sở XNQD5, máy lau 3T/h, Máy tách màu (Xí nghiệp 1), dây chuyền máy xay 5T/h, máy tách thóc, dây chuyền xát trắng và lau bóng gạo (Chợ TTNS), cân băng tải điện tử 40T/h (XNTT) của Công ty Lương thực Long An; Quyền sử dụng đất; nhà kho, văn phòng làm việc; Bờ kè, hàng rào tại kho Bình Đức 2 của Công ty Lương thực Tiền Giang; Siêu thị Vinafood Mart (nhà và đất), nhà kho 300 tấn và kho 300 tấn + nhà VPPX và một số thiết bị máy móc hư hỏng của Công ty Lương thực Đồng Tháp; Khu Vàm Trà Vinh, cửa hàng Lương thực Thực phẩm Tiểu Cần của Công ty Lương thực Trà Vinh, Nhà máy Chế biến thức ăn Vàm Trà Vinh (nhà cửa, thiết bị) của Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh; Cơ sở sản xuất bánh mì Nhà và đất 7K/1 - 8K/1 Hòa Phú của Công ty Lương thực Vĩnh Long; Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp, QSD đất, nhà kho và thiết bị nhà máy Thốt Nốt 2, máy tách thóc Nhà máy Phước Long của Công ty Lương thực Bạc Liêu; Cửa hàng Lương thực thực phẩm 26, Hùng Vương, Phường 1, TP. Bến Tre, của Công ty Lương thực Bến Tre.

Tổng công ty đã hoàn tất việc phê duyệt quyết toán đối với những tài sản đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

#### **7.2.5. Một số vấn đề khác:**

- Tại thời điểm 31/3/2015, Tổng công ty chưa ghi nhận một số khoản mục sau:
  - Khoản phí bảo lãnh phải thu của các đơn vị thành viên số tiền 9.710,917 triệu đồng;
  - Khoản phải thu theo kết luận của Thanh tra Chính phủ (văn bản số 2734/KL-TTTP ngày 25/9/2015) số tiền 9.007,09 triệu đồng;

- Khoản tiền lãi phạt, lãi chậm trả theo phán quyết của Tòa án số tiền: 26.789,984 triệu đồng.

Tổng công ty sẽ phải theo dõi, hạch toán các khoản phải thu nêu trên vào báo cáo tài chính và bổ sung tăng vốn nhà nước vào thời điểm quyết toán vốn Nhà nước giai đoạn 2.

- Về xử lý trách nhiệm gây lỗ: Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại thời điểm 31/3/2015 của Tổng công ty, số lỗ lũy kế đến 31/3/2015 là 1.178.799.139.948 đồng. Tổng công ty đã có văn bản số 102/TCT-HĐTV ngày 02/6/2016 giải trình nguyên nhân gây lỗ. Việc xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan hiện đang được các cơ quan có thẩm quyền xem xét. Trường hợp phát sinh khoản thu về bồi thường (nếu có) sẽ điều chỉnh vào thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.
- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty chưa được cơ quan quản lý thuế kiểm tra quyết toán thuế. Vì vậy, các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với nhà nước nếu có sẽ được điều chỉnh tại thời điểm quyết toán vốn nhà nước lần 2.

Về số tiền thuế GTGT được hoàn từ nguồn vốn được cấp từ Bộ Tài chính để thực hiện các dự án 1 triệu tấn kho lương thực tại Công ty mẹ - Tổng công ty: đề nghị tiếp tục sử dụng nguồn tiền thuế GTGT được hoàn từ nguồn vốn được cấp từ Bộ Tài chính vào cho các hạng mục tiếp theo của cùng 1 dự án được cấp từ ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo cơ cấu nguồn tại cùng 1 dự án (Vốn Tổng công ty (vốn NSNN giải ngân từ tài khoản tạm giữ của Tổng công ty do Bộ tài chính cấp); Vốn Tổng công ty (tự có); Vốn vay ngân hàng) và Tổng công ty đã có Văn bản số 549/TCT-TCKT ngày 24/3/2017 về việc xử lý tiền thuế GTGT được hoàn đối với dự án được NSNN cấp nhưng hoàn thuế GTGT để xử lý vào giai đoạn 2.

Các nội dung lưu ý của kiểm toán Nhà nước đối với kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty đã xử lý được một vấn đề. Phần còn lại sẽ tiếp tục xử lý khi quyết toán bàn giao giai đoạn 2.



**8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp**
**8.1. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2015**

Stt	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TSCĐ đang dùng</b>	<b>2.926.288.796.740</b>	<b>1.143.769.785.914</b>	<b>1.782.519.010.826</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.473.304.821.486	458.500.775.618	1.014.804.045.868
2	Máy móc, thiết bị	1.271.070.808.687	574.262.512.006	696.808.296.681
3	Phương tiện vận tải	130.181.672.214	81.316.026.410	48.865.645.804
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	37.104.418.673	23.620.681.767	13.483.736.906
5	TSCĐ khác	14.627.075.680	6.069.790.113	8.557.285.567
<b>B</b>	<b>TSCĐ không cần dùng</b>	<b>1.019.620.000</b>	<b>898.279.783</b>	<b>121.340.217</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc, thiết bị	1.019.620.000	898.279.783	121.340.217
3	Phương tiện vận tải	-	-	-
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-
5	TSCĐ khác	-	-	-
<b>C</b>	<b>TSCĐ chờ thanh lý</b>	<b>44.034.696.190</b>	<b>41.350.807.841</b>	<b>2.683.888.349</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc, thiết bị	40.700.340.699	38.051.149.315	2.649.191.384
3	Phương tiện vận tải	2.215.013.938	2.200.436.356	14.577.582
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.029.633.553	1.029.633.553	-
5	TSCĐ khác	89.708.000	69.588.617	20.119.383
<b>D</b>	<b>TSCĐ hình thành từ Quỹ KT, Quỹ PL</b>	<b>1.546.567.485</b>	<b>400.265.402</b>	<b>1.146.302.083</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.321.483.385	252.253.507	1.069.229.878

2	Máy móc, thiết bị	36.556.100	15.826.487	20.729.613
3	Phương tiện vận tải	-	-	-
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-
5	TSCĐ khác	188.528.000	132.185.408	56.342.592
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.972.889.680.415</b>	<b>1.186.419.138.940</b>	<b>1.786.470.541.475</b>

*Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty tại 31/03/2015 do VVFC thực hiện.*

## **8.2. Tình hình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

### **8.2.1. Thực trạng về đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015 để cổ phần hóa Công ty mẹ theo Quyết định số 5417/QĐ-BNN-QLDN ngày 18/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc triển khai cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên – Tổng công ty Lương thực miền Nam. Tại thời điểm này Tổng công ty Lương thực miền Nam đang quản lý 146 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 3.405.950,7 m<sup>2</sup> tại 15 tỉnh/ thành phố trên cả nước. Cụ thể thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015 tại các địa bàn tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

#### **Tại Thành phố Hồ Chí Minh:**

Tổng công ty đang quản lý 23 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 96.913,4m<sup>2</sup>, trong đó:

- Văn phòng Tổng công ty quản lý 15 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 38.542,1m<sup>2</sup>.
- Công ty Bột mì Bình Đông quản lý 03 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 57.350m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Đồng Tháp quản lý 03 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 796,6m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Sông Hậu quản lý 02 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 224,7m<sup>2</sup>.

#### **Tại tỉnh Long An:**

Tổng công ty đang quản lý 12 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 367.080,7m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Long An quản lý 11 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 330.688,7m<sup>2</sup>.
- Công ty Bột mì Bình Đông quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 36.392m<sup>2</sup>.

#### **Tại tỉnh Tiền Giang:**

Tổng công ty đang quản lý 20 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 344.819m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Tiền Giang quản lý 19 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 214.363,9m<sup>2</sup>.
- Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 130.455,1m<sup>2</sup>.

**Tại tỉnh Đồng Tháp:**

Tổng công ty đang quản lý 12 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 348.085,2m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Đồng Tháp quản lý 10 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 188.020,2 m<sup>2</sup>.
- Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang quản lý 02 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 160.065 m<sup>2</sup>.

**Tại tỉnh An Giang:**

Tổng công ty đang quản lý 06 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 91.404,1 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang quản lý 06 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 91.404,1 m<sup>2</sup>.

**Tại thành phố Cần Thơ:**

Tổng công ty đang quản lý 09 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 379.079,9 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Sông Hậu quản lý 05 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 154.632,3 m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Bạc Liêu quản lý 03 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 9.016 m<sup>2</sup>.
- Chi nhánh Thốt Nốt quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 215.431,6 m<sup>2</sup>.

**Tại tỉnh Hậu Giang:**

Tổng công ty đang quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 2.098 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Sông Hậu quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 2.098 m<sup>2</sup>.

**Tại tỉnh Vĩnh Long:**

Tổng công ty đang quản lý 05 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 62.806,5 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Vĩnh Long quản lý 04 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 53.111,6 m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Trà Vinh quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 9.694,9 m<sup>2</sup>.

**Tại tỉnh Bến Tre:**

Tổng công ty đang quản lý 18 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 41.760 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Bến Tre quản lý 18 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 41.760 m<sup>2</sup>.

**Tại tỉnh Trà Vinh:**

Tổng công ty đang quản lý 24 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 1.516.706,8 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Trà Vinh quản lý 17 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 240.558 m<sup>2</sup>

- Công ty Nông sản thực phẩm Trà Vinh quản lý 07 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 1.276.148,8 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Sóc Trăng:**

Tổng công ty đang quản lý 05 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 52.336 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Sóc Trăng quản lý 05 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 52.336 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Bạc Liêu:**

Tổng công ty đang quản lý 08 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 46.454,6 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Bạc Liêu quản lý 08 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 46.454,6 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Lâm Đồng:**

Tổng công ty đang quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 17.771,5 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Đồng Tháp quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 17.771,5 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Bình Định:**

Tổng công ty đang quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 30.278 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Vĩnh Long quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 30.278 m<sup>2</sup>. Đây là đất thuê khu công nghiệp.

 **Tại tỉnh Đắk Lắk:**

Tổng công ty đang quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 8.357 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Đồng Tháp quản lý 01 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 8.357 m<sup>2</sup>.



Bảng 7: Tổng hợp diện tích đất đai của Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng

Stt	Địa phương	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Cơ sở nhà đất	Hình thức sử dụng đất trước cổ phần hóa					Chưa đủ pháp lý hồ sơ
				Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Diện tích đất được giao (m <sup>2</sup> )		Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )		
					Có thu tiền sử dụng đất	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thành phố Hồ Chí Minh	96.913,4	23	1.641,0	6.274,5				88.997,9
2	Tỉnh Long An	367.080,7	12				36.392,0	330.688,7	
3	Tỉnh Tiền Giang	344.819,0	20	9.840,8	10.674,0			282.341,0	41.963,2
4	Tỉnh Đồng Tháp	348.085,2	12					348.005,2	80,0
5	Tỉnh An Giang	91.404,1	6		48.186,4			43.217,7	
6	Thành phố Cần Thơ	379.079,9	9	9.016,0				370.063,9	
7	Tỉnh Hậu Giang	2.098,0	1					2.098,0	
8	Tỉnh Vĩnh Long	62.806,5	5		39.288,2			23.518,3	
9	Tỉnh Bến Tre	41.760,0	18	3.854,0	92,3			33.777,2	4.036,5



10	Tỉnh Trà Vinh	1.516.706,8	24	506.715,8	74.595,7			929.920,6	5.474,7
11	Tỉnh Sóc Trăng	52.336,0	5		35.325,6			17.010,4	
12	Tỉnh Bạc Liêu	46.454,6	8	6.468,3	688,5			20.968,6	18.329,2
13	Tỉnh Bình Định	30.278,0	1					30.278,0	
14	Tỉnh Đắk Lắk	8.357,0	1	8.357,0					
15	Tỉnh Lâm Đồng	17.771,5	1	17.771,5					
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.405.950,7</b>	<b>146</b>	<b>563.664,4</b>	<b>215.125,2</b>		<b>36.392,0</b>	<b>2.431.887,6</b>	<b>158.881,5</b>

Nguồn: VINAFOOD II

### **Đánh giá về tình hình sử dụng đất**

Trong các năm qua, Tổng công ty đã sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đất đai cũng như các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác đăng ký, chỉnh lý biến động quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện đúng trình tự theo quy định.

Chính sách sử dụng đất của Công ty trong những năm tới là sử dụng đất đúng mục đích, phát huy những lợi thế của các lô đất để tối đa hóa lợi nhuận. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

### **8.2.2. Tình hình sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg**

Đến thời điểm lập Phương án cổ phần hóa, Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng 132 cơ sở nhà, đất (gồm có 174 thửa) với tổng diện tích 2.139.398,2 m<sup>2</sup> tại 13 tỉnh/thành phố; trong đó:

- Thuộc đối tượng phải sắp xếp phương án theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg, có 124/132 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 1.796.701,6 m<sup>2</sup>.
  - + Đã được UBND các tỉnh, thành phố đã có ý kiến thống nhất xử lý 107/124 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 1.706.859,3 m<sup>2</sup>, còn 17 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 89.842,3 m<sup>2</sup> tại TP. Hồ Chí Minh đang chờ ý kiến của UBND TP. Hồ Chí Minh
  - + Đã được Bộ Tài chính thống nhất phê duyệt 117/124 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 1.456.072,6 m<sup>2</sup> còn 07 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 340.629 m<sup>2</sup> Bộ Tài chính chưa phê duyệt (Trong đó có 06 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 339.302 m<sup>2</sup> Bộ Tài chính đang xem xét phê duyệt và 01 cơ sở nhà, đất tại số 2 Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM diện tích 1.327 m<sup>2</sup> đang kê khai 09).
- Không thuộc diện sắp xếp theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg, có 08 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 342.696,6 m<sup>2</sup> là những cơ sở thuê đất các khu công nghiệp (gồm có 07 cơ sở) và hàng hóa bất động sản (gồm có 01 cơ sở).

### **8.2.3. Phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015, Tổng công ty Lương thực miền Nam đang quản lý 146 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích là 3.405.950,7 m<sup>2</sup> tại 15 tỉnh/ thành phố trên cả nước.

Đến thời điểm trình phương án cổ phần hóa, có 14 cơ sở nhà, đất và một thửa có diện tích 697 m<sup>2</sup> của Xí nghiệp bánh tráng với một phần diện tích 2.247,2 m<sup>2</sup> tại nhà máy xay xát Mỹ Phước Công ty Lương thực Tiền Giang với tổng diện tích 1.266.552,5 m<sup>2</sup> được Tổng công ty chuyển nhượng và chuyển giao cho địa phương quản lý và sử dụng. Trong đó:

- + Chuyển giao cho địa phương là 12.098,2 m<sup>2</sup>.
- + Chuyển nhượng do không có nhu cầu sử dụng 1.254.454,3 m<sup>2</sup>.

Như vậy, Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng 132 cơ sở nhà, đất (gồm có 174 thửa) với tổng diện tích 2.139.398,2 m<sup>2</sup>.

#### **8.2.3.1. Ý kiến trả lời của các địa phương về phương án sử dụng đất của Tổng công ty**

- Đã có văn bản trả lời của UBND tỉnh/ thành phố đối với 115/132 cơ sở nhà, đất (157/174 thửa) với tổng diện tích 2.049.555,8 m<sup>2</sup>. Trong đó:
  - + Đồng ý với phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa là 110/115 cơ sở nhà, đất (148/157 thửa) với tổng diện tích 2.012.287 m<sup>2</sup>.
  - + Không thống nhất với phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa tại 05/115 cơ sở nhà, đất (09/157 thửa) với tổng diện tích 37.268,6 m<sup>2</sup>. (Do

địa phương đề nghị chuyển từ giao đất có thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền hàng năm).

- Chưa có văn bản trả lời về phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa là 17/132 cơ sở nhà, đất (17/174 thửa) tại TP. Hồ Chí Minh với tổng diện tích 89.842,3 m<sup>2</sup>. Tổng công ty đã có nhiều văn bản gửi UBND TP. Hồ Chí Minh và các Ban ngành đã tiến hành kiểm tra lại hiện trạng nhưng đến nay chưa nhận được ý kiến trả lời. Đối với các cơ sở nhà, đất này Tổng Công ty sẽ thực hiện theo Nghị quyết 121/NQ-CP ngày 22/11/2017 của Chính phủ là phải hoàn thành việc phê duyệt phương án sử dụng đất trước thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

### **8.2.3.2. Phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa của 132 cơ sở nhà, đất (gồm 174 thửa) như sau**

- Giữ lại để tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa có 114/132 cơ sở nhà, đất (gồm 147/174 thửa) với tổng diện tích 2.016.542 m<sup>2</sup>.
- Công ty cổ phần tiếp tục xử lý theo quy định về đất đai sau cổ phần hóa có 12 cơ sở nhà, đất (gồm 19 thửa) và một phần diện tích của một cơ sở nhà đất của Công ty Lương thực Bạc Liêu với tổng diện tích 82.022,4 m<sup>2</sup>.
- Chuyển giao trả địa phương 06 cơ sở nhà, đất (gồm 08 thửa) và một phần diện tích của một cơ sở nhà, đất của Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang, của Công ty Lương thực Bạc Liêu với tổng diện tích là 40.833,8 m<sup>2</sup>.

Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty cụ thể như sau:

#### **✚ Tại Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ngày 29/02/2016 Tổng công ty Lương thực miền Nam có văn bản 689/TCT/KTXDCB gửi UBND TP. Hồ Chí Minh về việc có ý kiến về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Tổng công ty trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Đến 31/12/2017 UBND TP. Hồ Chí Minh vẫn chưa có ý kiến về phương án sử dụng đất tại TP. Hồ Chí Minh. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban chỉ đạo 09 TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm tra các cơ sở nhà, đất tại TP. Hồ Chí Minh ngày 23/06/2016 và Bộ Tài chính đã có ý kiến 17 cơ sở nhà, đất đã kiểm tra theo văn bản 14536/BTC-QLCS ngày 14/10/2016.

Bộ Tài chính có Quyết định số 2212/BTC-QLCS ngày 14/10/2016 về việc thu hồi hai cơ sở nhà đất (02 thửa) tại TP. Hồ Chí Minh: Số 72/2B Võ Văn Ngân (nay là Tô Vĩnh Diện) phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, diện tích 8.539,6 m<sup>2</sup> và 01 cơ sở nhà đất (01 thửa) số 289 Bến Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh diện tích 5.497,9m<sup>2</sup>. Văn bản 4075/BTC-QLCS ngày 28/03/2017 của Bộ Tài chính gửi UBND TP. Hồ Chí Minh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đề nghị UBND TP. Hồ Chí Minh phối hợp với



Bộ Tài chính (Cục quản lý công sản), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng công ty Lương thực miền Nam tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận cơ sở nhà, đất nêu trên.

Ngày 6/6/2017 Bộ Tài chính, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Tổng công ty Lương thực miền Nam và các Sở Ban ngành trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh tiến hành họp và dự kiến kế hoạch bàn giao vào tháng 9/2017. Ngày 02/01/2018 Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh và Tổng công ty Lương thực miền Nam tiến hành họp và Tổng công ty sẽ tiến hành bàn giao trong thời gian tới và Tổng công ty sẽ làm việc với các Bộ ngành Trung ương kiến nghị xin giữ lại phần đất mà cây xăng của Công ty Bột mì Bình Đông đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngày 30/11/2017 Ban Chỉ đạo 09 đã họp và đề nghị tiếp tục kiểm tra lại các cơ sở nhà, đất đã kiểm tra tháng 06/2016. Ngày 12/12/2017 Ban Chỉ đạo 09-Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm tra lại các cơ sở nhà, đất này và dự kiến sẽ họp Ban Chỉ đạo 09 để thông qua phương án sử dụng đất của 17 cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Lương thực miền Nam trong thời gian sắp tới để trình Bộ tài chính và UBND TP Hồ Chí Minh xem xét phê duyệt.

Hiện nay, Tổng công ty đang quản lý và sử dụng 17 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 89.842,3m<sup>2</sup>, trong đó:

- Văn phòng Tổng công ty quản lý 12 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích là 32.267,6 m<sup>2</sup> trong đó tiếp tục quản lý và sử dụng 09 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 16.903,3 m<sup>2</sup> và dự kiến bán tài sản, chuyển nhượng QSDĐ 01 cơ sở nhà, đất với diện tích 1.327 m<sup>2</sup> (Số 2 Thảo Điền) và chuyển giao cho địa phương quản lý 2 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 14.037,3 m<sup>2</sup>.
- Công ty Bột mì Bình Đông tiếp tục quản lý sử dụng 03 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 57.350m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Sông Hậu tiếp tục quản lý và sử dụng 02 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 224,7m<sup>2</sup>.

#### **Tại tỉnh Long An:**

UBND tỉnh Long An có Văn bản 1965/UBND-KT ngày 02/06/2016 và văn bản 4950/UBND-KT ngày 31/10/2017 thống nhất phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Tổng công ty Lương thực miền Nam đang quản lý tại 11 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 362.889,7m<sup>2</sup>, là tiếp tục sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, trong đó:

- Công ty Lương thực Long An tiếp tục quản lý và sử dụng 10 cơ sở nhà đất với tổng diện tích 326.497,7 m<sup>2</sup>
- Công ty Bột mì Bình Đông tiếp tục quản lý và sử dụng 01 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 36.392 m<sup>2</sup>.

**+ Tại tỉnh Tiền Giang:**

UBND tỉnh Tiền Giang có Văn bản 2565/UBND-KT ngày 13/06/2016 và văn bản số 5769/UBND-KT ngày 30/11/2017 thống nhất phương án sử dụng đất CPH của Tổng công ty. Tổng công ty có 20 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 341.874,8 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Tiền Giang giữ lại tiếp tục quản lý sử dụng 18 cơ sở nhà, đất (32 thửa) với tổng diện tích 204.867,4 m<sup>2</sup> và được UBND tỉnh thống nhất bán tài sản và chuyển nhượng QSDĐ 01 cơ sở nhà, đất tại Bình Đức (bao gồm 02 thửa) và 01 thửa của Xí nghiệp bánh tráng (tổng cộng 03 thửa) với diện tích 6.552,3m<sup>2</sup>.
- Công ty Nông sản thực phẩm Tiền Giang giữ lại tiếp tục sử dụng 01 cơ sở nhà, đất (01 thửa) với tổng diện tích 130.455 m<sup>2</sup>.

**+ Tại tỉnh Đồng Tháp:**

UBND tỉnh Đồng Tháp đã có Văn bản 202/UBND-KTN ngày 11/04/2016 và văn bản số 685/UBND-KTN ngày 20/11/2017 thống nhất cho Tổng công ty giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 12 cơ sở nhà, đất (13 thửa) với tổng diện tích 348.085,2m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Đồng Tháp giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 10 cơ sở nhà, đất (11 thửa) với tổng diện tích 188.020,2 m<sup>2</sup>
- Công ty Nông sản thực phẩm Tiền Giang giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 02 cơ sở nhà, đất (02 thửa) với diện tích 160.065 m<sup>2</sup>.

**+ Tại tỉnh An Giang:**

Ngày 30/03/2016 UBND tỉnh An Giang đã có Văn bản 368/UBND-TH gửi cho Tổng công ty thống nhất theo phương án Tổng công ty, có 03 thửa đất với tổng diện tích 26.519,9m<sup>2</sup> UBND tỉnh đề nghị chuyển từ giao sang thuê đất: Một thửa đất tại Xí nghiệp CBLT Tân Châu Diện tích 2.928m<sup>2</sup> và 01 thửa đất tại Phân xưởng 2 thuộc Xí nghiệp CBLT Long Xuyên Diện tích 75m<sup>2</sup> và 01 thửa đất tại Xí nghiệp CBLT Phú Hòa Diện tích 23.516,8 m<sup>2</sup>. Tổng công ty có 6 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 91.404,1m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực thực phẩm An Giang giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 06 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 69.737,6 m<sup>2</sup> và giao trả lại cho địa phương quản lý một phần diện tích 21.666,5m<sup>2</sup> tại Phú Hòa, Thoại Sơn, An Giang theo ý kiến của UBND tỉnh.

**+ Tại thành phố Cần Thơ:**

UBND TP Cần Thơ đã có ý kiến về PA SĐĐ khi CPH, thống nhất theo phương án của Tổng công ty bằng Văn bản 1789/UBND-KT ngày 12/5/2016. Riêng cơ sở nhà, đất Nhà máy chế biến gạo XN Ô Môn diện tích 5.401 m<sup>2</sup> chuyển từ giao sang thuê đất.

Tổng Công ty có 09 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 379.079,9 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Sông Hậu giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 05 cơ sở nhà, đất (05 thửa) với tổng diện tích 154.632,3 m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Bạc Liêu giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 02 cơ sở nhà, đất (02 thửa) với tổng diện tích 7.419 m<sup>2</sup> và dự kiến bán tài sản, chuyên nhượng QSDĐ 01 cơ sở nhà đất (01 thửa) có diện tích 1.597 m<sup>2</sup> được UBND TP. Cần Thơ thống nhất.
- Chi nhánh Thốt Nốt giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 01 cơ sở nhà, đất (01 thửa) với tổng diện tích 215.431,6 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Hậu Giang:**

Ngày 17/03/2016 UBND tỉnh Hậu Giang đã có Văn bản 375/UBND-KTTH gửi cho BNN PTNT và Tổng công ty thống nhất theo phương án Tổng công ty. Tổng công ty giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 01 cơ sở nhà, đất (01 thửa) với tổng diện tích 2.098 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Sông Hậu tiếp tục quản lý sử dụng 01 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 2.098 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Vĩnh Long:**

UBND tỉnh Vĩnh Long đã có ý kiến về phương án SDD khi CPH, thống nhất theo phương án của Tổng công ty bằng Văn bản 1745/UBND-KTN ngày 24/05/2016. Tổng công ty có 05 cơ sở nhà, đất (14 thửa) với tổng diện tích 62.807m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Vĩnh Long giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 03 cơ sở nhà, đất (09 thửa) với tổng diện tích 52.969,5 m<sup>2</sup> và dự kiến bán tài sản, chuyên nhượng QSDĐ 01 cơ sở nhà đất (02 thửa) có diện tích 142,1 m<sup>2</sup>.
- Công ty Lương thực Trà Vinh giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 01 cơ sở nhà, đất (03 thửa) với tổng diện tích 9.695 m<sup>2</sup>.

 **Tại tỉnh Bến Tre:**

UBND tỉnh Bến Tre đã có ý kiến về phương án sử dụng đất khi CPH, thống nhất theo phương án của Tổng công ty bằng Văn bản 955/UBND-TCĐT ngày 7/3/2016 và văn bản số 4791/UBND-TCĐT ngày 23/10/2017. Tổng công ty có 18 cơ sở nhà, đất (19 thửa) với tổng diện tích 41.760 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Bến Tre giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 15 cơ sở nhà, đất (16 thửa) với tổng diện tích 38.215,6 m<sup>2</sup> và giao trả cho địa phương quản lý 3 cơ sở nhà, đất (03 thửa) với diện tích 3.710,1 m<sup>2</sup> (Kho Đa Phước Hội, Kho Giồng Trường, Cửa hàng Lương thực thực phẩm ấp 5, Bình Thành + kinh doanh xe gắn máy).

 **Tại tỉnh Trà Vinh:**

UBND tỉnh Trà Vinh đã có ý kiến về phương án sử dụng đất khi CPH bằng Văn bản 1099/UBND-NN ngày 8/4/2016 và văn bản số 4279/UBND-NN ngày 20/11/2017. Tổng công ty có 20 cơ sở nhà, đất (26 thửa) với tổng diện tích 296.149,1 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Trà Vinh giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 13 cơ sở nhà, đất (16 thửa) với tổng diện tích 197.728 m<sup>2</sup> và dự kiến bán tài sản, chuyển nhượng QSDĐ tại 2 cơ sở nhà đất (03 thửa) có diện tích 41.829,2 m<sup>2</sup>, trả cho địa phương quản lý 01 cơ sở nhà, đất (01 thửa) 919,9 m<sup>2</sup>.
- Công ty Nông sản thực phẩm Trà Vinh giữ lại tiếp tục sử dụng 01 cơ sở nhà đất (01 thửa) có diện tích 29.254 m<sup>2</sup> và dự kiến bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 03 cơ sở nhà, đất (5 thửa) với tổng diện tích 26.418 m<sup>2</sup> và được UBND tỉnh thống nhất.

#### **Tại tỉnh Sóc Trăng:**

Ngày 17/5/2016 UBND tỉnh Bạc Liêu đã có ý kiến thống nhất về PA SDĐ khi CPH bằng Văn bản 1536/UBND-KT. Tổng công ty có 04 cơ sở nhà, đất (04 thửa) với tổng diện tích 46.676 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Sóc Trăng giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 04 cơ sở nhà, đất (04 thửa) với tổng diện tích 46.676 m<sup>2</sup>.

#### **Tại tỉnh Bạc Liêu:**

Ngày 17/5/2016 UBND tỉnh Bạc Liêu đã có ý kiến thống nhất về PA SDĐ khi CPH bằng Văn bản 1536/UBND-KT. Tổng công ty có 08 cơ sở nhà, đất (11 thửa) với tổng diện tích 46.454,6 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Bạc Liêu giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 05 cơ sở nhà, đất (06 thửa) với tổng diện tích 41.797,8 m<sup>2</sup> và bán tài sản chuyển nhượng QSDĐ tại 03 cơ sở nhà, đất (04 thửa) với tổng diện tích 4.156,8 m<sup>2</sup>, trả cho địa phương 01 thửa 500m<sup>2</sup>.

#### **Tại tỉnh Bình Định:**

Ngày 29/4/2016 UBND tỉnh Bình Định đã có ý kiến thống nhất về PA SDĐ khi CPH bằng Văn bản 1582/UBND-KT. Tổng công ty có 01 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 30.278 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Công ty Lương thực Vĩnh Long giữ lại tiếp tục quản lý và sử dụng 01 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích 30.278m<sup>2</sup>.

**Bảng 8: Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty sau cổ phần hóa**
**Đơn vị tính: m<sup>2</sup>**

STT	Địa chỉ nhà, đất báo cáo	Tổng cộng			Phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa						
					Tiếp tục sử dụng				Bán tài sản và chuyển nhượng QSDĐ	Trả đất lại cho địa phương	
		Số cơ sở	Số thửa	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Tổng cộng	Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )			
								Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>7</i>	<i>9</i>	<i>11</i>	<i>13</i>	<i>15</i>	<i>17</i>	<i>19</i>
<b>I</b>	<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>89.842,3</b>	<b>74.478</b>		<b>0</b>		<b>74.478</b>	<b>1.327,0</b>	<b>14.037,3</b>
1	VP Tổng công ty	12	12	32.267,6	16.903,3		0		16.903,3	1.327,0	14.037,3
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	2	2	224,7	224,7				224,7		
3	Công ty Bột mì Bình Đông	3	3	57.350,0	57.350,0				57.350,0		
<b>II</b>	<b>Tỉnh Long An</b>	<b>11</b>	<b>14</b>	<b>362.889,7</b>	<b>354.572,7</b>			<b>36.392,0</b>	<b>318.180,7</b>	<b>8.317,0</b>	
1	Công ty Lương thực Lương thực Long An	10	13	326.497,7	318.180,7				318.180,7	8.317,0	
2	Công ty Bột mì Bình Đông	1	1	36.392,0	36.392,0			36.392,0			
<b>III</b>	<b>Tỉnh Tiền Giang</b>	<b>20</b>	<b>36</b>	<b>341.874,8</b>	<b>199.154,2</b>	<b>8.005,2</b>	<b>4.556,7</b>	<b>41.120,7</b>	<b>145.471,6</b>	<b>142.720,6</b>	



1	Công ty Lương thực Tiên Giang	19	35	211.419,7	199.154,2	8.005,2	4.556,7	41.120,7	145.471,6	12.265,5	
2	Công ty Nông sản thực phẩm Tiên Giang	1	1	130.455,1	0,0					130.455,1	
<b>IV</b>	<b>Tại tỉnh Đồng Tháp</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>348.085,2</b>	<b>182.522,0</b>				<b>182.522,0</b>	<b>165.563,2</b>	
1	Công ty Lương thực Đồng Tháp.	10	11	188.020,2	182.442,0				182.442,0	5.578,2	
2	Công ty Nông sản thực phẩm Tiên Giang	2	2	160.065,0	80,0				80,0	159.985,0	
<b>V</b>	<b>Tỉnh An Giang</b>	<b>6</b>	<b>9</b>	<b>91.404,1</b>	<b>69.737,6</b>				<b>69.737,6</b>		<b>21.666,5</b>
1	Công ty Lương thực thực phẩm An Giang	6	9	91.404,1	69.737,6				69.737,6		21.666,5
<b>VI</b>	<b>Thành phố Cần Thơ</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>379.079,9</b>	<b>377.482,9</b>				<b>377.482,9</b>	<b>1.597,0</b>	
1	Công ty Lương thực Sông Hậu	5	5	154.632,3	154.632,3				154.632,3		
2	Công ty Lương thực Bạc Liêu	3	3	9.016,0	7.419,0				7.419,0	1.597,0	
3	Chi nhánh Thốt Nốt	1	1	215.431,6	<b>215.431,6</b>				215.431,6		
<b>VII</b>	<b>Tỉnh Hậu Giang</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2.098,0</b>	<b>2.098,0</b>				<b>2.098,0</b>		
1	Công ty Lương thực Sông Hậu	1	1	2.098,0	2.098,0				2.098,0		
<b>VIII</b>	<b>Tại tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>5</b>	<b>14</b>	<b>62.806,5</b>	<b>62.664,4</b>		<b>39.146,1</b>		<b>23.518,3</b>	<b>142,1</b>	
1	Công ty Lương thực Vĩnh Long	4	11	53.111,6	52.969,5		29.451,2		23.518,3	142,1	



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1	Công ty Lương thực Trà Vinh	1	3	9.694,9	9.694,9		9.694,9				
<b>IX</b>	<b>Tỉnh Bến Tre</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>41.760,0</b>	<b>38.049,9</b>	<b>3.854,0</b>	<b>92,3</b>		<b>34.103,6</b>		<b>3.710,1</b>
1	Công ty Lương thực Bến Tre	18	19	41.760,0	38.049,9	3.854,0	92,3		34.103,6		3.710,1
<b>X</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>	<b>20</b>	<b>26</b>	<b>296.149,1</b>	<b>197.728,0</b>				<b>197.728,0</b>	<b>97.501,2</b>	<b>919,9</b>
A	Công ty Lương thực Trà Vinh	16	20	240.477,1	197.728,0				197.728,0	41.829,2	919,9
B	Công ty Nông sản thực phẩm Trà Vinh	4	6	55.672,0	0,0					55.672,0	
<b>XI</b>	<b>Tỉnh Sóc Trăng</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>46.676,0</b>	<b>46.676,0</b>		<b>35.325,6</b>		<b>11.350,4</b>		
1	Công ty Lương thực Sóc Trăng	4	4	46.676,0	46.676,0		35.325,6		11.350,4		
<b>XII</b>	<b>Tại tỉnh Bạc Liêu</b>	<b>8</b>	<b>11</b>	<b>46.454,6</b>	<b>41.797,8</b>				<b>41.797,8</b>	<b>4.156,8</b>	<b>500,0</b>
1	Công ty Lương thực Bạc Liêu	8	11	46.454,6	41.797,8				41.797,8	4.156,8	500,0
<b>XIII</b>	<b>Tại tỉnh Bình Định</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>30.278,0</b>	<b>30.278,0</b>				<b>30.278,0</b>		
1	Công ty Lương thực Vĩnh Long	1	1	30.278,0	30.278,0				30.278,0		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>132</b>	<b>174</b>	<b>2.139.398,2</b>	<b>1.677.239,5</b>	<b>11.859,2</b>	<b>79.120,7</b>	<b>77.512,7</b>	<b>1.508.746,9</b>	<b>421.324,9</b>	<b>40.833,8</b>

Nguồn: VINAFOOD II

**8.3. Nhà cửa vật kiến trúc tại thời điểm 31/03/2015**
*Đơn vị tính: VND*

STT	Tên đơn vị	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Văn phòng Tổng công ty	94.489.166.142	38.624.656.155
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	149.500.093.464	70.629.005.155
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	171.041.837.315	94.997.017.665
4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	76.215.659.669	48.546.994.345
5	Công ty Bột mì Bình Đông	174.539.427.467	57.515.721.017
6	Công ty Lương thực Long An	246.704.094.681	127.961.964.531
7	Công ty Lương thực Tiền Giang	298.617.811.344	163.660.995.757
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	233.987.940.072	152.702.047.547
9	Công ty Lương thực Đồng Tháp	178.967.396.841	103.927.807.500
10	Công ty Lương thực Sóc Trăng	65.610.171.292	50.366.382.963
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	48.545.615.387	42.651.105.174
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	132.607.179.485	135.106.427.825
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	217.646.085.132	171.180.123.023
14	Công ty Lương thực Bến Tre	29.776.103.286	18.630.830.778
15	Chi nhánh Thốt Nốt	103.624.619.868	100.136.754.756
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.221.873.201.444</b>	<b>1.376.637.834.191</b>

*Nguồn: Kiểm toán Nhà nước*
**8.4. Máy móc thiết bị tại thời điểm 31/03/2015**
*Đơn vị tính: VND*

STT	Tên đơn vị	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Văn phòng Tổng công ty	103.103.928	37.410.593
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	63.575.852.550	39.747.818.881
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	97.847.855.633	53.950.936.936
4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	62.011.544.025	35.271.822.593
5	Công ty Bột mì Bình Đông	119.321.560.378	26.239.199.988



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Tên đơn vị	Nguyên giá	Giá trị còn lại
6	Công ty Lương thực Long An	161.020.923.113	100.896.745.260
7	Công ty Lương thực Tiền Giang	205.329.722.655	134.939.469.104
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	110.797.607.580	72.337.140.699
9	Công ty Lương thực Đồng Tháp	132.375.504.785	92.140.963.217
10	Công ty Lương thực Sóc Trăng	52.607.350.432	42.762.767.244
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	64.619.566.028	52.985.948.551
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	100.205.109.207	57.042.792.679
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	92.512.775.033	65.595.114.210
14	Công ty Lương thực Bến Tre	12.239.637.915	9.690.108.482
15	Chi nhánh Thốt Nốt	7.508.001.498	7.440.140.772
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.282.076.114.759</b>	<b>791.078.379.209</b>

Nguồn: Kiểm toán Nhà nước

**8.5. Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/03/2015**

Đơn vị tính: VND

TT	Tên đơn vị	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Văn phòng Tổng công ty	16.657.485.335	8.067.381.456
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	28.488.246.932	12.248.479.745
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	3.832.829.235	1.530.257.498
4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	2.505.235.125	1.077.242.782
5	Công ty Bột mỳ Bình Đông	6.058.950.569	2.542.973.349
6	Công ty Lương thực Long An	7.252.991.705	3.929.593.755
7	Công ty Lương thực Tiền Giang	5.702.632.249	2.392.889.800
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	16.172.034.033	8.165.476.776
9	Công ty Lương thực Đồng Tháp	20.319.271.857	12.735.869.623
10	Công ty Lương thực Sóc Trăng	7.650.227.190	5.709.062.742
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	3.240.392.100	2.315.780.244
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	12.101.849.240	7.843.238.457

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	7.077.417.090	3.792.405.804
14	Công ty Lương thực Bến Tre	4.188.790.712	3.031.527.519
15	Chi nhánh Thốt Nốt	799.090.909	359.590.909
	<b>Tổng cộng</b>	<b>142.047.444.281</b>	<b>75.741.770.459</b>

Nguồn: Kiểm toán Nhà nước

**8.6. Thiết bị, dụng cụ quản lý tại thời điểm 31/03/2015**

Đơn vị tính: VND

<b>TT</b>	<b>Tên tài sản</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
1	Văn phòng Tổng công ty	1.435.706.121	429.825.590
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	326.791.817	141.479.227
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	210.051.513	43.269.326
4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	255.544.137	109.006.572
5	Công ty Bột mỳ Bình Đông	4.498.208.944	1.307.944.804
6	Công ty Lương thực Long An	10.662.331.929	5.291.116.394
7	Công ty Lương thực Tiền Giang	836.190.716	291.354.638
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	1.790.996.323	503.059.738
9	Công ty Lương thực Đồng Tháp	15.136.486.341	8.280.373.186
10	Công ty Lương thực Sóc Trăng	531.437.252	409.962.092
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	254.639.375	132.483.159
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	599.864.787	239.752.818
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	35.600.000	30.737.965
14	Công ty Lương thực Bến Tre	127.327.557	44.244.270
15	Chi nhánh Thốt Nốt	42.000.000	36.540.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36.743.176.812</b>	<b>17.291.149.778</b>

Nguồn: Kiểm toán Nhà nước

**8.7. Tài sản cố định khác***Đơn vị tính: VND*

STT	Tên đơn vị	Nguyên Giá	Giá trị còn lại
1	Văn phòng Tổng công ty	0	0
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	0	0
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	0	0
4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	0	0
5	Công ty Bột mỳ Bình Đông	0	0
6	Công ty Lương thực Long An	0	0
7	Công ty Lương thực Tiền Giang	4.039.397.298	1.610.991.044
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	898.152.000	234.047.412
9	Công ty Lương thực Đồng Tháp	710.451.283	204.832.463
10	Công ty Lương thực Sóc Trăng	0	0
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	0	0
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	679.204.248	377.164.381
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	8.280.065.687	6.607.538.778
14	Công ty Lương thực Bến Tre	68.088.047	13.617.609
15	Chi nhánh Thốt Nốt	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.675.358.563</b>	<b>9.048.191.687</b>

*Nguồn: Kiểm toán Nhà nước***8.8. Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

STT	Tên đơn vị	Nguyên Giá	Giá trị còn lại
1	Văn phòng Tổng công ty	792.727.113.013	791.263.822.164
2	Công ty Lương thực Sông Hậu	0	0
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	10.299.382.789	10.299.382.789
4	Công ty Lương thực Bạc Liêu	9.404.376.133	8.647.856.167



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

5	Công ty Bột mỳ Bình Đông	80.441.645	0
6	Công ty Lương thực Long An	2.967.909.752	1.388.582.471
7	Công ty Lương thực Tiền Giang	36.934.446.386	34.096.873.342
8	Công ty Lương thực Trà Vinh	20.126.014.443	18.021.894.588
9	Công ty Lương thực Đồng Tháp	6.849.963.307	1.491.610.239
10	Công ty Lương thực Sóc Trăng	10.542.283.462	10.243.159.478
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	22.409.551.781	21.759.892.474
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	62.949.145.689	62.529.757.408
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	316.665.283	159.113.094
14	Công ty Lương thực Bến Tre	2.249.336.116	2.020.587.639
15	Chi nhánh Thốt Nốt	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>977.856.629.799</b>	<b>961.922.531.853</b>

Nguồn: Kiểm toán Nhà nước

**9. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm trước cổ phần hóa**
**9.1. Sản lượng mua vào, bán ra, kim ngạch xuất - nhập khẩu, doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2013 – 2016**
**Bảng 9: Sản lượng mua vào, bán ra, kim ngạch xuất – nhập khẩu, doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2013 -2016**

Stt	Diễn giải	ĐVT	Năm			
			2013	2014	2015	2016
<b>I</b>	<b>MUA VÀO</b>					
1	Lúa gạo	Tấn	1.621.817	2.304.653	1.675.478	1.046.791
2	Thủy sản	Tấn	7.662	0	0	
3	Lúa mì	Tấn	52.429	86.174	42.959	50.752
<b>II</b>	<b>BÁN RA</b>					
1	Mặt hàng gạo:	Tấn	1.511.879	1.609.952	1.296.384	806.065
A	Xuất khẩu	Tấn	813.271	1.237.081	1.007.137	404.427
B	Nội địa	Tấn	698.608	372.871	289.247	401.638
2	Thủy sản	Tấn	4.420	-	-	
3	Thực ăn cá	Tấn	26.330	-	-	
4	Bột mì	Tấn	53.009	65.915	47.800	41.441
5	Thực phẩm chế biến	Tấn	4.575	3.069	577	593



6	Bao bì	Cái	14.065.425	14.285.736	14.650.791	9.703.658
<b>III</b>	<b>KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU</b> Trong đó:	<b>Ngàn USD</b>	<b>406.126</b>	<b>542.853</b>	<b>392.804</b>	<b>176.784</b>
	Kim ngạch xuất khẩu	Ngàn USD	371.296	526.945	383.480	165.821
	Kim ngạch nhập khẩu	Ngàn USD	34.830	15.908	9.324	10.963
<b>IV</b>	<b>DOANH THU</b>	Triệu đồng	17.538.445	19.028.368	16.153.289	10.109.675
<b>V</b>	<b>LỢI NHUẬN</b>	Triệu đồng	-216.478	-873.332	155.796	161.380

Nguồn: VINAFOOD II

## 9.2. Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu là lúa, gạo, bột mì... được thu mua từ các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long. Nguyên vật liệu thu mua được đưa vào chế biến tạo ra thành phẩm gạo các loại, đóng bao, bảo quản và bán ra thị trường trong nước hoặc xuất khẩu.
- Những yếu tố ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào:
  - Giá thu mua nguyên liệu thường tăng vào đầu năm do là thời điểm thu hoạch lúa Đông Xuân, Công ty cũng như các doanh nghiệp cùng ngành đều tập trung thu mua với số lượng lớn.
  - Diễn biến giá gạo nguyên liệu phụ thuộc vào cung cầu của thị trường
- Những yếu tố mùa vụ trên đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận do chi phí tồn kho kéo dài. Tuy nhiên, việc thu mua gạo của Công ty cũng đã có những chính sách dự báo cung.

### 9.3. Chi phí

Cơ cấu chi phí và tỷ trọng chi phí trên tổng doanh thu của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn năm 2013 –2016 như sau:

**Bảng 10: Chi phí giai đoạn 2013 – 2016**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng so với Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với Tổng DT (%)
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>17.538.445</b>		<b>19.028.368</b>		<b>16.153.289</b>		<b>10.109.675</b>	
1	Giá vốn hàng bán	15.748.622	89,79	16.457.459	86,49	13.069.598	80,91	8.390.075	83,00
2	Chi phí tài chính	548.175	3,13	530.956	2,79	523.950	3,24	53.797	0,53
	Trong đó: Chi phí lãi vay	231.860	1,32	215.425	1,13	233.101	1,44	137.046	1,36
3	Chi phí bán hàng	1.165.581	6,65	2.414.754	12,69	2.031.348	12,58	1.248.769	12,35
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	249.840	1,42	474.142	2,49	277.125	1,72	209.680	2,07
5	Chi phí khác	42.705	0,24	24.386	0,13	95.472	0,59	45.974	0,45
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>17.754.923</b>	<b>101,23</b>	<b>19.901.697</b>	<b>104,59</b>	<b>15.997.493</b>	<b>99,04</b>	<b>9.948.295</b>	<b>98,40</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 và 2016 đã kiểm toán của VINAFOOD II*

#### 9.4. Doanh thu

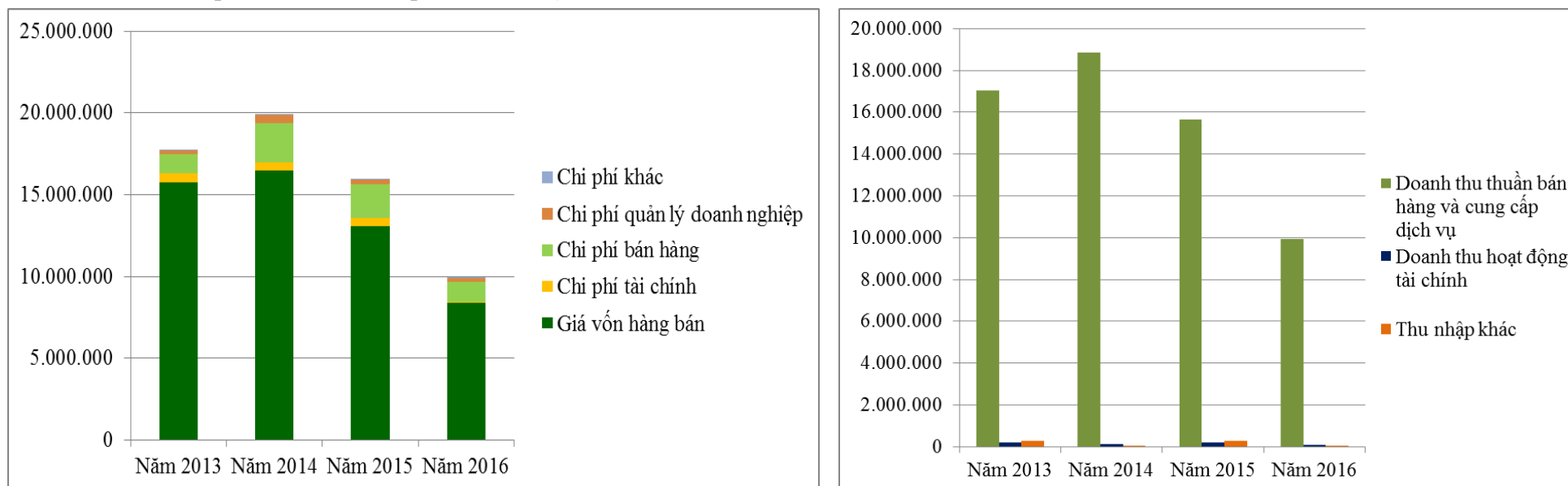
Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam trong giai đoạn từ năm 2013 – 2016 như sau:

*Bảng 11: Doanh thu giai đoạn 2013 – 2016 (Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 và 2016 đã kiểm toán của VINAFOOD II)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.030.741	97,10	18.861.620	99,12	15.651.813	96,90	9.951.409	98,44
2	Doanh thu hoạt động tài chính	216.728	1,24	140.106	0,74	214.325	1,33	92.863	0,92
3	Thu nhập khác	290.976	1,66	26.642	0,14	287.151	1,77	65.403	0,64
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.538.445</b>	<b>100</b>	<b>19.028.368</b>	<b>100</b>	<b>16.153.289</b>	<b>100</b>	<b>10.109.675</b>	<b>100</b>

*Biểu đồ cơ cấu chi phí và doanh thu qua các năm (triệu đồng)*





**9.5. Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Lợi nhuận thực hiện của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam trong giai đoạn năm 2013 – 2016 như sau:

**Bảng 12: Lợi nhuận giai đoạn 2013 - 2016**

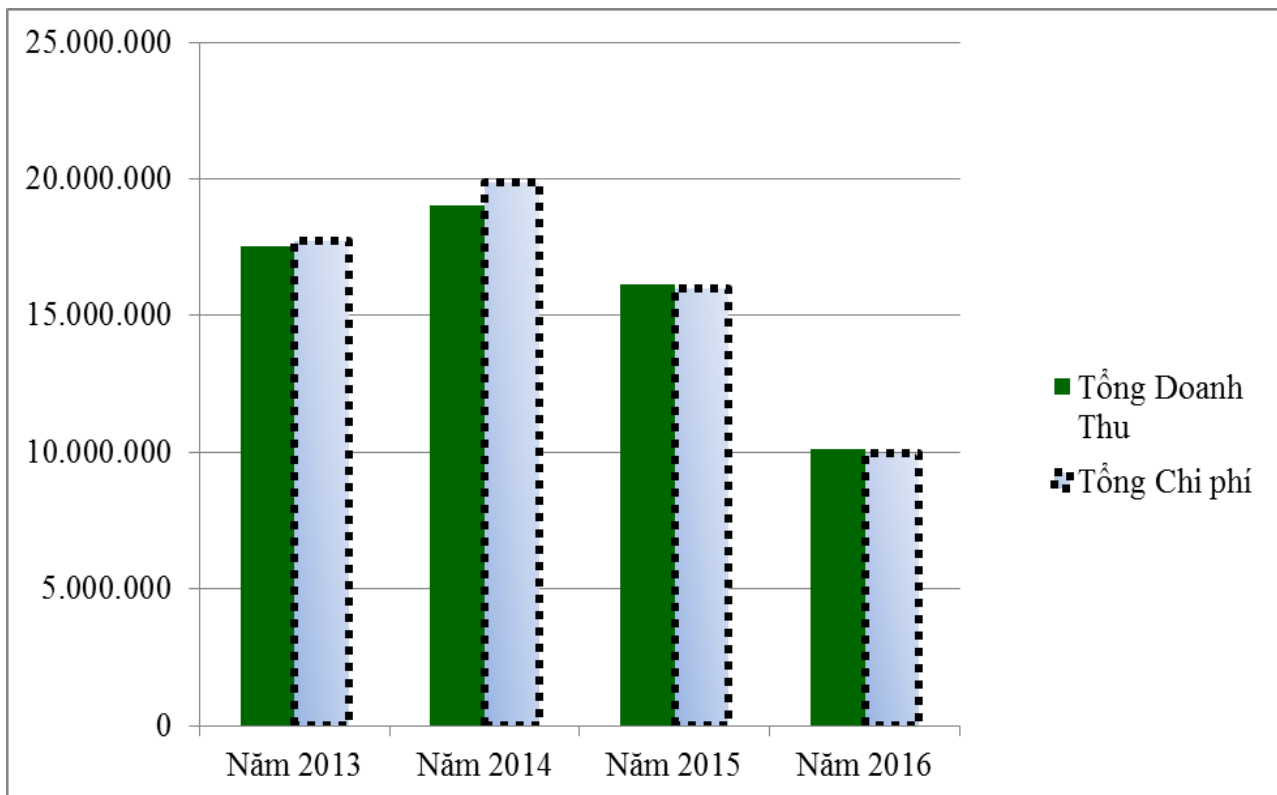
*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Doanh thu thuần	17.030.741	18.861.620	15.651.813	9.951.409
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(464.749)	(875.587)	(35.883)	141.951
3	Lợi nhuận khác	248.271	2.255	191.679	19.429
4	Lợi nhuận trước thuế	(216.478)	(873.332)	155.796	161.380
5	Lợi nhuận sau thuế	(229.580)	(873.780)	136.032	156.523

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 và 2016 đã kiểm toán của VINAFOOD II*

*Biểu đồ thể hiện sự thay đổi của doanh thu, chi phí qua các năm*

*Đơn vị tính: triệu đồng*



Giai đoạn từ năm 2013 – 2016, doanh thu của Công ty mẹ - Tổng công ty liên tục sụt giảm, lợi nhuận trước thuế cũng giảm mạnh, Công ty mẹ- Tổng công ty ghi nhận lỗ 2 năm liên tiếp từ năm 2013 đến năm 2014. Sang Quý 1/2015 Công ty mẹ - Tổng công ty lỗ -79,312 tỷ đồng, tuy nhiên, từ Quý 2/2015 hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty bắt đầu có lãi. Lũy kế cả năm 2015 Công ty mẹ - Tổng công ty lãi 155,796 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và đến năm 2016 Công ty mẹ - Tổng công ty lãi 161,380 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm về doanh số và kết quả thua lỗ trong 2 năm liên tiếp 2013 -2014 chủ yếu là do hoạt động kinh doanh thủy sản và hoạt động đầu tư tài chính. Cụ thể:

**Năm 2013**, Công ty mẹ hoạt động kinh doanh lỗ trước thuế là: **-216,478** tỷ đồng, trong đó: 7/14 đơn vị có kết quả kinh doanh lỗ là: -269,054 tỷ đồng, đặc biệt 02 doanh nghiệp có nuôi trồng chế biến thủy sản lỗ là: -138,876 tỷ đồng, chiếm 64,15%/tổng số lỗ và 7/14 đơn vị có kết quả kinh doanh lãi là: 63,581 tỷ đồng, điều chỉnh hợp nhất công ty mẹ: -11,005 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu do:

- Lỗ từ hoạt động kinh doanh: - 338,737 tỷ đồng;
- Trong đó: Lỗ trong lĩnh vực thủy sản:* - 133,184 tỷ đồng;
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi làm phát sinh lỗ: - 10,915 tỷ đồng;



Trích lập dự phòng đầu tư tài chính làm phát sinh lỗ:	- 226,576 tỷ đồng;
Thu nhập khác:	359,750 tỷ đồng.
<i>Trong đó:</i>	
<i>Hỗ trợ lãi suất vay tạm trữ lúa gạo:</i>	<i>73,253 tỷ đồng</i>
<i>Xử lý các khoản nợ không phải trả, phải thu:</i>	<i>125,887 tỷ đồng</i>
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>110,195 tỷ đồng</i>
<i>Khác</i>	<i>50,415 tỷ đồng</i>
<b>Cộng:</b>	<b>- 216,478 tỷ đồng</b>

*(Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ năm 2013 lỗ là -229,580 tỷ đồng, lỗ tăng thêm chủ yếu cho các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị, số thuế TNDN các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ đã nộp thừa là 15,977 tỷ đồng.)*

### **Đánh giá nguyên nhân lỗ năm 2013**

Khách quan:

- Thực hiện nhiệm vụ mua lúa, gạo tạm trữ của Chính phủ: Trước thời điểm triển khai mua tạm trữ, giá lúa, gạo thấp, nhưng khi có chủ trương và tổ chức triển khai mua tạm trữ, thì giá lúa, gạo trong nước tăng do tác động của chính sách này; đến hết thời gian mua tạm trữ, giá lúa gạo trong nước có xu thế giảm trở lại. Chính vì thế mà lượng gạo tạm trữ tồn kho thường có giá cao, nên việc giải phóng hàng tồn kho sau tạm trữ gặp khó khăn, chi phí lãi suất của hàng tồn kho chưa bán được lớn (vì thời gian tồn kho dài, nhưng thời gian được hỗ trợ lãi suất tối đa chỉ có 3 tháng); lãi vay ngân hàng phát sinh của thời gian chưa bán được hàng tồn kho tạm trữ trong năm 2013 là: 36,770 tỷ đồng.
- Quy định về trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính có sự thay đổi sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013, thay thế Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, về chế độ trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nên số dự phòng đầu tư tài chính đã phát sinh tăng thêm: 115,286 tỷ đồng. Mặc dù Tổng công ty đã có phương án thoái vốn từ năm 2012, nhưng do thị trường trầm lắng, không có người mua; do vậy việc thoái vốn không được như mong muốn, dẫn đến phải trích lập dự phòng.
- Chính sách nhập khẩu gạo của các nước nhập khẩu gạo lớn có sự thay đổi phương thức, nên thị phần của thị trường tập trung sụt giảm; sức cung của thị trường gạo thế giới dồi dào, do lượng tồn kho gạo của Thái Lan và Ấn Độ lớn, nên việc cạnh tranh trên thị trường gạo thế giới gay gắt, lượng và giá gạo xuất khẩu giảm. Cụ thể như sau:
  - o Thị trường Indonesia: giảm 790.850 tấn (giảm 100 %) so với năm 2012.

- Thị trường Malaysia: giảm 335.610 tấn (giảm 48,15 %) và giá bình quân giảm 98 USD/tấn (giảm 20,45 %), so với năm 2012.
- Thị trường Philippines: giảm 544.045 tấn (giảm 62,18 %) và giá bình quân giảm 38 USD/tấn (giảm 9,03 %), so với năm 2012.

Tính chung, năm 2013 tổng lượng gạo của hợp đồng tập trung giảm 1.670.505 tấn (giảm 62,77%) so với năm 2012.

- Thị trường thủy sản khó khăn, do các nhà nhập khẩu dựng hàng rào kỹ thuật, áp thuế chống phá giá.

#### Chủ quan:

- Công tác thẩm định, đánh giá khách hàng ở một số đơn vị thành viên còn yếu, ứng vốn thu mua lớn, không quản lý được chân hàng; nên đã để phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi lớn, mất cân đối tài chính và gia tăng chi phí lãi vay ngân hàng trong năm 2013 và những năm tiếp theo.
- Việc quyết định đầu tư và phát triển sang lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản và thức ăn thủy sản là lĩnh vực mới, kinh nghiệm về công tác thị trường còn yếu, không có thương hiệu, chưa có thị trường và khách hàng; thiếu sự phối hợp giữa các đơn vị thành viên cùng kinh doanh thủy sản và đã trở thành gánh nặng về tài chính, trong thời điểm lĩnh vực kinh doanh chính (lương thực) đang gặp khó khăn; nên phát sinh thêm lỗ trong năm 2013 và tiếp tục là gánh nặng cho các năm tiếp theo.
- Hệ số sử dụng năng lực kho chứa và năng lực sản xuất, chế biến đạt thấp (hệ số sử dụng kho 1,13 vòng/năm, xay xát lúa 18,75%, xát trắng và lau bóng gạo 45,54%, đầu trộn 6,42%), nên chi phí khấu hao tăng trên một đơn vị sản phẩm, khi hợp đồng đầu ra giảm.
- Công tác dự báo thị trường không sát, dẫn đến việc mua vào của những tháng cuối năm lớn, cụ thể: tồn kho lúa, gạo năm trước chuyển sang năm sau với số lượng lớn và giá cao, trong khi nhu cầu nhập khẩu và giá gạo xuất khẩu của những tháng đầu năm sau thường có xu hướng giảm, vì thế khi tiêu thụ số hàng tồn kho năm 2012 chuyển sang năm 2013 phát sinh lỗ - 48,913 tỷ đồng.
- Một số đơn vị trực thuộc bắt đầu bộc lộ thiếu năng động trong việc tìm kiếm thị trường, yếu kém trong quản lý và điều hành; trong khi yếu tố cơ hội về số lượng và hiệu quả từ hợp đồng tập trung không còn được như trước.

**Năm 2014**, Công ty mẹ hoạt động kinh doanh lỗ trước thuế là: - 873,332 tỷ đồng, trong đó: 11/15 đơn vị có kết quả kinh doanh lỗ là: - 876,174 tỷ đồng (đặc biệt 02 doanh nghiệp có nuôi trồng chế biến thủy sản lỗ là: -138,152 tỷ đồng, chiếm 15,82%/tổng số lỗ) và 4/15 đơn vị có kết quả kinh doanh lãi là: 4,362 tỷ đồng, điều chỉnh hợp nhất công ty mẹ: - 1,520 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ, chủ yếu do:

- Lỗ từ hoạt động kinh doanh:	- 391,394 tỷ đồng
<i>Trong đó: Lỗ trong lĩnh vực thủy sản:</i>	<i>-118,504 tỷ đồng</i>
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi làm phát sinh lỗ:	-256,644 tỷ đồng
- Trích lập dự phòng đầu tư tài chính làm phát sinh lỗ:	-198,942 tỷ đồng
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho làm phát sinh lỗ:	-36,451 tỷ đồng
- Thặng dư tài chính từ thoái vốn:	10,099 tỷ đồng
<b>Cộng:</b>	<b>- 873,332 tỷ đồng</b>

**Đánh giá nguyên nhân lỗ năm 2014****Khách quan:**

- Giá gạo trong nước biến động tăng cao, đặc biệt sau khi Việt Nam trúng thầu 800.000 tấn gạo Philippines; trong đó Tổng công ty là đầu mối tham gia đấu thầu và trúng thầu 600.000 tấn. Mặc dù vậy, để tránh phạt do vi phạm hợp đồng và giữ được thị trường truyền thống, Tổng công ty vẫn phải giao hàng đầy đủ và đúng tiến độ của hợp đồng. Riêng thực hiện hợp đồng này Tổng công ty lỗ -137,393 tỷ đồng, do phải thực hiện nghĩa vụ 213.828 tấn gạo 15% tằm của các đơn vị ngoài Tổng công ty được VFA phân bổ chỉ tiêu, nhưng không thực hiện, bỏ chỉ tiêu.
- Thị trường xuất khẩu gạo tiếp tục khó khăn, thị trường tập trung bước đầu có dấu hiệu khởi sắc nhưng chưa vững chắc.
- Khó khăn về nợ phải thu khó đòi từ năm 2013 chuyển qua bắt đầu bộc lộ, hệ lụy của đầu tư tài chính và đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy sản của những năm trước đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2014 và kéo dài cho những năm tiếp theo.

**Chủ quan:**

- Công tác dự báo thị trường và giá cả thiếu chính xác, nên có những thời điểm để lỗ cơ hội mua vào bán ra có tính quyết định đến hiệu quả kinh doanh.
- Chưa có được đột phá đối với thị trường thương mại và thị trường nội địa trong khi thị trường tập trung chưa có dấu hiệu lạc quan.
- Kết quả triển khai, thực hiện các giải pháp trong Phương án sản xuất kinh doanh và lành mạnh hóa tài chính chậm tiến độ so với mục tiêu đặt ra.
- Lãnh đạo các đơn vị vẫn chưa thích nghi với tình hình mới, khi thị trường tập trung bị giảm trên cả hai mặt (lượng và giá), yếu kém trong quản lý và điều hành của một số đơn vị trực thuộc chưa được chấn chỉnh, xử lý kịp thời.

**Quý 1 năm 2015**, Công ty mẹ hoạt động kinh doanh lỗ trước thuế là: - 79,312 tỷ đồng, trong đó: 14/15 đơn vị có kết quả kinh doanh lỗ là: - 98,182 tỷ đồng, đặc biệt 02 doanh nghiệp có



nuôi trồng chế biến thủy sản lỗ là: -16,189 tỷ đồng, chiếm 20,41%/tổng số lỗ và 1/15 đơn vị có kết quả kinh doanh lãi là: 108.590.778 đồng, điều chỉnh hợp nhất công ty mẹ: +18,761 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu do:

- Lỗ từ hoạt động kinh doanh:	- 34,072 tỷ đồng
<i>Trong đó: Lỗ trong lĩnh vực thủy sản:</i>	<i>- 12,200 tỷ đồng</i>
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi làm phát sinh lỗ:	0 tỷ đồng
- Trích lập dự phòng đầu tư tài chính làm phát sinh lỗ:	0 tỷ đồng
- Chưa hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho làm phát sinh lỗ:	-55,540 tỷ đồng
- Thặng dư tài chính từ thoái vốn:	10,300 tỷ đồng
<b>Cộng:</b>	<b>- 79,312 tỷ đồng</b>

(Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ năm Quý 1 năm 2015 lỗ là -83,439 tỷ đồng, lỗ tăng thêm chủ yếu cho các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 4,127 triệu đồng)

### **Đánh giá nguyên nhân lỗ trong Quý 1 năm 2015**

Khách quan:

- Thị trường trở lại trầm lắng cho đến quý 3 năm 2015 mới khởi sắc trở lại, nên hoạt động kinh doanh chủ yếu mua mới của Vụ Đông Xuân 2014 – 2015 và tập trung tiêu thụ hàng tồn kho năm 2014 chuyển sang.
- Tình hình tài chính của Tổng công ty đang đứng trước nguy cơ tiệt cận với giới hạn không lành mạnh, do kết quả kinh doanh năm 2014 tiếp tục lỗ, thêm vào đó hệ lụy về các thông tin không đầy đủ của các phương tiện thông tin về Tổng công ty sau Kết luận của Thanh tra Chính phủ. Chính vì thế một số ngân hàng thực hiện thắt chặt hạn mức tín dụng, nên hoạt động kinh doanh vốn đã khó khăn lại càng thêm khó khăn thêm. Nhưng sau khi Tổng công ty xúc tiến việc tiếp cận với các ngân hàng, trình bày công khai Phương án sản xuất kinh doanh và các giải pháp lành mạnh hoá tài chính, thông báo và giải thích rõ kết luận của Thanh tra Chính phủ, các ngân hàng mới nói lại hạn mức tín dụng bình thường.

Chủ quan:

- Mặc dù Tổng công ty đã nỗ lực gia tăng kiểm soát đối với các đơn vị trực thuộc, nhưng hiệu quả đạt được chưa như kỳ vọng, một số đơn vị trực thuộc vẫn chưa chặn được lỗ.
- Công tác kiểm tra, giám sát việc mua vào bán ra và quản lý sử dụng hạn mức tín dụng đối với các đơn vị phụ thuộc còn hạn chế.

**Nhận xét chung:**


Tổng công ty Lương thực miền Nam thực hiện chủ trương cổ phần hóa trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới nói chung và tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng đang trong giai đoạn cực kỳ khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực nông sản, thực phẩm. Đối với Tổng công ty Lương thực miền Nam, ngoài khó khăn chung, hoạt động kinh doanh đang trong thời kỳ sụt giảm, tình hình tài chính khó khăn do hệ lụy từ những năm trước thời điểm cổ phần hóa chuyển sang. Trước tình hình trên, Tổng công ty đã chủ động xây dựng Phương án cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và các giải pháp lành mạnh hóa tài chính với 9 giải pháp lớn, nhằm vượt qua khó khăn, từng bước cải thiện kết quả kinh doanh, lành mạnh tài chính.

Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Phương án 235/TCT-HĐTV ngày 10/11/2014 của Hội đồng thành viên, Tổng công ty đã có được kết quả bước đầu đáng khích lệ:

(1) Ngăn chặn được lỗ, từng bước có lãi trong hoạt động kinh doanh. Năm 2015 lãi trước thuế đạt 155,796 tỷ đồng (trong đó lãi từ hoạt động kinh doanh lương thực là 204,885 tỷ đồng), đến năm 2016 lãi trước thuế đạt 161,380 tỷ đồng. Lỗ lũy kế đến 31/12/2015 xuống còn -959,327 tỷ đồng và đến 31/12/2016 tiếp tục giảm xuống -798,479 tỷ đồng trong. Các chỉ số tài chính thoát dần tiệm cận mức an toàn về tài chính, cụ thể như sau:

- + Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015: 3.830,651 tỷ đồng, tăng 148,932 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2014. Tại ngày 31/12/2016: 3.999,415 tỷ đồng, tăng 168,764 tỷ đồng so với ngày 31/12/2015.
- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015 là: 1,55 lần, dưới mức mất an toàn (< 3), giảm 0,72 lần so với thời điểm 31/12/2014. Tại ngày 31/12/2016 là 0,97 lần tiếp tục giảm 0,58 lần so với thời điểm 31/12/2015.
- + Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn tại 31/12/2015 là: 1,12 lần, trên mức đảm bảo nợ, tăng mức đảm bảo nợ 0,15 lần so với thời điểm 31/12/2014. Tại thời điểm 31/12/2016 là 1,29 lần, tăng mức đảm bảo nợ 0,17 lần so với thời điểm 31/12/2015.
- + Vốn lưu động của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 là: 619,569 tỷ đồng, tăng 849,747 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2014. Tại thời điểm 31/12/2016 là 916,018 tỷ đồng, tăng 296,449 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2015.

(2) Duy trì được vai trò chủ lực trong việc tiêu thụ lúa, gạo hàng hóa cho nông dân, bình ổn thị trường lương thực trong nước và làm tốt vai trò đầu mối xuất khẩu gạo của Việt Nam.

** Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty giai đoạn 2013 – 2015:**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,12	0,97	1,12



- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,52	0,49	0,69
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,03	69,44	60,76
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	127,46	227,25	154,91
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	5,26	4,49	5,87
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,66	1,57	1,60
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	-	-	0,87
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	-	3,55
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-	-	1,39
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 và 2015 đã kiểm toán của Tổng Công ty, VCBS tổng hợp

## 9.6. Năng lực sản xuất chế biến và khả năng cung ứng

### a. Năng lực kho chứa

**Bảng 13: Tích lượng kho phân chia theo đơn vị**

STT	Tên đơn vị	Tích lượng kho (tấn)
<b>I. Khối Công ty trực thuộc:</b>		<b>844.001</b>
1	Công ty Lương thực thực phẩm An Giang	97.200
2	Công ty Lương thực Bạc Liêu	49.000
3	Công ty Lương thực Bến Tre	16.581
4	Công ty Lương thực Đồng Tháp	142.652
5	Công ty Lương thực Long An	158.057





6	Công ty Lương thực Sóc Trăng	33.532
7	Công ty Lương thực Sông Hậu	56.557
8	Công ty Lương thực Tiền Giang	101.800
9	Công ty NSTP Tiền Giang	32.000
10	Công ty Lương thực Trà Vinh	59.322
11	Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam - Chi nhánh Thốt Nốt	45.000
12	Công ty Lương thực Vĩnh Long	52.300
<b>II. Khối Công ty cổ phần chi phối</b>		<b>426.836</b>
1	Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh	127.090
2	Công ty cổ phần XNK Kiên Giang	142.846
3	Công ty cổ phần Sài Gòn Lương thực	29.000
4	Công ty cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	8.000
5	Công ty cổ phần XNK Nông sản thực phẩm Cà Mau	24.000
6	Công ty cổ phần Lương thực Bình Định	33.200
7	Công ty cổ phần XLCK & LT Thực phẩm	25.000
8	Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	37.700
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.270.873</b>

Sau nhiều năm đầu tư mới, cải tạo hệ thống kho cũ và thực hiện chương trình một triệu tấn kho theo chỉ đạo của Chính phủ từ năm 2009. Tổng công ty Lương thực miền Nam đã có hệ thống kho chứa lương thực tương đối hoàn chỉnh, phân bố tại hầu hết các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long để thu mua tồn trữ, chế biến gạo phục vụ xuất khẩu, tham gia bình ổn thị trường và đảm bảo an ninh lương thực cho quốc gia, tích lượng kho chứa đến 31/12/2016, cụ thể như sau:

**Năng lực kho chứa: (Đến 31/12/2016)**

- Khối mẹ: 844.001 tấn
- Công ty cổ phần chi phối: 426.836 tấn

- Tổng cộng: 1.270.873 tấn

Hệ thống kho lương thực của Tổng công ty Lương thực miền Nam đã giải quyết cơ bản tình trạng thiếu kho lương thực như những năm trước đây, hệ thống kho này đã bố trí các dây chuyền chế biến gạo, hệ thống băng tải xuất nhập hàng thay thế gần như hoàn toàn lực lượng bốc xếp trước đây, hệ thống trộn gạo, hệ thống sấy lúa đầu tư cùng với việc xây dựng kho. Sự đồng bộ này đã giúp cho các đơn vị tăng cường được sức mua, tăng năng suất xuất hàng, chủ động trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với hệ thống kho lớn nếu Tổng công ty không sử dụng đúng công suất của nó thì sẽ là một sự lãng phí rất lớn.

### **Hệ số sử dụng kho:**

Hiệu quả sử dụng kho thể hiện ở hệ số sử dụng kho, hệ số càng cao chứng tỏ sản lượng hàng hóa qua kho nhiều, hệ số quay vòng kho tùy thuộc vào từng năm và sản lượng xuất hàng của các đơn vị.

- Năm 2009: 2,46 vòng/năm
- Năm 2010: 2,34 vòng/năm
- Năm 2011: 1,76 vòng/năm
- Năm 2012: 2,03 vòng/năm
- Năm 2013: 1,78 vòng/năm
- Năm 2014 : 1,59 vòng/năm
- Năm 2015: 1,30 vòng/năm
- Năm 2016: 1,02 vòng/năm

### **b. Máy móc thiết bị**

Tổng công ty Lương thực miền Nam đã nâng cấp, cải tạo các dây chuyền cũ, lạc hậu về công nghệ, đầu tư mới dây chuyền chế biến gạo có năng suất cao, đồng bộ, cơ giới hóa hầu hết các khâu bốc xếp, năng lực chế biến hiện có của Tổng công ty Lương thực miền Nam đến 31/12/2016 là 436 dây chuyền sản xuất, cụ thể như sau:

**Bảng 14: Năng lực máy móc chế biến lương thực**

Stt	Tên dây chuyền	Số lượng dây chuyền	Năng suất
<b>I</b>	<b>Công ty Mẹ</b>	<b>291</b>	
1	Dây chuyền xay lúa	23	200 tấn lúa/giờ
2	Dây chuyền xay – xát lau bóng	3	33 tấn lúa/giờ
3	Dây chuyền xát trắng lau bóng	89	720 tấn gạo nguyên liệu/giờ
4	Máy tách màu	49	327 tấn/giờ
5	Dây chuyền trộn gạo	44	2.015 tấn thành phẩm/giờ
6	Dây chuyền sấy lúa (sấy tháp)	17	2.464 tấn lúa/ngày
7	Dây chuyền sấy lúa (sấy vĩ ngang)	52	1.692 tấn/ngày
8	Dây chuyền sấy cám	14	96 tấn/giờ
<b>II</b>	<b>Công ty cổ phần chi phối</b>	<b>145</b>	
1	Dây chuyền xay lúa	7	80 tấn lúa/giờ
2	Dây chuyền xay – xát lau bóng	4	35 tấn lúa/giờ
3	Dây chuyền xát trắng lau bóng	55	396 tấn gạo nguyên liệu/giờ
4	Máy tách màu	18	116 tấn/giờ
5	Dây chuyền trộn gạo	25	1.310 tấn thành phẩm/giờ
6	Dây chuyền sấy lúa (sấy tháp)	3	280 tấn lúa/ngày
7	Dây chuyền sấy lúa (sấy vĩ ngang)	31	1.005 tấn lúa/ngày
8	Dây chuyền sấy cám	2	11 tấn/giờ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>436</b>	
1	Dây chuyền xay lúa	30	280 tấn lúa/giờ
2	Dây chuyền xay – xát lau bóng	7	68 tấn lúa/giờ
3	Dây chuyền xát trắng lau bóng	144	1.116 tấn gạo nguyên liệu/giờ



4	Máy tách màu	67	443 tấn/giờ
5	Dây chuyền trộn gạo	69	3.325 tấn thành phẩm/giờ
6	Dây chuyền sấy lúa (sấy tháp)	20	2.744 tấn lúa/ngày
7	Dây chuyền sấy lúa (sấy vĩ ngang)	83	2.697 tấn lúa/ngày
8	Dây chuyền sấy cám	16	107 tấn/giờ

Hiện nay các dây chuyền chế biến gạo có năng suất thấp dần dần được cải tạo, nâng cấp thành các dây chuyền hoàn chỉnh. Tổng công ty Lương thực miền Nam đang tập trung lắp đặt dây chuyền bóc vỏ và xát trắng đánh bóng, không lắp đặt dây chuyền đánh bóng thuần túy như trước đây. Với số lượng các dây chuyền như trên Tổng công ty có thể sản xuất hàng năm khoảng 4 triệu tấn gạo nguyên liệu/năm.

Các dây chuyền đầu tư sau này hầu hết đều lắp đặt máy tách màu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đến nay đã lắp đặt 67 máy tách màu, đạt năng suất 443 tấn/giờ, các thùng chứa nguyên liệu và thành phẩm được đầu tư với tích lượng lớn, đạt năng suất trộn gạo 3.325 tấn/giờ, chủ động trong khâu sản xuất tránh bị ảnh hưởng lực lượng bốc xếp nhập học hoặc xuất hàng. Hệ thống dây chuyền đấu trộn hàng được đầu tư có năng suất lớn, làm tăng năng suất xuất hàng, sản phẩm đồng đều, ngoài ra đầu tư theo hệ thống trộn hàng là đầu tư hệ thống cân điện tử, chính xác trong quá trình đóng hàng, hạn chế hao hụt trong quá trình xuất hàng.

Tổng công ty Lương thực miền Nam đã đầu tư hệ thống sấy lúa tại các cơ sở của các Công ty thành viên, đến nay đã đầu tư 20 dây chuyền sấy tháp và 83 dây chuyền sấy vĩ ngang, đạt năng suất sấy tổng cộng 5.441 tấn/ngày, giúp cho công tác tồn trữ được lâu dài, nâng cao chất lượng sản phẩm.



Một số hình ảnh về kho chứa, dây chuyền xay lúa, Dây chuyền xay – xát lau bóng, Dây chuyền xát trắng lau bóng

Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị:

	Xay	Xát – lau bóng
- Năm 2009:	10,23 %	58,58%
- Năm 2010:	10,50%	54,31%
- Năm 2011:	4,89%	36,22%
- Năm 2012:	5,86%	45,34%
- Năm 2013:	7,35%	36,65%
- Năm 2014:	6,40%	32,29%
- Năm 2015:	6,30%	32,48%
- Năm 2016:	5,31%	29,56%.

Đánh giá tình hình quản lý khai thác sử dụng kho chứa về thiết bị:

Hệ số sử dụng kho nói trên cho thấy hiệu suất sử dụng máy móc hơi thấp, do thời vụ xuống giống tập trung và thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp tập trung, nên thời gian thu mua ngắn ảnh hưởng đến số vòng quay, Tổng công ty Lương thực miền Nam đang tìm biện

pháp nâng cao hệ số vòng quay kho để nâng cao hiệu quả sử dụng kho. Năm 2010 và năm 2011 có hệ số sử dụng kho thấp là do trong thời kỳ này các kho có các dây chuyền cũ lạc hậu đã tháo dỡ cải tạo nâng cấp.

Năm 2013 hệ số sử dụng kho thấp hơn 2012 là do trong năm 2013 chương trình 1 triệu tấn kho đã đưa vào hoạt động một số kho có tích lượng lớn, nâng tích lượng kho trong toàn Tổng công ty Lương thực miền Nam tăng lên, trong khi đó lượng hàng qua kho không tăng lên tương ứng làm cho hệ số sử dụng kho giảm.

Tình hình kinh doanh xuất khẩu lương thực trong những năm gần đây kể từ năm 2012 đến nay ngày càng khó khăn, sản lượng sản xuất kinh doanh ngày càng giảm dần cũng đã dẫn đến hệ số sử dụng kho thấp và hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị thấp.

Năm 2014 và 2015 và 2016, sản lượng gạo xuất khẩu giảm so với năm 2013 dẫn đến lượng hàng hóa qua kho giảm; đây được xem là hệ số thấp nhất trong 10 năm qua.

Hiện nay, một số đơn vị của Tổng công ty đã thay đổi chiến lược kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng gạo chất lượng cao, gạo đặc sản và nguồn nguyên liệu loại gạo này có nhiều trong vụ Đông xuân, nên các đơn vị thường thu mua dự trữ sử dụng trong cả năm. Vì vậy, thời gian lưu kho kéo dài làm chậm vòng quay của kho.

### **c. Chế biến thực phẩm:**

Hiện tại nhà máy bột mì Bình Đông với Dàn A: 200 tấn/ngày, Dàn B: 150 tấn/ngày, Dàn C: 150 tấn/ngày, Dàn D: 180 tấn/ngày, Dàn V: 240 tấn/ngày. Công ty Bột mì Bình Đông chỉ đưa dàn ABCD vào sản xuất, dàn V ngưng hoạt động do không có phụ tùng thay thế và đã quá lạc hậu, tiêu hao năng lượng cao, tỷ lệ thu hồi không cao như các dàn máy khác. Do Nhà máy Bột mì Bình Đông hiện nằm trong quy hoạch của TP. Hồ Chí Minh nên Tổng công ty Lương thực miền Nam dự kiến di dời nhà máy Bột mì Bình Đông đến khu Công nghiệp Tân Kim thuộc Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.



Một số hình ảnh chế biến thực phẩm, bao bì, bánh trắng...

**d. Năng lực về chế biến, nuôi trồng thủy sản**
**Bảng 15: Năng lực về chế biến, nuôi trồng thủy sản**

	VÙNG NUÔI		
	Tên vùng nuôi	Tổng diện tích đất (ha)	Tổng diện tích mặt nước ao nuôi (ha)
<b>A.</b>	<b>CÔNG TY MỆ</b>	22,39	17,35
1	Công ty NSTP Tiền Giang	15,99	11,75
	<i>Vùng nuôi Cồn Đông Giang</i>	<i>15,99</i>	<i>11,75</i>
2	Công ty NSTP Trà Vinh	6,40	5,60
	<i>Vùng nuôi Khém (vùng nuôi liên doanh 67% với Cty CP Thiên Nhiên)</i>	<i>6,40</i>	<i>5,60</i>
<b>B.</b>	<b>CÔNG TY CON</b>	60,06	31,10
1	Công ty cổ phần Tô Châu	60,06	31,1
1.1	<i>Vùng nuôi Tân Thạnh</i>	<i>31,64</i>	<i>17,84</i>
1.2	<i>Vùng nuôi Tân Bình</i>	<i>28,42</i>	<i>13,26</i>
<b>Tổng cộng</b>		<b>82,45</b>	<b>48,45</b>

**Bảng 16: Năng lực về chế biến, sản xuất thức ăn thủy sản**

I	NHÀ MÁY THỨC ĂN THỦY SẢN		
	Tên công ty	Tên nhà máy	Công suất thiết kế (tấn sp/năm)
<b>A</b>	<b>CÔNG TY MỆ</b>		<b>212.800</b>
1	Công ty Lương thực thực phẩm An Giang	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản ANFOODCO	32.000
2	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vàm Trà Vinh	28.800
3	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản TIGIFACO	120.000
4	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Xí nghiệp thủy sản Sông Tiền	32.000
<b>B</b>	<b>CÔNG TY CON</b>		<b>32.000</b>
	Công ty cổ phần Tô Châu	Xí nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Tô châu	32.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>244.800</b>
<b>II</b>	<b>NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN (cá tra)</b>		

	Tên công ty	Tên nhà máy	CS thiết kế (tấn sp/năm)
<b>A.</b>	<b>CÔNG TY MẸ</b>		<b>22.000</b>
1	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	Nhà máy chế biến và bảo quản thủy sản, thực phẩm	12.000
2	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Nhà máy chế biến thủy sản Cầu Quan	10.000
<b>B.</b>	<b>CÔNG TY CON</b>		<b>12.000</b>
	Công ty cổ phần Tô Châu	Xí nghiệp Thủy sản Sông Tiền	12.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>34.000</b>
<b>PHÂN XƯỞNG CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM (cá tra)</b>			
<b>III</b>	Tên công ty	Tên nhà máy	CS thiết kế (tấn sp/năm)
	<b>CÔNG TY MẸ</b>		<b>8.400</b>
	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Xí nghiệp chế biến phụ phẩm Cầu Quan	8.400
<b>Tổng cộng</b>			<b>8.400</b>
<b>NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN KHÁC</b>			
<b>IV</b>	Tên công ty	Tên nhà máy	CS thiết kế (tấn sp/năm)
	<b>CÔNG TY CON</b>		<b>3.900</b>
1	Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang	Xí nghiệp chế biến cá cơm Hòn Chông	400
2	Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Xí nghiệp chế biến hàng XK Tân Thành (tôm)	3.500
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.900</b>

Giai đoạn 2012-2013, ngành cá tra đối mặt với nhiều thử thách, chứng kiến sự thoái trào và sụp đổ của hàng loạt các Công ty chế biến cá tra tên tuổi của khu vực ĐBSCL, trong đó có Bianfisco, An Khang, Thủy sản Nông trường Sông Hậu (thành phố Cần Thơ), Phương Nam (tỉnh Sóc Trăng), QVD, Á Châu, Docimexco (tỉnh Đồng Tháp),... Tác động này đã tạo nên một hiệu ứng dây chuyền gây ảnh hưởng tiêu cực trong toàn lĩnh vực thủy sản.

Những diễn biến phức tạp của nền kinh tế toàn cầu như khủng hoảng nợ của EU, mối đe dọa suy thoái kép của Mỹ, bất ổn chính trị tại các nước Trung Đông và một số quốc gia khác... luôn trong tình trạng căng thẳng khiến cho kinh tế thế giới nói chung chao đảo và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam nói riêng chịu nhiều rủi ro và bế tắc. Do đó nhu cầu tiêu thụ thủy sản trong những năm qua liên tục bị giảm và quy mô thị trường xuất khẩu bị thu hẹp. Không dừng lại ở đó, cá tra luôn là đối tượng được quan tâm của nhiều tổ chức trên thế giới,



và buộc phải tuân thủ những tiêu chuẩn hoặc quy tắc quản lý chất lượng: HACCP, BRC, SQF, HALA, Global Gap, ASC... Chính vì lẽ đó các nhà nuôi trồng và xuất khẩu cá tra phải gánh chịu rất nhiều chi phí liên quan.

Mặt khác vì sự cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cá tra là hạ giá bán liên tục rồi giảm chất lượng sản phẩm trong đó có biện pháp tăng trọng sản phẩm cá tra fillet bằng cách ngâm hóa chất tăng trọng đã làm cho người tiêu thụ ở các nước phải đối phó bằng cách chuyển sang chỉ tiêu thụ sản phẩm chế biến từ cá tra có trọng lượng bình quân từ 600 gram - 800 gram/con thay vì 1.000 gram/con để hạn chế việc ngâm thuốc tăng trọng và chính vấn đề này ảnh hưởng đến hiệu quả nuôi cá của các đơn vị nuôi trồng...

Trong những năm qua, các đơn vị thủy sản trực thuộc Tổng công ty, mặc dù đã có những nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình bằng những nỗ lực tích cực. Tuy nhiên, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm 2012-2013, các Công ty thủy sản lại có kết quả không đạt như định hướng ban đầu:

- Giá thành nuôi cá của các Công ty còn cao và khả năng chưa thể khắc phục ngay trong năm 2014 (vì điểm yếu nhất là chưa chủ động tự cung cấp cũng như kiểm soát tốt được khâu con giống đầu vào của các vùng nuôi).
- Giá thành sản xuất chế biến cá fillet xuất khẩu của các nhà máy thuộc Tổng công ty còn cao hơn nhiều so với thị trường, cho nên khả năng cạnh tranh chưa cao do những nguyên nhân sau:
  - Do mới đầu tư hoàn thành đưa vào hoạt động, nên phải chịu thua thiệt so với các đơn vị cũ đã hoạt động trước. Vì mới hoạt động nên phải chịu các chi phí cao như chi phí huấn luyện công nhân, tỷ lệ thu hồi thành phẩm thấp do công nhân mới được đào tạo, chi phí khấu hao tài sản cố định cao, phải mất thời gian sản xuất và khẳng định chất lượng để đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia rồi sau đó mới đạt được tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được xuất khẩu vào châu Âu (Code EU), HACCP (vào Hoa Kỳ),...
  - Hơn thế nữa do hoạt động sản xuất không đạt mức công suất thiết kế nên sản lượng nhỏ vì vậy giá thành sản phẩm cao (chịu định phí cao). Từ những vấn đề trên, doanh thu không đủ bù đắp các phí tổn và chi phí ngắn hạn khác trong khi hàng tháng phải gánh chịu các khoản chi phí cố định lớn như: chi phí tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tài chính...
- Các nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản thuộc Tổng công ty có sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn thủy sản còn thấp không đạt kế hoạch, hơn thế nữa giá cả nguyên liệu sản xuất như bã đậu nành, bột xương thịt (50P), cám...khá cao dẫn đến giá thành cao, đẩy giá bán lên cao nên ít có tính cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường.

Chính vì vậy, việc tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ không làm thay đổi tình hình đầy bế tắc của các Công ty thủy sản trực thuộc Tổng công ty.

Do đó, ngày 22/5/2014, HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam đã có văn bản số 123/TCT-HĐTV, về chủ trương tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản, dừng hoạt động các tài sản thủy sản để giảm lỗ, thực hiện bảo trì thiết bị, gia công theo từng đơn hàng.

Hiện nay Tổng công ty đang có kế hoạch khôi phục lại ngành thủy sản tại một số đơn vị trực thuộc.

## **9.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Các Công ty thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam đã tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO (ISO 2000-2005; ISO 9001-2000), HACCP đối với các sản phẩm như gạo, bột mì, thực phẩm chế biến, nước khoáng.

## **9.8. Hoạt động bán hàng và marketing**

### **a. Đánh giá thị trường và sản phẩm:**

#### **Đối với thị trường gạo xuất khẩu:**

Giai đoạn 2010 - 2014, lượng gạo bình quân bán ra của Tổng công ty đạt 2,88 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 1,32 tỷ USD. Trong giai đoạn này, thị trường xuất khẩu chính của Tổng công ty Lương thực miền Nam là các nước Châu Á (85,38%), Châu Phi (12,25%), Châu Mỹ (1,27%), Châu Úc (0,02%), Châu Âu (1,02%), Trung Đông (0,06%).

Năm 2014, Tổng công ty Lương thực miền Nam xuất khẩu đạt 2,3 triệu tấn gạo/năm, thị trường chính xuất khẩu gạo của Tổng công ty là các nước Châu Á (87,39%), Châu Phi (11,40%), Châu Mỹ (0,97%), Châu Úc (0,02%), Châu Âu (0,2%), Trung Đông (0,02%).

- Thị trường gạo tập trung của Tổng công ty Lương thực miền Nam chủ yếu là thị trường của các nước Philippines, Malaysia, Indonesia..., chiếm tỷ lệ khoảng 64,72% trên tổng sản lượng xuất khẩu gạo của Tổng công ty.
- Thị trường gạo thương mại của Tổng công ty Lương thực miền Nam là thị trường các nước Châu Á: Hong Kong, Trung Quốc,...; Châu Mỹ: Hoa kỳ,...; các nước Châu Âu và các nước Châu Phi.

Trong cơ cấu sản phẩm gạo xuất khẩu của Tổng công ty năm 2014, cụ thể như sau:

- Nhóm sản phẩm cao cấp chiếm tỉ lệ 15,20% về lượng, về giá trị kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ lệ 20,90%.
- Nhóm sản phẩm cấp trung bình và cấp thấp chiếm 84,80% về lượng, về giá trị kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ lệ 79,1%.
- Tổng sản lượng xuất khẩu gạo thơm cao cấp năm 2014 là 336.365,45 tấn, trong đó Châu Phi chiếm tỷ lệ 55,45% đạt 186.501,45 với đơn giá 561,84 USD/tấn.

Trong năm 2015, Tổng công ty Lương thực miền Nam xuất khẩu đạt khoảng 2,057 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 786.857.439 USD. Trong đó, lượng gạo Jasmine xuất khẩu chiếm khoảng 19,04% trên tổng lượng xuất khẩu. Thị trường chính xuất khẩu gạo của Tổng công ty là các nước Châu Á (84,69%), Châu Phi (13,67%), Châu Mỹ (0,94%), Châu Úc (0,06%), Châu Âu (0,61%), Trung Đông (0,03%).

**Nhận xét và đánh giá:**

- Tổng công ty Lương thực miền Nam cần có các chiến lược cụ thể để giữ vững thị trường các nước Châu Á, nhất là thị trường tập trung, bên cạnh đó cũng phải tìm mọi giải pháp để mở rộng xuất khẩu gạo cao cấp vào thị trường các nước Châu Phi.
- Tổng công ty Lương thực miền Nam tập trung để đổi mới cách tiếp cận thị trường ngành lương thực từ chủ yếu dựa vào hợp đồng tập trung chuyển sang tăng dần tỷ trọng hợp đồng thương mại, từ tiếp cận hạt gạo – gắn thị trường gạo thường sang tiếp cận hạt lúa để xâm nhập phân khúc thị trường gạo cao cấp, gạo đặc sản, tiến tới xây dựng thương hiệu với giải pháp là lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch trong việc triển khai mô hình liên kết cánh đồng lớn trong sản xuất lúa gạo theo khung chính sách Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013, Quyết định số 68 ngày 14/11/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Qua đó, đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ và phân khúc khách hàng cao cấp của các nước Châu Á, Châu Phi, Châu Úc và Trung Đông.

**🌈 Đối với thị trường ngành hàng Lương thực thực phẩm chế biến:**

Thị trường Lương thực thực phẩm chế biến của Tổng công ty Lương thực miền Nam chủ yếu là thị trường nội địa (Công ty cổ phần LTTP Safoco trong năm 2014: chiếm tỷ lệ 84,3% trên tổng sản lượng bán ra tăng 2,5% so với năm 2013; Công ty cổ phần LTTP Colusa – Miliket trong năm 2014: chiếm tỷ lệ 94,5% trên tổng sản lượng bán ra). Thị trường xuất khẩu có tỷ lệ tăng trưởng qua các năm (Safoco: chiếm tỷ lệ 15,7% trên tổng sản lượng bán ra, tăng 1,6 lần so với năm 2013; Colusa – Miliket: chiếm tỷ lệ 5,5% trên tổng sản lượng bán ra, đạt mức 878 tấn, tăng 13,43% so với năm 2013).

Từ đầu năm 2016 đến nay, tuy khó khăn về nhiều mặt làm ảnh hưởng đến sản lượng bán ra như: diễn biến thất thường về thời tiết, cạnh tranh bởi các nhãn hàng riêng của những siêu thị lớn như Big C, Coopmart, Metro... và các doanh nghiệp lớn cũng như những thay đổi về chính sách như Hiệp định thương mại hàng hóa tự do ASEAN, phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc, những thay đổi về chính sách của nhà nước như bãi bỏ khống chế mức trần quảng cáo, tăng khung phạt xe vượt tải trọng v.v... nhưng Công ty SAFOCO đã nỗ lực kinh doanh đạt hiệu quả cao, kết quả lãi 33,913 tỷ đồng, vượt gần 10% so cùng kỳ. Ngoài ra, Công ty Colusa Miliket năm qua cũng đã kinh doanh mặt hàng mì gói, bún và các sản phẩm khác rất hiệu quả doanh số đạt trên 400 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 40 tỷ đồng.

**Nhận xét và đánh giá:**

- Tổng công ty cần có những bước đi cụ thể để phát huy hơn nữa thế mạnh của ngành hàng lương thực, thực phẩm chế biến, nhất là về mức độ đảm bảo an toàn thực phẩm, tận dụng vị thế thương hiệu mạnh để ngày càng nâng cao số lượng và uy tín của ngành hàng này.
- Cần thực hiện đồng bộ các chiến lược để tiếp tục giữ vững và gia tăng thị phần trong nước, đây là yếu tố chủ lực đối với ngành hàng Lương thực thực phẩm chế biến.
- Cải tiến chất lượng để tăng dần tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng Lương thực thực phẩm chế biến đến thị trường các nước Châu Âu, Châu Á...

**b. Công tác quảng bá thương hiệu và định vị sản phẩm**

Doanh số bán hàng từ các hợp đồng xuất khẩu thương mại của Tổng công ty còn thấp, sản phẩm gạo đóng gói túi lẻ mang thương hiệu của hệ thống Tổng công ty chưa nhiều. Điều này có thể xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Tổng công ty còn phụ thuộc rất nhiều vào các thị trường gạo tập trung như Philippines, Malaysia, Indonesia... Các thị trường này chủ yếu quan tâm đến sản phẩm gạo trắng, chất lượng trung bình và giá cả ở mức thấp.
- Sản phẩm gạo của Tổng công ty có chất lượng không đồng nhất qua mỗi lô sản phẩm, qua mỗi thời vụ canh tác về các chỉ tiêu: độ thuần giống, thiếu ổn định các chỉ tiêu cảm quan của hạt gạo, chưa kiểm soát tốt dư lượng thuốc BVTV... Điều này có một phần xuất phát từ hình thức kinh doanh cũ, là tiếp cận từ hạt gạo thay vì cách tiếp cận mới hiện nay là từ hạt lúa thông qua chương trình cánh đồng lớn, kiểm soát từ hạt giống cho đến khâu đóng gói cuối cùng của sản phẩm, từ đó tạo ra được sản phẩm có chất lượng cao, đồng đều và thuần về giống.
- Đối với hợp đồng thương mại thì có một lượng khá lớn sản phẩm gạo được bán cho các nhà nhập khẩu trung gian nên sản phẩm thường được đóng gói mang thương hiệu của các nhà nhập khẩu.
- Chưa quan tâm nhiều đến việc đầu tư xây dựng kênh phân phối (nhà phân phối, đại lý ..) để bán sản phẩm mang thương hiệu của Tổng công ty Lương thực miền Nam đến tận tay người tiêu dùng. Khi người tiêu dùng biết đến thương hiệu của Tổng công ty, tin tưởng vào thương hiệu và sản phẩm gạo thì quyền lực của người tiêu dùng sẽ hỗ trợ ngược lại cho thương hiệu gạo của Tổng công ty phát triển.
- Còn hạn chế tham gia các chương trình quảng bá, xúc tiến thương mại, quan hệ cộng đồng, quảng cáo nhãn hiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông. Chưa tận dụng hết các lợi thế được hỗ trợ xây dựng thương hiệu gạo quốc gia của Chính phủ.
- Ở nước ta, chưa có một diễn đàn gạo nào, hay chưa có một chương trình nào để có thể quảng bá sản phẩm của Tổng công ty nói riêng và Việt Nam nói chung đến các đối tác tiềm năng từ Trung Quốc, Nigeria, Irac, Nam Phi và Mỹ v.v...

- Về định vị thương hiệu có thể nói từ những năm trước đây VINAFOOD II chưa quan tâm đúng mức đến những hợp đồng thương mại. Trước đây thế mạnh của gạo Việt Nam là xuất khẩu gạo cấp thấp với giá rẻ, nhưng hiện giờ tình thế đã thay đổi khi mà những nước như Ấn Độ, Pakistan cùng các đối thủ mới nổi Myanmar, Campuchia, và các nước nhập khẩu lớn của Đông Nam Á cũng đang có và thực thi những chính sách quyết đoán về tự túc lương thực và cũng đã có những kết quả nhất định.
- Về hoạt động phân tích khách hàng và thị trường: Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam hay ngay cả các cơ quan của chính phủ chưa có một nghiên cứu nào giúp xác định nhu cầu của khách hàng, thị trường mà công ty đang hợp tác.

### 9.9. Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)

Tổng công ty chưa có phòng ban chịu trách nhiệm về hoạt động nghiên cứu và phát triển, đây là một điểm yếu của Tổng công ty. Trong tương lai, định hướng phát triển xây dựng bộ phận Nghiên cứu và Phát triển hay bộ phận Khoa học Công nghệ. Từ đó, mới tạo ra được các sản phẩm mang đặc trưng riêng, đa dạng hóa sản phẩm từ lúa, gạo. Bên cạnh đó, Tổng công ty chưa hoàn thiện được hệ thống phòng thí nghiệm để quản lý chất lượng và cho nấu thử tại văn phòng Tổng công ty cũng như tại các đơn vị thành viên.

### 9.10. Nhãn hiệu thương mại



### 9.11. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty đóng theo đúng quy định của pháp luật. Công ty thực hiện việc trích – nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp... đầy đủ theo luật định.

### 9.12. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (USD)		
		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	NFA-Philippines	317.098.250	357.700.000	424.473.000
2	Bulog - Indonesia	-	113.237.500	396.250.000
3	Bernas - Malaysia	48.920.000	92.680.000	47.640.000

### 9.13. Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa

Tổng hợp một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn 2013 – 2016 như sau:

**Bảng 17: Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013 – 2016**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng tài sản	10.282.026	12.047.564	9.764.362	7.885.449
2	Vốn chủ sở hữu	4.520.226	3.681.719	3.830.651	3.999.415
3	Nợ ngắn hạn	5.033.689	7.692.182	5.225.258	3.211.104
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
4	Nợ dài hạn	728.112	673.663	708.453	674.930
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
6	Nợ phải trả	5.761.801	8.365.845	5.933.711	3.886.033
	<i>Trong đó: Nợ khó đòi</i>	-	-	-	-
7	Tổng số lao động (người)	4.253	3.773	2.850	2.598
8	Tổng quỹ lương	201.354	201.354	197.714	185.632
9	Thu nhập bình quân (1.000 đ/người/tháng)	3.945	4.447	5.481	5.954
10	Doanh thu thuần	17.030.741	18.861.620	15.651.813	9.951.409
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-464.749	-875.587	-35.883	141.951
12	Lợi nhuận sau thuế	-229.580	-873.780	136.032 <sup>(*)</sup>	156.523
13	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	-5,08%	-23,73%	3,55%	3,91%

Nguồn: VINAFOOD II

(<sup>\*</sup>): Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, 2016 của Tổng công ty được phản ánh trên cơ sở chưa tính đến các khoản phải trích lập dự phòng.

### 10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Gần 40 năm thành lập và phát triển, Tổng công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:
- Tổng công ty Lương thực miền Nam được trao Cờ chính phủ qua các năm 1992, 1995, 1996, 1997, 1998, 2006, 2007.
  - o Huân Chương Lao Động hạng III năm 1990 và Huân Chương Lao Động hạng I năm 1994.

- Huân Chương Độc Lập hạng II, III.
- Cờ Thi Đua Bộ năm 1992.
- Bằng khen Bộ Thương Mại năm 2001, 2003.
- Bằng khen Chủ tịch phòng Thương Mại và Công Nghệ Việt Nam (0526/PTM-TĐKT ngày 21/3/2005).
- Giải thưởng Doanh nghiệp hàng đầu trong xuất khẩu gạo (thời báo kinh tế Việt Nam).
- Bằng khen Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội (968/QĐ-BLĐTBXH, ngày 9/7/2007) và chứng nhận Doanh nghiệp có kim ngạch XNK xuất sắc (Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Báo Thương mại).
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2007 của Bộ Công thương (QĐ số 1245/QĐ-BCT, 29/2/2008).
- Cờ Chính phủ (Khởi thi đua).
- Từ năm 1995 đến nay, Tổng công ty Lương thực miền Nam đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1999), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2008). Nhiều năm được tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ NN-PTNT, Bằng khen của Bộ Thương mại...; được Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng Giải thưởng Doanh nghiệp hàng đầu trong xuất khẩu gạo năm 2006; được Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Báo Thương mại cấp Chứng nhận Doanh nghiệp có kim ngạch XNK xuất sắc năm 2007. Liên tục từ năm 2007 – 2013 được Bộ Công thương công nhận là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.
- Tổng công ty đã có 02 tập thể và 04 cá nhân được phong tặng Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới. Từ năm 1995 đến nay đã có 22 cá nhân được phong tặng Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
  - Các đơn vị thành viên của Tổng công ty từ năm 1995 -2014 đã được nhà nước tặng thưởng:
    - 03 Huân chương độc lập hạng Ba
    - 05 Huân chương lao động hạng Nhất
    - 39 Huân chương lao động hạng Nhì
    - 243 Huân chương lao động hạng Ba cho các tập thể và cá nhân

## **11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá:**

### **11.1. Mục tiêu, định hướng và tầm nhìn chiến lược**

#### **Mục tiêu**

- Xây dựng Tổng công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.



### **Định hướng**

- Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường.
- Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp.
- Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận.
- Xây dựng các vùng nguyên liệu lớn theo mô hình liên kết sản xuất Cánh đồng lớn để có nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao nhằm đáp ứng những thị trường thương mại khó tính. Tăng sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo thơm, gạo hữu cơ cho nội địa và xuất khẩu. Đa dạng hóa sản phẩm từ lúa gạo – tận dụng phụ phẩm từ lúa gạo; tìm kiếm nhiều thị trường xuất khẩu, nâng cao dần tỷ lệ xuất khẩu các hợp đồng thương mại, nâng cao giá trị hạt gạo.
- Tối ưu hóa trong logistic từ quá trình cung ứng nguyên liệu đầu vào (mô hình liên kết sản xuất Cánh đồng lớn) đến quá trình cung cấp sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhằm mục đích rút ngắn thời gian, giảm chi phí, đáp ứng nhu cầu thị trường tốt nhất, gia tăng giá trị cho khách hàng, qua đó tối đa hóa lợi nhuận.
- Phát triển kênh phân phối là các hệ thống chuỗi siêu thị trong nước; thống nhất toàn bộ hệ thống cửa hàng tiện ích của Tổng công ty trên cơ sở nâng cấp, hoàn thiện và quản lý chung; tận dụng hệ thống phân phối của các Công ty thực phẩm chế biến của Tổng công ty; tìm kiếm và phát triển hệ thống kênh phân phối ở nước ngoài.
- Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.



- Cùng với các Tổ chức Đảng, Đoàn thể chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Tổng công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng để đưa Tổng công ty từng bước vững mạnh hơn so với trước đây.

### **Chiến lược phát triển**

Tổng công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến để đưa VINAFOOD II trở thành một doanh nghiệp phát triển, mạnh toàn diện trong lĩnh vực kinh doanh chính.

- **Về sản phẩm:** Ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; Lương thực là sản phẩm kinh doanh chính của Tổng công ty; Ưu tiên phát triển sản phẩm gạo trắng, nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm gạo đặc sản, gạo dinh dưỡng đóng túi nhỏ, các sản phẩm chế biến từ nguyên liệu là lương thực. Nghiên cứu phát triển hệ thống chế biến thủy sản, nông sản khác (thuộc thế mạnh của Đồng bằng Sông Cửu Long).
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, đấu thầu nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Tổng công ty trên thị trường. Duy trì thị trường xuất khẩu gạo truyền thống thông qua các thỏa thuận, hợp đồng dài hạn; Củng cố thương hiệu sản phẩm phát triển thị trường trong nước (chú trọng các sản phẩm qua chế biến). Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhập, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới. Tập trung đầu tư, nâng cao công nghệ nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm.
- **Về đầu tư:** Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các chi nhánh trực thuộc, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty, tập trung đầu tư hệ thống chế biến; Logistics.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.
- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

**11.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2017 - 2020**
**Bảng 18: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2017 – 2020**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Diễn giải	Tổng cộng	2017	2018	2019	2020	Ghi chú
<b>a</b>	<b>Công ty Mẹ</b>	<b>1.657.449</b>	<b>247.037</b>	<b>463.943</b>	<b>728.667</b>	<b>217.802</b>	
<b>I</b>	<b>Công ty Bột mì Bình Đông</b>	<b>492.328</b>	<b>13.328</b>	<b>167.000</b>	<b>202.000</b>	<b>110.000</b>	
1	Di dời nhà máy Bột mì Bình Đông	460.439	2.439	150.000	200.000	108.000	
2	Hệ thống Silo xuất bột xá	8.027	8.027				
3	Nâng cấp dây chuyền sản xuất bột mì	15.000		15.000			
4	Đầu tư hạng mục	8.862	2.862	2.000	2.000	2.000	
<b>II</b>	<b>Công ty lương thực Long An</b>	<b>76.250</b>	<b>31.250</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	
1	XN Khánh Hưng						
a	Máy sấy vĩ ngang, máy sấy thấp, dây chuyền xay xát và kho chứa						
b	Máy sấy thấp						
2	Đầu tư hạng mục	<b>76.250</b>	31.250	15.000	15.000	15.000	
<b>III</b>	<b>Công ty lương thực Tiền Giang</b>	<b>61.330</b>	<b>21.630</b>	<b>17.000</b>	<b>13.700</b>	<b>9.000</b>	
1	PX XX Mỹ Phước						
a	Máy sấy thấp	10.700			10.700		
2	XN XX & CBLT số 1						
a	Máy sấy thấp	17.000		11.000		6.000	
3	Đầu tư hạng mục	33.630		6.000	3.000	3.000	

STT	Diễn giải	Tổng cộng	2017	2018	2019	2020	Ghi chú
			21.630				
<b>IV</b>	<b>Công ty Lương thực Đồng Tháp</b>	<b>82.259</b>	<b>6.979</b>	<b>37.890</b>	<b>32.390</b>	<b>5.000</b>	
1	Cải tạo nâng cấp XN1	237	237				
2	Chợ TTNS Thanh Bình						
a	Máy sấy tháp	30.990		15.495	15.495		
b	Dây chuyền xay lúa	5.500		5.500			
3	XN CB Lương thực 2						
a	Máy sấy tháp	23.790		11.895	11.895		
4	Văn phòng Công ty	2.011	2.011				
5	Đầu tư hạng mục	19.731	4.731	5.000	5.000	5.000	
<b>V</b>	<b>Công ty LTTP An Giang</b>	<b>11.676</b>	<b>6.997</b>	<b>2.353</b>	<b>2.326</b>		
1	Đầu tư hạng mục	11.676	6.997	2.353	2.326		
<b>VI</b>	<b>Chi nhánh Thốt Nốt</b>	<b>47.960</b>	<b>30.010</b>	<b>3.000</b>	<b>7.650</b>	<b>7.300</b>	
1	Máy sấy tháp	26.200	26.200				
2	Đầu tư hạng mục	21.760	3.810	3.000	7.650	7.300	
<b>VII</b>	<b>Công ty Lương thực Sông Hậu</b>	<b>227.766</b>	<b>68.766</b>	<b>67.000</b>	<b>52.000</b>	<b>40.000</b>	
1	Đất/Máy sấy tháp	15.000		15.000			
2	Nhà kho	15.000			15.000		
3	Thiết bị sấy, bóc vỏ	15.000				15.000	
4	Đất/Máy sấy tháp	15.000		15.000			

STT	Diễn giải	Tổng cộng	2017	2018	2019	2020	Ghi chú
5	Nhà kho	15.000			15.000		
6	Thiết bị sấy, bóc vỏ	15.000				15.000	
7	Máy tạo sợi 250 Kg/giờ (01 cái)	6.000		6.000			
8	Máy dệt	5.000			5.000		
9	Xe chuyên dùng chụp Container	12.000	6.000	6.000			
10	Cầu điện cố định 40 tấn lắp tại mô sà lan	16.968	16.968				
11	Cầu nổi 50 tấn (02 cái)	12.000	12.000				
12	Nâng cấp nhà kho tại khu vực Trà Nóc	22.000		10.000	12.000		
13	Nhà kho chứa thép 1.440 m2 và thiết bị cần trục 10 tấn	7.208	7.208				
14	Bãi Container 12.432 m2 và cầu phao tại Chợ Chuyên doanh lúa gạo Thốt Nốt	10.730	10.730				
15	Đầu tư hạng mục	45.860	15.860	15.000	5.000	10.000	
<b>VIII</b>	<b>Công ty lương thực Vĩnh Long</b>	<b>75.713</b>	<b>30.713</b>	<b>22.000</b>	<b>19.000</b>	<b>4.000</b>	
1	Kho LT Tam Bình	42.163	22.163	15.000	5.000		
2	Văn phòng Công ty	9.500			9.500		
3	Đầu tư hạng mục	24.050	8.550	7.000	4.500	4.000	
<b>IX</b>	<b>Công ty lương thực Bến Tre</b>	<b>22.362</b>	<b>11.059</b>	<b>4.700</b>	<b>4.601</b>	<b>2.002</b>	
1	Cải tạo và XDM kho LT Đồng Gò	1.200		1.200			

STT	Diễn giải	Tổng cộng	2017	2018	2019	2020	Ghi chú
2	Bao che nhà xưởng + thiết bị sấy lúa 80 tấn/mẻ + máy tách màu 7-9tấn/giờ + thùng chứa và thiết bị phụ trợ - Nhà máy chợ Thom Mỏ Cà Nam	8.368	8.368				
3	Siêu thị sản phẩm an toàn/Máy sấy vĩ ngang	1.500		1.500			
4	Máy sấy tháp	2.600			2.600		
5	Đầu tư hạng mục	8.694	2.691	2.000	2.001	2.002	
<b>X</b>	<b>Công ty lương thực Trà Vinh</b>	<b>11.550</b>	<b>2.550</b>	<b>2.500</b>	<b>3.000</b>	<b>3.500</b>	
1	Đầu tư hạng mục	11.550	2.550	2.500	3.000	3.500	
<b>XI</b>	<b>Công ty lương thực Sóc Trăng</b>	<b>5.000</b>		<b>1.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	
1	Đầu tư hạng mục	5.000		1.000	2.000	2.000	
<b>XII</b>	<b>Công ty lương thực Bạc Liêu</b>	<b>92.740</b>	<b>8.240</b>	<b>24.500</b>	<b>40.000</b>	<b>20.000</b>	
1	Dự án nhà máy xay, sấy phục vụ cánh đồng lớn tại Ninh Quới A	80.000		20.000	40.000	20.000	
2	Đầu tư hạng mục	12.740	8.240	4.500			
<b>XIII</b>	<b>Ban Quản lý dự án số 3</b>	<b>450.515</b>	<b>15.515</b>	<b>100.000</b>	<b>335.000</b>		
1	Chợ Chuyên doanh lúa gạo Thốt Nốt	450.515	15.515	100.000	335.000		Dự kiến GD1 thực hiện 350 tỷ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.657.449</b>	<b>247.037</b>	<b>463.943</b>	<b>728.667</b>	<b>217.802</b>	

Trong đó, Tổng công ty dự kiến nguồn vốn đầu tư cho các dự án bao gồm:

Stt	Cơ cấu nguồn vốn	Tổng cộng	2017	2018	2019	2020
1	Vốn đầu tư phát triển (của Tổng công ty và Công ty trực thuộc)	537.054	113.930	139.183	218.600	65.341
2	Vốn vay ngân hàng	1.084.286	96.998	324.760	510.067	152.461
3	Vốn từ tài khoản tạm giữ	36.109	36.109	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.657.449</b>	<b>247.037</b>	<b>463.943</b>	<b>728.667</b>	<b>217.802</b>

### 11.3. Các chỉ tiêu chính của Công ty sau cổ phần hóa

Để đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã lên kế hoạch sản xuất kinh doanh cho giai đoạn sau cổ phần hóa như sau:

- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn**

Điểm mạnh:	Điểm yếu:
<p><b>1/</b> Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị được trang bị và đầu tư với qui mô lớn, phủ khắp các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Thuận lợi cho công tác sản xuất chế biến, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về chủng loại, chất lượng gạo.</p>	<p><b>1/</b> Công tác nắm bắt thông tin thị trường đôi lúc chưa được nhanh nhạy và kịp thời, phụ thuộc quá nhiều vào thị trường tập trung; Nhiều doanh nghiệp thành viên chưa phát triển tốt thị trường thương mại nên khi tỷ trọng các hợp đồng tập trung giảm mạnh thì lập tức Tổng công ty rơi vào hoàn cảnh khó khăn như những năm qua.</p>
<p><b>2/</b> Địa bàn kinh doanh Tổng công ty nằm trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nên việc thu mua được tiến hành thuận lợi, chi phí vận chuyển thấp. Nguồn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh gạo chất lượng cao của các đơn vị luôn được duy trì, tạo sự chủ động nguồn hàng cho xuất khẩu.</p>	<p><b>2/</b> Hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng đã cũ kỹ, chưa sử dụng hết công suất. Nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ phải vay ngân hàng đã làm tăng giá thành sản phẩm; Gánh nặng khấu hao, hiệu quả sử dụng máy móc thấp do chưa đồng bộ sầy và xay xát.</p>
<p><b>3/</b> Nguồn nhân lực có bề dày kinh nghiệm trong chế biến và kinh doanh lúa gạo.</p>	<p><b>3/</b> Năng suất lao động nhìn chung chưa cao mặc dù Tổng công ty luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhưng việc đào tạo và bồi dưỡng này chỉ diễn ra trong ngắn hạn, số lượng cán bộ được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng dài hạn không nhiều, công tác tuyển chọn đào tạo có chú trọng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngành nghề kinh doanh.</p>
<p><b>4/</b> Có mối quan hệ lâu dài và tạo được uy tín với những khách hàng trong và ngoài nước về kinh doanh lúa gạo. Riêng đối với những khách hàng lớn (nước ngoài) cũng cần nhà cung cấp lớn để đảm bảo nguồn cung ổn định phục vụ an ninh lương thực của quốc gia đó.</p>	<p><b>4/</b> Chưa có bộ phận chuyên trách về Tiếp thị (Marketing) nên việc triển khai kế hoạch về tiếp thị hay các hoạt động nhằm quảng bá sản phẩm gạo còn yếu kém, bỏ lỡ nhiều cơ hội. Chưa quan tâm đúng mức đến thị trường nội địa.</p>
<p><b>5/</b> Với ngành lương thực (gạo), Tổng công ty là đơn vị luôn đứng đầu cả nước về thu mua, xuất khẩu gạo và luôn được đánh giá cao về sức mạnh cũng như uy tín trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, ngành thực phẩm chế biến sở hữu nhiều sản phẩm có chất lượng, được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.</p>	<p><b>5/</b> Gạo có nhãn hiệu trong toàn Tổng công ty chưa tiếp cận được với khách hàng (nước ngoài), thị trường gạo thương mại tương đối hẹp, biến động qua các năm do còn thụ động trong việc tìm kiếm thị trường. Hơn nữa, chưa có đại diện thường trú tại các nước nhập khẩu gạo lớn. Các vấn đề liên quan đến thương hiệu như các mối liên kết (ngang, dọc) cho sự phát triển bền vững trong chuỗi sản xuất lúa, gạo chưa nhiều, chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.</p>
<p><b>6/</b> Quan hệ tốt và có uy tín với các tổ chức</p>	<p><b>6/</b> Một số đơn vị trong hoạt động chỉ đạo điều</p>

<p>tín dụng; được hỗ trợ kịp thời các khoản vốn vay dài hạn và ngắn hạn.</p>	<p>hành còn thiếu linh hoạt, nhất là công tác mua, bán và luân chuyển hàng hoá, việc chuyển đổi, sử dụng đồng tiền, quay đồng vốn chưa đạt yêu cầu, do đó chi phí tăng, giảm hiệu quả kinh doanh; Năng lực tài chính không mạnh, chủ yếu hoạt động bằng vốn vay ngân hàng, dẫn đến hạn chế trong việc dự trữ hàng hoá cũng như phương thức bán hàng chậm trả và đầu tư vùng nguyên liệu.</p>
<p>7/ Hệ thống thông tin được quản lý chặt chẽ, các quy chế, nguyên tắc thực hiện từng nghiệp vụ một cách đầy đủ và chặt chẽ.</p>	<p>7/ Chưa có bộ phận Nghiên cứu và Phát triển hay bộ phận Khoa học Công nghệ để có thể tạo ra sản phẩm đặc trưng riêng; đa dạng hóa sản phẩm từ lúa, gạo; Chưa hoàn thiện được hệ thống phòng thí nghiệm để quản lý chất lượng và cho nấu thử tại văn phòng Tổng công ty cũng như tại các đơn vị thành viên.</p>
<b>Cơ hội:</b>	<b>Thách thức</b>
<p>1/ Xu thế toàn cầu hoá, quốc tế hoá tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu, nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) đã và đang được đàm phán, ký kết sẽ mở ra nhiều cơ hội kinh doanh; sự tái cơ cấu là cơ hội để Tổng công ty Lương thực miền Nam tập trung vào ngành nghề chính, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng trưởng, phát triển bền vững, thúc đẩy xuất khẩu.</p>	<p>1/ Với định hướng trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, Việt Nam đối mặt với vấn đề phát khí thải nhà kính. Theo đó, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Hơn nữa, tình trạng ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, thoái hóa đất, và việc sử dụng nước của các nước thượng nguồn sông Mêkông sẽ làm cho số lượng và chất lượng lúa, gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tới bị giảm sút.</p>
<p>2/ Biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến nhu cầu lương thực trên thế giới tăng cao. Các nước nhập khẩu gạo lớn như Philippines, Indonesia, Malaysia...không thể tự cân đối lương thực do thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.</p>	<p>2/ Các quốc gia nhập khẩu đang nỗ lực trong việc gia tăng sản xuất để tự túc dân lương thực, hạn chế nhập khẩu và sử dụng sản phẩm thay thế. Thông tin Indonesia đã ký Biên bản ghi nhớ để nhập khẩu gạo từ Pakistan 1 triệu tấn gạo trắng trong giai đoạn 2016 – 2019 và Malaysia vừa ký Hiệp định thương mại trị giá 30 tỷ USD với Thái Lan, trong đó có mặt hàng gạo, nên có thể từ năm 2016 trở đi, sản lượng nhập khẩu gạo từ Việt Nam sẽ giảm.</p>
<p>3/ Vấn đề biến đổi khí hậu tạo cơ hội để Tổng công ty thay đổi tư duy phát triển, tiếp nhận những mô hình và phương thức canh tác mới theo hướng phát thải các-bon thấp, bền vững. Bên cạnh đó, các tổ chức còn hỗ trợ tài chính và chuyển giao công</p>	<p>3/ Cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu gạo như Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan, các nước này đã khẳng định được thương hiệu gạo của họ cùng với những chính sách giá bán linh hoạt, là những đối thủ rất mạnh với thị phần gạo trắng và gạo cao cấp của Việt Nam. Bên</p>



<p>nghệ.</p>	<p>canh đo, sự nổi lên của các nước Campuchia, Miến Điện, với giá rẻ sẽ làm cho áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn.</p>
<p><b>4/</b> Với dân số trên 90 triệu người và dự báo sẽ 100 triệu người vào năm 2020, thị trường nội địa được xem là thị trường rất tiềm năng.</p>	<p><b>4/</b> Với áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc tìm kiếm khách hàng có những khó khăn nhất định nên việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nội bộ ngành, nội bộ Tổng công ty diễn ra hết sức gay gắt và phức tạp, cạnh tranh không lành mạnh, không minh bạch rõ ràng.</p>
<p><b>5/</b> Được sự quan tâm và khuyến khích phát triển của Chính phủ, xuất khẩu gạo Việt Nam đang có cơ hội tiếp cận cũng như gia tăng xuất khẩu ở những thị trường có hiệp định thương mại tự do.</p>	<p><b>5/</b> Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính của nước ta trong 3 năm qua, giá bán của gạo Việt Nam bị ảnh hưởng bởi nhu cầu của thị trường này. Nhưng trong năm 2015 Trung Quốc có nhiều thay đổi về chính sách nhập khẩu gạo (thực hiện lệnh cấm biên) thêm vào đó thông tin Chính phủ Trung Quốc ký hợp đồng mua 2 triệu tấn gạo của Thái Lan cũng ảnh hưởng đến giá xuất khẩu gạo của Việt Nam nói chung và Tổng công ty nói riêng.</p>
<p><b>6/</b> Nhiều kỹ thuật canh tác mới được áp dụng, sự cơ giới hoá tạo ra sự phát triển bền vững của quy trình sản xuất lúa, gạo là cơ hội định hướng ngành kinh doanh lúa, gạo trong thời gian tới.</p>	<p><b>6/</b> Năm 2016, dự báo nhu cầu gạo của thế giới ở mức khoảng 41,3 triệu tấn, thấp hơn năm 2014 và ước tính năm 2015 (Theo Bộ NN Mỹ). Trong khi đó, Thái Lan có thể xuất khẩu đến 10 triệu tấn với giá cạnh tranh để giải phóng lượng tồn kho khoảng 13 triệu tấn hiện nay.</p>
<p><b>7/</b> Với dự án cánh đồng lớn mang đến cơ hội chủ động nguồn nguyên liệu, chất lượng đồng đều. Đồng thời, tạo cơ hội cho việc trồng các loại gạo cao cấp, gạo đặc sản phục vụ XK ở phân khúc thị trường gạo cao cấp.</p>	<p><b>7/</b> Yêu cầu ngày càng cao về các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu gạo. Trong đó, những nước tham gia các hiệp định tự do thương mại (FTA) với Việt Nam sẽ đặt ra nhiều hơn nữa các rào cản kỹ thuật, rào cản phi thuế quan (rào cản về lượng khí thải nhà kính) trong thời gian tới.</p>

**Kế hoạch về sản lượng, doanh thu**
**Bảng 19: Chỉ tiêu cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giai đoạn 2017 - 2020**

Stt	Diễn giải	ĐVT	2017	2018	2019	2020	Bình quân
<b>I</b>	<b>MUA VÀO (Tấn)</b>						
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	950.000	1.000.000	1.050.000	1.100.000	1.025.000
2	Lúa mì	Tấn	52.000	55.000	57.000	60.000	56.000
<b>II</b>	<b>BÁN RA</b>						
1	Gạo (a+b)	Tấn	1.350.000	1.370.000	1.400.000	1.420.000	1.385.000
a)	Gạo của Công ty mẹ bán ra	Tấn	950.000	1.020.000	1.100.000	1.170.000	1.060.000
	Trong đó:	Tấn					
	- Xuất khẩu		500.000	520.000	550.000	570.000	535.000
	- Nội địa	Tấn	450.000	500.000	550.000	600.000	525.000
b)	Gạo nhận UTXK ngoài TCT	Tấn	400.000	350.000	300.000	250.000	325.000
2	Bột mì	Tấn	45.000	47.000	49.000	51.000	48.000
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	1.000	1.050	1.100	1.150	1.075
4	Bao bì	Ngàn cái	10.000	10.500	11.000	11.500	10.750
<b>III</b>	<b>Kim Ngạch XNK</b>	<b>Ngàn USD</b>	<b>234.553</b>	<b>243.653</b>	<b>258.064</b>	<b>265.420</b>	<b>250.423</b>
<b>IV</b>	<b>Doanh Thu</b>	Tỷ đồng	<b>10.951,88</b>	<b>12.047,10</b>	<b>13.251,80</b>	<b>14.576,95</b>	<b>12.706,93</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận</b>	Tỷ đồng	<b>105</b>	<b>148</b>	<b>168</b>	<b>220</b>	<b>160</b>
<b>VI</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>Theo quy định Nhà nước</b>				

Nguồn: VINAFOOD II



## Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh các năm sau cổ phần hóa

Bảng 20: Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh các năm sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh Mục	ĐVT	Kế hoạch		
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	12.051.800	12.772.640	13.589.680
2	Nợ phải trả	Triệu đồng	6.925.000	7.618.000	8.380.000
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	5.126.800	5.154.640	5.209.680
4	Vốn điều lệ	Triệu đồng	5.000.000	5.000.000	5.000.000
5	Doanh thu thuần	Triệu đồng	11.882.100	13.070.300	14.377.300
6	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	9.724.100	10.696.500	11.766.200
7	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	2.158.000	2.373.800	2.611.100
8	Doanh thu tài chính	Triệu đồng	165.000	181.500	199.650
9	Chi phí tài chính	Triệu đồng	115.500	127.050	139.755
10	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	1.756.700	1.897.200	2.030.000
11	Chi phí quản lý	Triệu đồng	302.800	363.050	420.995
12	Thu nhập khác	Triệu đồng	0	0	0
13	Chi phí khác	Triệu đồng	0	0	0
14	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	0	0	0
15	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	148.000	168.000	220.000
16	Thuế TNDN	Triệu đồng	29.600	33.600	44.000
17	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	118.400	134.400	176.000



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

18	Phân chia lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng			
a	Quỹ đầu tư phát triển (10%)	Triệu đồng	11.840	13.440	17.600
b	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	Triệu đồng	11.840	13.440	17.600
C	Chia cổ tức	Triệu đồng	94.720	107.520	140.800
19	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ (%)	Triệu đồng	3,0%	3,4%	4,4%
20	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	Triệu đồng	1,9%	2,2%	2,8%
21	Tổng số lao động bình quân	Triệu đồng	2.300	2.300	2.300
22	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	191.250	200.810	210.850
23	Thu nhập bình quân (1.000 đ/người/tháng)	1.000 đ/người/tháng	6.930	7.280	7.640

Nguồn: VINAFOOD II.

## 11.4. Giải pháp thực hiện

### **Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm**

- Không đặt mục tiêu tăng trưởng về số lượng mà tập trung nguồn lực để duy trì số lượng xuất khẩu hiện tại, đặt mục tiêu tăng tỉ lệ gạo chất lượng gạo và giảm tỉ lệ gạo trắng thông thường trong cơ cấu xuất khẩu của Tổng công ty. Xây dựng vùng nguyên liệu (cánh đồng mẫu lớn), tạo các dòng sản phẩm gạo thuần chủng, ổn định chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Tập trung đầu tư về vốn và công nghệ để tăng khả năng chế biến, sản xuất gạo chất lượng cao, tiến tới tăng dần tỉ trọng gạo chất lượng cao trong cơ cấu các loại gạo xuất khẩu, với mục tiêu thâm nhập các thị trường khó tính như Nhật, EU, thị trường các nước TPP... Đầu tư chế biến sản phẩm từ nguyên liệu lương thực; gạo dinh dưỡng đóng túi nhỏ.
- Các thị trường tập trung đang xây dựng chính sách lương thực hướng tới mục tiêu tự cung tự cấp, đảm bảo an ninh lương thực, giảm lượng nhập khẩu, do vậy lượng gạo xuất khẩu của các hợp đồng tập trung của Tổng công ty có thể sẽ giảm trong vài năm tới. Do vậy Tổng công ty cần nâng cao chất lượng gạo, đa dạng hóa sản phẩm (kể cả các sản phẩm đóng túi nhỏ) để mở rộng thị trường, mở rộng khách hàng, tránh việc phụ thuộc vào các thị trường tập trung. củng cố, phát triển hệ thống cửa hàng tiện ích hiện có nhằm phát triển kênh phân phối sản phẩm chế biến, lương thực trong nước.

### **Nhóm giải pháp về vốn, tài chính**

#### **Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty, giảm bớt sức ép từ lãi vay ngân hàng, đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Tổng công ty cần phát huy các nguồn vốn để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh.
- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn.
- Đẩy mạnh việc thanh quyết toán và thu hồi công nợ.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; chú trọng sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Tổng công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.

#### ❖ **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chồng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.

#### **Giải pháp về tìm kiếm phát triển thị trường**

- Công tác tìm kiếm, phát triển thị trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các giải pháp cụ thể như:
- Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong phạm vi cả nước, tăng cường bộ máy tiếp thị, bán hàng; công tác tiếp thị chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong nước và nước ngoài.
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

#### **Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực**

Tổng công ty tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực: bao gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

#### ❖ **Về phân công lao động hợp lý:**

- Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Tổng công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên. Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.
- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Tổng công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

#### ❖ **Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên:**

- Định kỳ hàng năm, Tổng công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.

❖ **Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động:**

- Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Tổng công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:
  - ✓ Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
  - ✓ Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
  - ✓ Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
  - ✓ Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự:

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Tổng công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- ✓ Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.
- ✓ Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy tín với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.

- ✓ Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Tổng công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường. Tổng công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- ✓ Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng công việc được giao cho Tổng công ty.
- ✓ Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- ✓ Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các chi nhánh trực thuộc và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.

- Thu hút và sử dụng nhân tài:

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Tổng công ty:

- ✓ Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.
- ✓ Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển; người có bằng thạc sỹ tuổi đời dưới 30, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Tổng công ty.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Tổng công ty:

- ✓ Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Tổng công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.



- ✓ Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài. Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những sáng kiến cải tiến có giá trị thực tiễn cao.
- ✓ Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:
  - Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
  - Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.
  - Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Tổng công ty.

#### **Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

##### **❖ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ**

- Việc chuyển đổi Tổng công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Tổng công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Tổng công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Tổng công ty. Tổng công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
  - ✓ Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - ✓ Quản lý và giám sát tài chính.
  - ✓ Các quy trình sản xuất – định mức kinh tế, kỹ thuật.
  - ✓ Quan hệ nội bộ Tổng công ty.
  - ✓ Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
  - ✓ Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Tổng công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Tổng công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

##### **❖ Nâng cao năng lực hoạt động cho các chi nhánh**

Các chi nhánh có vị trí và vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường, nâng cao năng lực kinh doanh của Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty phải tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho các đơn vị này, cụ thể là:

- Các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn nghiệp vụ cho các chi nhánh trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tổng công ty sẽ có đầu tư đúng mức về nhân lực, thiết bị và việc làm để các đơn vị này phát triển theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực và trở thành lực lượng nòng cốt của Công ty.
- Phân cấp quản lý và quy định trách nhiệm cho các chi nhánh phù hợp với quy mô, địa bàn hoạt động để các đơn vị được chủ động trong sản xuất, kinh doanh.


#### ❖ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

- Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
- Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Tổng công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tổng công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:
  - ✓ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.
  - ✓ Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
  - ✓ Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.

- ✓ Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.
- ✓ Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Tổng công ty.

❖ **Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí**

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao nhận thức, tạo ra chuyển biến về hành động cụ thể trong cán bộ công nhân viên và người lao động của Tổng công ty về công tác đấu tranh, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, thanh tra, kiểm tra; kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ; tăng cường nâng cao vai trò của người đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần trong quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Tăng cường công tác quản lý, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh...; Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí sản xuất kinh doanh ở tất cả các khâu.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các biện pháp phòng ngừa. Quan tâm đến các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực, lãng phí như quản lý tiền hàng; đầu tư xây dựng; quản lý đất đai...; tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

 **Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

❖ **Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy giúp việc**

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- ✓ Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- ✓ Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Tổng công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của ông ty.

**❖ Sắp xếp, tổ chức lại các chi nhánh, đơn vị**

Việc sắp xếp, tổ chức lại các chi nhánh được thực hiện theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực hoạt động cho các chi nhánh để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh trên thị trường, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy mới.

**🚩 Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể**

- Đảng bộ Tổng công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống 40 năm phát triển và trưởng thành của Tổng công ty để đưa Tổng công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.
- Tổ chức Công đoàn thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Tổng công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động.
- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

## **PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Mục tiêu cổ phần hóa**

Cổ phần hóa Tổng công ty để hình thành công ty đa sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực tài chính.

Huy động và thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Tổng công ty, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Tổng công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý, gắn bó với Tổng công ty, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý Tổng công ty, làm cho Tổng công ty tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần khép kín trong nội bộ Tổng công ty, gắn với thị trường vốn và chứng khoán.

### **2. Yêu cầu cổ phần hóa**

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng công ty sau cổ phần hóa.

Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động của hệ thống sản xuất kinh doanh Tổng công ty.

Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

### **3. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ kết quả điều chỉnh, bổ sung giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 2917/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 2371/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đặc điểm và tình hình thực tế của Tổng công ty, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam chọn hình thức **“bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”** theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Nhà nước sẽ tiếp tục nắm cổ phần tại Tổng công ty với tỷ lệ nắm giữ 51% vốn điều lệ.

#### **4. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

- Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần
- Tên tiếng Anh: Vietnam Southern Food Corporation - Joint Stock Company
- Tên giao dịch: VINAFOOD II
- Trụ sở: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028).38370026
- Fax: (028).38365898
- Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)
- Logo:



#### **5. Hình thức pháp lý**

Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

#### **6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Công ty**

##### **6.1. Quyền hạn của Công ty**

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV- Tổng công ty Lương thực miền Nam chuyển sang.
- Tổng công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tổng công ty có các quyền về quản lý tài chính.

##### **6.2. Nghĩa vụ của Tổng Công ty**

- Tổng công ty kế thừa các nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV- Tổng công ty Lương thực miền Nam chuyển sang.
- Tổng công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật.

## **7. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa**

Kế thừa các ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày ngày 08/02/2007, đăng ký thay thay đổi lần thứ 9: ngày 05 tháng 01 năm 2016, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

### **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Thu mua, bảo quản, chế biến, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản; Xuất khẩu, nhập khẩu lương thực, nông sản; gia công đóng gói các mặt hàng: nông, thủy sản, phân bón, vật tư nông nghiệp ...

### **Ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính (có bổ sung theo nhu cầu phát triển sau cổ phần hóa):**

Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh các mặt hàng thủy sản; Sản xuất và kinh doanh bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì; Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến; Quản lý khai thác cảng biển, bến - cảng nội thủy, giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển; Kinh doanh kho, bãi và lưu giữ hàng hóa, Logistic; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sông, đường bộ; Khai thác và kinh doanh nước uống tinh khiết, nước khoáng; Kinh doanh xe ô tô, xe máy; Bảo dưỡng, bảo trì xe ô tô, xe máy; Kinh doanh hệ thống phân phối, bán lẻ các loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng, bán lẻ đồ điện gia dụng, đồ dùng nội thất; Kinh doanh dịch vụ trồng trọt, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch và xử lý hạt giống để nhân giống; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phục vụ sản xuất lương thực, vật tư xây dựng; Kinh doanh xăng dầu; Gia công đóng gói các mặt hàng nông sản thực phẩm; Kinh doanh sản phẩm nhựa các loại; Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh quảng cáo thương mại, tiếp thị.

Hoạt động kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp qui định pháp luật.

## **8. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa**

Sau cổ phần hóa, Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Tổng công ty như sau:

### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

### **Hội đồng quản trị:**

HDQT là cơ quan quản lý trực tiếp tại Tổng công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà ĐHĐCĐ giao tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ những vấn đề của ĐHĐCĐ.

Dự kiến Hội đồng Quản trị của Tổng công ty sẽ có 05 đến 07 thành viên.

### **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Tổng công ty dự kiến có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

### **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Tổng giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng giám đốc. Dự kiến Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty sẽ có 05 thành viên, bao gồm 01 Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc.

### **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

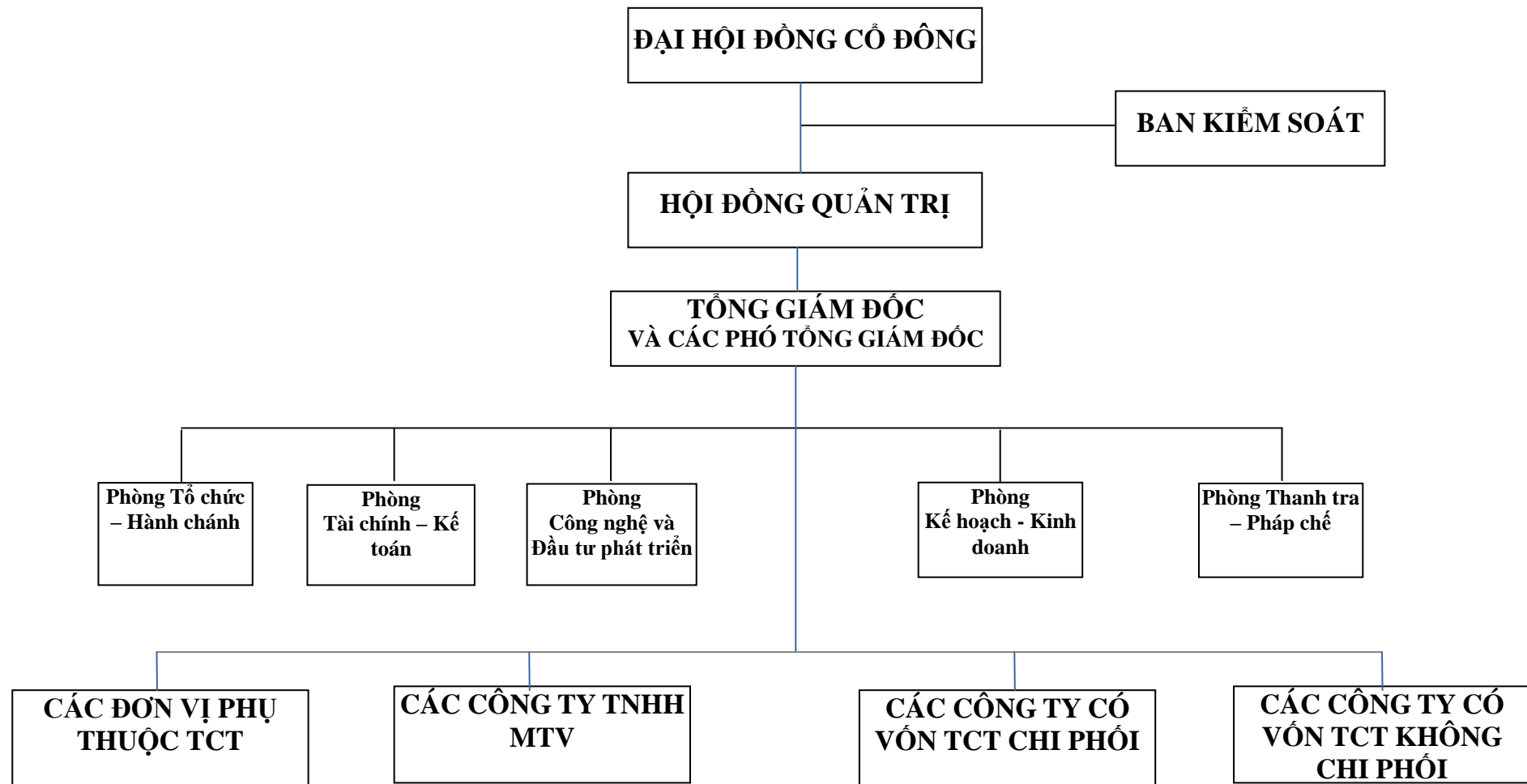
### **Các phòng, ban chức năng và đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết**

Thực hiện đúng chức năng hoạt động, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công sau khi tái cơ cấu.





Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần



## **9. Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp thành viên giai đoạn 2016 – 2020**

Căn cứ:

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn 2012 -2015;
- Quyết định số 2931/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Phương án thoái vốn đầu tư ra ngoài ngành doanh nghiệp của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty TNHH MTV;
- Quyết định số 5457/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 18/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 2931/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn bản số 2244/TTg-ĐMDN ngày 10/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Thực hiện mục tiêu hoàn thiện mô hình tổ chức sau cổ phần hóa; nhằm nâng cao tính chủ động và hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Định hướng sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, điều hành của Tổng công ty được dựa trên các cơ sở và nguyên tắc sau:

a. Đối với các phòng nghiệp vụ:

Sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp; tăng cường chức năng kiểm tra giám sát và phòng ngừa rủi ro.

b. Đối với các đơn vị phụ thuộc:

Các đơn vị phụ thuộc đáp ứng đủ điều kiện hoạt động độc lập như: đội ngũ cán bộ quản lý, năng lực quản trị và điều hành, năng lực kho tàng và máy móc thiết bị, địa bàn hoạt động tại các tỉnh có vùng nguyên liệu lúa gạo lớn, đáp ứng đủ điều kiện xuất khẩu gạo trực tiếp theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ và Thông tư số 44/2010/TT-BCT ngày 31/12/2010 của Bộ công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo; sau cổ phần hóa được chuyển đổi thành đơn vị hạch toán độc lập (công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty đầu tư 100% vốn) và sẽ tiếp tục chuyển đổi các công ty này thành công ty cổ phần theo chủ trương của Chính phủ. Các công ty còn lại, lập thủ tục giải thể hoặc tiếp tục duy trì là đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ.

c. Đối với các công ty có vốn góp của Tổng công ty:

Chỉ giữ lại những công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty; số còn lại (ngoài số công ty đã thoái vốn), tiếp tục thoái vốn hoặc lập thủ tục xin giải thể, phá sản.

Sau cổ phần hóa, Tổng công ty Lương thực miền Nam hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần, như sau:

Ngoài 13 Công ty con, Công ty liên kết đã thoái vốn từ thời điểm 31/3/2015 đến thời điểm lập Phương án cổ phần hóa, cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang; Tổng công ty dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện thoái 100% vốn góp tại 8 đơn vị; giải thể, phá sản 11 đơn vị, chuyển đổi 07 Chi nhánh hiện thời thành Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty đầu tư 100% vốn. Như vậy, số đơn vị thành viên của Tổng công ty sau cổ phần hóa sẽ là: Văn phòng Tổng công ty và 12 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (trong đó có 07 Chi nhánh sẽ chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty đầu tư 100% vốn), 07 Công ty Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối và 01 Công ty cổ phần không chi phối. Cụ thể như sau:

Cụ thể như sau:

**9.1. Các doanh nghiệp đã thoái vốn và tiếp tục tái cơ cấu sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần (Vốn của Tổng công ty đầu tư theo số của Kiểm toán nhà nước xác định lại):**

**a. Các doanh nghiệp Tổng công ty đã thoái vốn và giải thể từ 31/03/2015 đến thời điểm lập Phương án cổ phần hóa (13 đơn vị):**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn TCT đầu tư*	Giá trị thoái vốn	Đã dự phòng	Phí thoái vốn	Lãi/lỗ
1	Công ty CP Thực phẩm Biển Xanh	14.410.578	6.140.451	9.372.432	178.636	923.669
2	Công ty CP Bánh Lubico	2.813.514	3.692.856	0	80.000	799.342
3	Công ty CP Lương thực Đà Nẵng	5.084.791	6.729.872	9.571.373	136.187	11.080.266
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Cửu Long	22.000.000	44.000.000	2.482.556	90.000	24.392.556
5	Công ty CP Vận tải biển Hoa Sen	47.208.000	24.066.431	24.108.223	0	966.654
6	Công ty CP GD & KT FCC	1.284.864	1.561.120	0	70.000	206.256
7	Công ty Xi măng Hà Tiên 1**	3.153.834	3.153.899	1.320.994	6.307	1.314.752

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

8	Công ty CP GD & KT FCC (Cty Lương thực Tiền Giang đầu tư)**	601.868	779.100	0	56.454	120.778
9	Công ty TMDV Cái Bè**	2.538.942	1.639.875	0	64.863	-963.930
10	Công ty CP ĐT&PT Vĩnh Hội	15.000.000	45.000.000	505.611	120.454	30.385.157
11	Công ty CP Du lịch Bạc Liêu**	2.106.887	2.348.591	0	63.636	178.068
12	Công ty TNHH TM-DV Xây dựng Việt Hân Sài Gòn***	160.000.000	160.000.000	0	0	0
13	Công ty Saigon Food Pte., LTD(Công ty TNHH Lương thực Sài Gòn)****	11.468.885	11.085.695	0	1.113	-383.190
	<b>Tổng cộng</b>	<b>287.672.163</b>	<b>310.197.890</b>	<b>47.361.189</b>	<b>867.650</b>	<b>69.020.378</b>

\* *Vốn của Tổng công ty đầu tư theo số của Kiểm toán nhà nước xác định lại*

\*\* *Công ty phụ thuộc đầu tư góp vốn*

\*\*\* *Công ty TNHH TM-DV Xây dựng Việt Hân Sài Gòn được thành lập mới và thoái vốn sau 31/3/2015.*

\*\*\*\* *Công ty Saigon Food Pte., LTD là đơn vị giải thể.*

**b. Các doanh nghiệp Tổng công ty tiếp tục thoái 100% vốn sau cổ phần hóa: 08 đơn vị**

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn TCT đầu tư	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty CP Bến Thành - Mũi Né	27.616.125.799	17,81%*
2	Tổng công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	27.469.130.000	12,27%
3	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang	73.261.040.321	20,52%
4	Công ty CP Bột mì Bình An	23.903.330.000	19,92%
5	Công ty CP Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	2.091.752.816	19,72%
6	Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	47.786.267.012	66,27%
7	Khu nuôi cá Khém – Long Trị (Dự án chưa hoàn thành)**	10.812.000.000	67,08%
8	Công ty CP Bao bì Bình Tây	5.798.894.528	19,56%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>218.798.540.476</b>	



\* Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 07/7/2017 (Tỷ lệ vốn góp tính theo mệnh giá cổ phần).

\*\* Công ty phụ thuộc đầu tư góp vốn.

**c. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện tái cơ cấu (2 đơn vị):**

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn TCT đầu tư	Tỷ lệ vốn góp	Ghi chú
1	Công ty Nông sản thực phẩm Tiền Giang	Chi nhánh TCT	100,00%	
2	Công ty Nông sản thực phẩm Trà Vinh	Chi nhánh TCT	100,00%	

**d. Nhóm các doanh nghiệp dự kiến giải thể, phá sản hoặc thoái vốn: 8 đơn vị**

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn TCT đầu tư	Tỷ lệ vốn góp	Ghi chú
1	Công ty CP Tô Châu	65.400.000.000	65,40%	Giải thể/Phá sản
2	Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm Cà Mau	40.956.000.000	62,05%	Giải thể/Phá sản
3	Công ty CP Lương thực Hậu Giang	28.771.200.000	53,28%	Phá sản
4	Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi	5.100.000.000	51,00%	Giải thể/Phá sản
5	Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	7.654.400.000	40,00%	Giải thể/Phá sản
6	Công ty TNHH Lương thực V.A.P	43.875.000.000	45,00%	Đã được Bộ NN&PTNT chấp thuận và đang tiến hành thủ tục phá sản
7	Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Cambodia – Việt Nam	57.357.788.024	37,00%	Giải thể/Phá sản
8	Công ty CP Hoàn Mỹ	22.500.000.000	30,00%	Giải thể/Phá sản
	<b>Tổng cộng</b>	<b>271.614.388.024</b>		

**9.2. Danh sách đơn vị thành viên của Tổng công ty sau cổ phần hóa:**

**a. Các phòng nghiệp vụ Cơ quan văn phòng Tổng công ty (05 phòng)**

1. Phòng Tổ chức – Hành chính.
2. Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.
3. Phòng Tài chính - Kế toán.
4. Phòng Công nghệ và Đầu tư Phát triển.

5. Phòng Thanh tra - Pháp chế.
6. Văn phòng Đảng và Đoàn thể
- b. Các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty (05 đơn vị)**
  1. Công ty Lương thực Thốt Nốt
  2. Công ty Lương thực Vĩnh Long
  3. Công ty Lương thực Bạc Liêu
  4. Công ty Lương thực Sóc Trăng
  5. Công ty Lương thực Bến Tre
- c. Các doanh nghiệp chuyển sang công ty TNHH một thành viên 100% vốn Tổng công ty (07 đơn vị)**
  1. Công ty Lương thực Long An
  2. Công ty Lương thực Tiền Giang
  3. Công ty Lương thực Trà Vinh
  4. Công ty Lương thực Sông Hậu
  5. Công ty Lương thực Đồng Tháp
  6. Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang
  7. Công ty Bột mì Bình Đông
- d. Các Công ty CP chi phối (07 đơn vị):**

STT	Tên Đơn vị	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty Cổ phần Lương thực TP. Hồ Chí Minh.	59,78
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	83,31
3	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định.	51,00
4	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	51,30
5	Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm.	60,00
6	Công ty Cổ phần Sài gòn Lương thực	51,00
7	Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	60,00

- e. Công ty cổ phần không chi phối (01 đơn vị):**

STT	Tên Đơn vị	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket	30,72

**Tổng số đơn vị thành viên của Tổng công ty: 20 đơn vị**

## **10. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

### **10.1. Vốn điều lệ**

Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2017 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực miền Nam vốn điều lệ của Tổng công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần như sau:

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần: 500.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty cho giai đoạn sau cổ phần hóa (2016 – 2018) như sau:

**Bảng 21: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2018– 2020**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>
Vốn điều lệ (đồng)	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

- *Nguồn: VINAFOOD II*

### **10.2. Cơ cấu vốn điều lệ**

Căn cứ:

- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2015 -2020;
- Văn bản số 2244/TTg-ĐMDN ngày 10/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam;
- Quyết định 5417/QĐ-BNN-QLDN ngày 18/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Văn bản số 8115/VPCP-ĐMDN ngày 27/09/2016 của Văn phòng chính phủ về việc phương án cổ phần hóa TCT Lương thực Miền Nam.
- Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2017 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực miền Nam.

Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông dự kiến như sau:

**Bảng 22: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa**

<b>Stt</b>	<b>Cơ cấu cổ đông</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)</b>	<b>Số cổ phần (CP)</b>	<b>Giá trị cổ phần (đồng)</b>
<b>1</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>51,00%</b>	<b>255.000.000</b>	<b>2.550.000.000.000</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)</b>	<b>0,99%</b>	<b>4.969.000</b>	<b>49.690.000.000</b>
2.1	Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% giá đầu thành công thấp nhất	0,58%	2.884.200	28.842.000.000
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp (2.2.1 + 2.2.2)	0,41%	2.084.800	20.848.000.000
2.2.1	<i>Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (200 CP/1năm)</i>	<i>0,32%</i>	<i>1.625.600</i>	<i>16.256.000.000</i>
2.2.2	<i>Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (500 CP/1 năm)</i>	<i>0,09%</i>	<i>459.200</i>	<i>4.592.000.000</i>
<b>3</b>	<b>Tổ chức Công đoàn Tổng công ty</b>	<b>0,04%</b>	<b>200.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>4</b>	<b>Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược</b>	<b>25,00%</b>	<b>125.000.000</b>	<b>1.250.000.000.000</b>
<b>5</b>	<b>Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài</b>	<b>22,97%</b>	<b>114.831.000</b>	<b>1.148.310.000.000</b>
	<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>500.000.000</b>	<b>5.000.000.000.000</b>

## PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

### 1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế, Tổng công ty cần chú trọng cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ và chú trọng đến vấn đề quản lý chi phí.



## **2. Rủi ro về luật pháp**

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, Tổng công ty cần luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên của Tổng công ty.

## **3. Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán của VINAFOOD II là đợt chào bán lần đầu ra công chúng nên tính thanh khoản thấp hơn so với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch.

Đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Tổng công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

## **4. Rủi ro khác**

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

# **PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

## **I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN**

### **1. Đối tượng mua cổ phần**

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên của Tổng công ty (người lao động đang làm việc tại Trụ sở chính Tổng công ty, các Chi nhánh, đơn vị phụ thuộc Tổng công ty) có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 14/06/2016.
- Tổ chức Công đoàn Tổng công ty.
- Các nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty.
- Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

## **2. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường**

- Quy mô chào bán: số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường: **114.831.000** cổ phần, tương đương **22,97%** vốn điều lệ của VINAFOOD II.

- **Thời gian bán đấu giá:** ngay sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của Tổng công ty và trong vòng 3 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của Thủ tướng Chính phủ.

- **Giá khởi điểm:** Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2017 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực miền Nam, giá khởi điểm bán đấu giá là 10.100 đồng/1 cổ phần.

- **Đối tượng tham gia đấu giá:** Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong nước và nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo Điều 11 Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/8/2015, Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2015 quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## **3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

### **3.1. Tiêu chí nhà đầu tư chiến lược**

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-BNN-QLDN ngày 01/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược; xác định giá bán cổ phần tối thiểu để đàm phán với nhà đầu tư chiến lược; lựa chọn Sở Giao dịch chứng khoán khi bán cổ phần lần đầu thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam như sau:

3.1.1. Là doanh nghiệp trong nước, nước ngoài có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; trong đó có tối thiểu 03 năm hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông sản, lương thực, thực phẩm.

3.1.2. Có vốn điều lệ tối thiểu là 2.500 tỷ đồng đối với doanh nghiệp trong nước hoặc tương đương 2.500 tỷ đồng đối với doanh nghiệp nước ngoài vào năm 2016; có lợi nhuận sau thuế trong 03 năm liên tiếp từ năm 2014 đến năm 2016, không có lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2016.

3.1.3. Có xác nhận của cơ quan thuế không vi phạm chính sách về thuế; không nợ đọng thuế tại thời điểm 31/12/2016.

3.1.4. Có cam kết bằng văn bản do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu về các nội dung sau:

a) Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giữ thương hiệu “VINAFOOD II”, phát triển ngành nghề trong lĩnh vực nông sản, lương thực, thực phẩm; thực hiện liên kết với nông dân trong sản xuất, kinh doanh nông sản, lương thực,

thực phẩm; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, phát triển thị trường theo chiến lược phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

c) Không có bất kỳ hành vi nào xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

d) Không chuyển nhượng cổ phần tại Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần trong thời hạn là 05 năm tính từ ngày công ty cổ phần này được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo Luật doanh nghiệp.

đ) Chịu trách nhiệm về tiền đặt cọc, tiền mua cổ phần tại Tổng công ty Lương thực miền Nam là hợp pháp.

### **3.2. Phương thức và quy mô chào bán**

#### **Phương thức chào bán:**

- Chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi bán đấu giá công khai (IPO), bảo toàn vốn nhà nước cao nhất. Mức giá tối thiểu để đàm phán, đấu giá (nếu có) với nhà đầu tư chiến lược là giá đấu thành công bình quân cuộc đấu giá công khai.

#### **Quy mô chào bán:**

- Tổng số lượng cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 25% cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần của Tổng công ty Lương thực miền Nam tương ứng 125.000.000 cổ phần.
- Thời gian chào bán: Sau khi Tổng công ty triển khai bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và trong vòng 3 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng công ty của Thủ tướng Chính phủ.

### **4. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên**

Số lượng cổ phần Tổng công ty bán ưu đãi cho người lao động là: **4.969.000** cổ phần, tương ứng với 0,99% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Bao gồm:

#### **🚩 Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**

- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Tổng công ty tại thời điểm ngày 14/06/2016: 2.525 người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 2.300 người; 225 người không đủ điều kiện do thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước dưới 12 tháng.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 2.300 người.

- Tổng số năm làm việc thực tế trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 28.842 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của: 2.300 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc thực tế trong khu vực Nhà nước: 2.884.200 cổ phần.

**+ Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Tổng công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua ngày 05/7/2016 và ngày 10/4/2017**

- Tổng số lao động của Tổng công ty có trong danh sách tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 14/06/2016 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần 1.908 người.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 913 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 1.625.600 cổ phần.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 130 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 459.200 cổ phần.
- Giá bán: giá bán đấu giá thành công thấp nhất.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán đấu giá thành công, Tổng công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

**5. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn Tổng công ty**

- Số cổ phần tổ chức công đoàn đăng ký mua: 200.000 cổ phần.
- Thời gian bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn: Sau khi bán đấu giá cổ phần thành công.
- Giá bán: giá chào bán được xác định theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/11/2017.

**6. Phương án xử lý cổ phần không bán hết**

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

- Số lượng cổ phần người lao động trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần không bán được hoặc không bán hết cho nhà đầu tư chiến lược.
- Số cổ phần không bán hết sẽ được xử lý theo đúng quy định Nhà nước.

## **7. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán**

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần sẽ căn cứ vào quy mô vốn điều lệ và số lượng cổ đông thực tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ thực hiện đăng ký công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UPCoM hoặc trong trường hợp Tổng Công ty đáp ứng các điều kiện niêm yết trên sàn chứng khoán (HSX/HNX) thì Công ty sẽ xem xét lựa chọn niêm yết trên sàn chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

**Ông Vũ Bá Vinh**

Chức vụ: Thành viên phụ trách Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam

### **2. Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam**

**Ông Nguyễn Ngọc Nam**

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc

**Bà Lê Thị Thảo**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

### **3. Tổ chức tư vấn triển khai tổ chức bán đấu giá**

**Ông Tống Minh Tuấn**

Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN HCM

Việc đánh giá và chọn lựa ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được chúng tôi thực hiện một cách thận trọng, dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam cung cấp.

## **KẾT LUẬN**



Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam trước khi đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu do Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam cung cấp và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Trân trọng cảm ơn./.



**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
TM. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO  
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



Vũ Bá Vinh

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
Q. TÔNG GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Nam

Lê Thị Thảo

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**



Tổng Minh Tuấn